



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2016

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2016



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
INFORMATION AND COMMUNICATIONS PUBLISHING HOUSE

MỤC LỤC

Vị thế, chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	iii
Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	v
Lời tựa của Thống đốc	vii
Các Vụ, Cục, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	ix
■ Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam	1
1. Tổng quan kinh tế thế giới	1
1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới	1
1.2. Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia	3
2. Kinh tế Việt Nam	4
2.1. Tăng trưởng kinh tế	4
2.2. Lao động, thu nhập	6
2.3. Diễn biến lạm phát	7
2.4. Thu chi Ngân sách Nhà nước	8
2.5. Cán cân thanh toán	9
2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ	10
2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng	17
■ Phần II - Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	21
1. Điều hành chính sách tiền tệ	21
2. Quản lý ngoại hối	26
3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng	27
4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính	33
5. Công tác pháp chế	35
6. Công tác phát hành kho quỹ	36
7. Hoạt động thanh toán	37
8. Hoạt động thông tin tín dụng	40
9. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin	43
■ Phần III - Quản trị nội bộ	44
1. Hoạt động kiểm toán nội bộ	44
2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng	44
3. Công tác nghiên cứu khoa học	46
4. Công tác thống kê	47
5. Công nghệ thông tin	48
■ Phần IV - Hợp tác quốc tế	50
1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế	50
2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế	51
3. Quan hệ hợp tác song phương	52
■ Phụ lục	54

VỊ THẾ CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Trụ sở chính, 49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam

□ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, là Ngân hàng Trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

Tóm lược Điều 2, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Chính sách tiền tệ quốc gia là các quyết định về tiền tệ ở tầm quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền biểu hiện bằng chỉ tiêu lạm phát, quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra.

Khoản 1, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm được thể hiện thông qua việc quyết định chỉ số giá tiêu dùng và giám sát việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Khoản 2, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Chính phủ trình Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm. Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia theo quy định của Chính phủ.

Khoản 4, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

**BAN LÃNH ĐẠO
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**



Ông Lê Minh Hưng
Tổng đốc



Ông Nguyễn Đồng Tiến
Phó Tổng đốc



Ông Nguyễn Toàn Thắng
Phó Tổng đốc



Ông Đào Minh Tú
Phó Tổng đốc



Ông Nguyễn Phước Thanh
Phó Tổng đốc



Bà Nguyễn Thị Hồng
Phó Tổng đốc



Ông Nguyễn Kim Anh
Phó Tổng đốc



Thống đốc
Lê Minh Hưng

Lời tựa của Thống đốc

Kinh tế Việt Nam năm 2016 mặc dù có những thuận lợi nhưng cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Trên thị trường thế giới, kinh tế các nước phục hồi chậm và không đều; thương mại toàn cầu suy giảm mạnh; giá hàng hóa có xu hướng phục hồi nhưng yếu. Thị trường tài chính quốc tế biến động phức tạp: đồng USD tăng giá sau bầu cử Tổng thống Mỹ và quyết định nâng lãi suất của Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed); chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương các nước có xu hướng vận động trái chiều với Fed; nước Anh quyết định rời bỏ EU (Brexit) tạo ra sự bất định lớn trên thị trường tài chính châu Âu và London. Ở trong nước, biến đổi khí hậu diễn ra nhanh hơn dự báo, thiên tai xảy ra trên diện rộng trong cả nước, sự cố ô nhiễm môi trường biển ở 04 tỉnh miền Trung đã gây ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế xã hội nước ta, nhất là hoạt động sản xuất và đời sống của Nhân dân. Trước các tác động bất lợi đó, Việt Nam vẫn tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng khá, đảm bảo các cân đối vĩ mô, cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh.

Nhận thức rõ những khó khăn, thách thức, trên cơ sở bám sát mục tiêu của Quốc hội, Chính phủ và diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước đã triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý; đồng thời đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng. Trên tinh thần đó, các công cụ, giải pháp chính sách tiền tệ được phối hợp triển khai đồng bộ, linh hoạt để điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo các chỉ tiêu tiền tệ, tín dụng tăng theo đúng định hướng đề ra, hỗ trợ ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ. Duy trì ổn định các mức lãi suất điều hành, kết hợp điều tiết thanh khoản hệ thống tổ chức tín dụng nhằm giảm lãi suất liên ngân hàng, tạo điều kiện giảm lãi suất thị trường và hỗ trợ phát hành thành công trái phiếu Chính phủ với kỳ hạn dài, khối lượng lớn. Thực hiện cách thức điều hành tỷ giá trung tâm linh hoạt hàng ngày nhằm ứng phó kịp thời với những diễn biến trong nước và quốc tế, giúp giảm tâm lý găm giữ ngoại tệ và hạn chế các cú sốc bên ngoài tới thị trường trong nước. Các giải pháp tín dụng cũng được triển khai quyết liệt, đảm bảo tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả và góp phần thực hiện chủ trương hạn chế tình trạng đô-la hóa nền kinh tế. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý nhà nước đối với thị trường vàng theo Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ, tạo sự ổn định vững chắc cho thị trường vàng. Đồng thời, tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp về hoàn thiện thể chế, tăng cường công tác thanh tra, giám sát, đẩy mạnh tái cơ cấu và xử lý nợ xấu, tập trung xử lý dứt điểm các tổ chức tín dụng yếu kém để duy trì và phát triển hệ thống tổ chức tín dụng an toàn, lành mạnh, tạo nền tảng cho việc hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của giai đoạn 2016-2020. Song song với đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục đẩy mạnh triển

khai có hiệu quả các hoạt động khác nhằm đạt được mục tiêu chính sách tiền tệ và quản lý nhà nước về lĩnh vực ngân hàng như hiện đại hóa công nghệ ngân hàng và hoạt động thanh toán; nâng cao năng lực công tác thống kê, công tác an toàn kho quỹ thông qua việc tăng cường hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tiên tiến; đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông, đa dạng hóa phương thức truyền thông và gia tăng hàm lượng thông tin công bố... Bên cạnh việc triển khai các nhiệm vụ về chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục củng cố các quan hệ hợp tác song phương và đa phương trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, góp phần tích cực vào quá trình hội nhập chung của toàn nền kinh tế và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Với việc thực hiện chủ động, đồng bộ các giải pháp, chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng tiếp tục đạt được những thành công trong điều kiện phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Mặt bằng lãi suất được giữ ổn định và có xu hướng giảm, hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp và nền kinh tế. Tỷ giá và thị trường ngoại hối ổn định, cung cầu ngoại tệ được đảm bảo; cách thức điều hành tỷ giá mới linh hoạt, ứng phó kịp thời với biến động trên thị trường tài chính quốc tế được Chính phủ và các tổ chức quốc tế đánh giá cao, lòng tin vào Việt Nam đồng được củng cố, dự trữ ngoại hối Nhà nước được tăng cường. Tín dụng tăng trưởng phù hợp với mục tiêu định hướng, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhưng tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, công nghiệp chế biến, chế tạo,... Hệ thống các tổ chức tín dụng tiếp tục duy trì sự phát triển an toàn, ổn định, qua đó tạo nền tảng quan trọng để triển khai thực hiện Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020. Từ đó, chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng đã đóng góp quan trọng trong việc duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát cả năm ở mức 4,7%, đạt mức mục tiêu dưới 5% của Quốc hội; đồng thời vẫn hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý, góp phần tích cực vào việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 của đất nước.

Những thành tựu nổi bật nêu trên cho thấy năm 2016 tiếp tục là một năm thành công trong công tác điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước. Những khó khăn, thách thức đặt ra cho ngành Ngân hàng trong năm 2017 cũng như những năm tiếp theo còn rất lớn. Song với kết quả đạt được trong các năm qua và sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục cố gắng nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao phó trong năm 2017 và tạo ra những bước chuyển biến mạnh mẽ để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



LÊ MINH HƯNG

CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tham mưu, giúp Thống đốc quyết định việc sử dụng công cụ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, bao gồm tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở và các công cụ, biện pháp khác.

Vụ Chính sách tiền tệ

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngoại hối, hoạt động ngoại hối và hoạt động kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật.

Vụ Quản lý ngoại hối

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực thanh toán trong nền kinh tế quốc dân theo quy định của pháp luật.

Vụ Thanh toán

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng đối với các ngành kinh tế theo quy định của pháp luật.

*Vụ Tín dụng
các ngành kinh tế*

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác dự báo, thống kê theo quy định của pháp luật.

Vụ Dự báo, thống kê

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác và hội nhập quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vụ Hợp tác quốc tế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước.

*Vụ Ổn định tiền tệ -
tài chính*

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ hoạt động của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

Vụ Kiểm toán nội bộ

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.

Vụ Pháp chế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng công trình của Ngân hàng Nhà nước; quản lý nhà nước về kế toán, tài chính, đầu tư xây dựng công trình của ngành Ngân hàng.

Vụ Tài chính - Kế toán

Tham mưu, giúp Thống đốc, Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước thực hiện công tác tổ chức và biên chế; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; chế độ tiền lương và các chế độ khác thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vụ Tổ chức cán bộ

<i>Vụ Thi đua - khen thưởng</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Truyền thông</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông ngành Ngân hàng liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước.
<i>Văn phòng</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc trong công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động ngân hàng; thực hiện công tác cải cách hành chính của Ngân hàng Nhà nước; quản lý hoạt động văn thư, lưu trữ của ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
<i>Cục Công nghệ tin học</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ thông tin trong phạm vi toàn ngành Ngân hàng và triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong Ngân hàng Nhà nước.
<i>Cục Phát hành và kho quỹ</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng Ngân hàng Trung ương về lĩnh vực phát hành và kho quỹ theo quy định của pháp luật.
<i>Cục Quản trị</i>	Giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý về tài sản công (không bao gồm tài sản đã giao đơn vị sự nghiệp tự chủ) được Thống đốc giao và công tác quản trị, phục vụ hậu cần của Ngân hàng Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh gồm: quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo vệ, an ninh, trật tự an toàn cơ quan, chăm lo đời sống, sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.
<i>Sở Giao dịch</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện các nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương.
<i>Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng</i>	Đơn vị tương đương Tổng cục, trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, bảo hiểm tiền gửi; tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc.

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương theo ủy quyền của Thống đốc.

*Các chi nhánh tại tỉnh,
thành phố trực thuộc
Trung ương*

CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ ĐƠN VỊ DO THỐNG ĐỐC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP

Nghiên cứu và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Ngân hàng; tổ chức nghiên cứu, triển khai và quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành Ngân hàng phục vụ yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và theo quy định của pháp luật.

*Viện Chiến lược
ngân hàng*

Là tổ chức sự nghiệp công lập, thực hiện chức năng đăng ký tín dụng Quốc gia; thu nhận, xử lý, lưu trữ, phân tích thông tin tín dụng; phòng ngừa hạn chế rủi ro tín dụng; chấm điểm, xếp hạng tín dụng pháp nhân và thể nhân trên lãnh thổ Việt Nam phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; cung ứng sản phẩm dịch vụ thông tin tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

*Trung tâm Thông tin
tín dụng Quốc gia
Việt Nam*

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn về xã hội và hoạt động ngân hàng, có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động của ngành Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

Thời báo Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận và diễn đàn về lý luận nghiệp vụ, khoa học và công nghệ ngân hàng; có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hoạt động ngân hàng và những thành tựu về khoa học, công nghệ của ngành Ngân hàng và lĩnh vực liên quan theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

Tạp chí Ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Ngân hàng Nhà nước và của ngành Ngân hàng.

*Trường Bồi dưỡng
cán bộ ngân hàng*

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng ở bậc trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học và các ngành nghề khác khi được cấp có thẩm quyền cho phép; tổ chức nghiên cứu khoa học và tư vấn về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng.

Học viện Ngân hàng

Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam

1. Tổng quan kinh tế thế giới

Năm 2016, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, thương mại toàn cầu suy giảm, thị trường tài chính biến động. Điều hành chính sách tiền tệ vẫn theo xu hướng nới lỏng nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ngoại trừ một số nước trong đó có Mỹ. Theo đó, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) từng bước thắt chặt chính sách tiền tệ (điều chỉnh tăng lãi suất Fed Fund vào ngày 14/12/2016), trong khi hầu hết các ngân hàng trung ương khác như BOE, BOJ, ECB, PboC... duy trì nới lỏng chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Thị trường tài chính quốc tế biến động phức tạp do tác động của sự kiện Brexit, diễn biến tăng giá mạnh của đồng USD sau bầu cử Tổng thống Mỹ và quyết định nâng lãi suất của Fed. Lạm phát toàn cầu bắt đầu có dấu hiệu tăng trở lại trong bối cảnh giá hàng hóa cơ bản và giá dầu phục hồi, nhưng nhìn chung vẫn ở mức thấp.

1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới

Theo thống kê của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)¹, tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2016 đạt 3,1%, thấp hơn mức 3,4% của năm 2015 và không đồng đều giữa các khu vực.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng 1,6%, thấp hơn mức 2,6% của năm 2015, tuy nhiên hoạt động kinh tế bắt đầu chuyển biến tích cực kể từ quý II/2016. Thị trường chứng khoán, bất động sản tiếp tục phục hồi. Tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 5% cuối năm 2015 xuống còn 4,7% cuối năm 2016. Chiến thắng của tân Tổng thống Mỹ Donald Trump khiến thị trường kỳ vọng lạm phát tại Mỹ sẽ tăng nhanh và sự kiện Fed tăng lãi suất trong phiên họp ngày 14/12/2016 đã khiến đồng USD lên giá mạnh. Thâm hụt ngân sách tăng lần đầu tiên trong 5 năm, chiếm 3,2%GDP (năm 2015: 2,5%GDP), nhưng vẫn tương đương với mức trung bình đã duy trì trong 40 năm qua. Lạm phát tăng từ mức 0,1% năm 2015 lên 1,3% năm 2016.

“

Kinh tế thế giới năm 2016 tăng trưởng chậm lại ở hầu hết các quốc gia. Lạm phát bắt đầu có dấu hiệu tăng trở lại trong bối cảnh giá hàng hóa cơ bản (dầu thô, lương thực) phục hồi, nhưng nhìn chung vẫn ở mức thấp.

¹ Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu cập nhật tháng 4/2017, Quỹ Tiền tệ thế giới.

Kinh tế khu vực đồng Euro tăng trưởng thấp, thặng dư thương mại sụt giảm và tiềm ẩn nhiều rủi ro (nợ công, xu hướng bảo hộ đặc biệt sau sự kiện Brexit...). Tăng trưởng GDP đạt 1,7%, thấp hơn mức 2,0% năm 2015. Tăng trưởng khu vực tập trung ở một số nền kinh tế lớn như Đức, Pháp, Tây Ban Nha. Tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 10,4% năm 2015 xuống còn 9,8% vào tháng 11/2016, mức thấp nhất kể từ tháng 7/2009. Nợ công khu vực giảm xuống 89,2%GDP từ mức 90,3%GDP năm 2015 nhưng vẫn ở mức cao tại một số nước như Hy Lạp (179,9%GDP), Italy (132,6%GDP), Pháp (96%GDP). Thâm hụt ngân sách trung bình toàn khu vực giảm từ 2,1%GDP năm 2015 xuống còn 1,5%GDP năm 2016. Lạm phát toàn khu vực tăng từ 0% năm 2015 lên 0,2% năm 2016.

Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng mặc dù có cải thiện nhưng vẫn ở mức thấp, tiếp tục phải đối diện với nhiều khó khăn do sức ép giảm phát, đầu tư và tiêu dùng yếu, thương mại sụt giảm, tình trạng già hóa dân số ngày càng nghiêm trọng. GDP năm 2016 tăng 1,0%, cao hơn mức 0,5% năm 2015. Xuất khẩu liên tục sụt giảm mặc dù đồng JPY mất giá. Lạm phát giảm từ mức 0,8% năm 2015 xuống còn -0,1% năm 2016. Thâm hụt ngân sách ở mức 4,5%GDP, thấp hơn so với mức 4,8%GDP của năm 2015. Nợ công tiếp tục gia tăng từ mức 247,9%GDP năm 2015 lên mức 250,4%GDP năm 2016.

Các nước mới nổi và đang phát triển nhìn chung đều tăng trưởng chậm. Tăng trưởng năm 2016 của nhóm nước này ở mức 4,1%, tương đương mức 4,2% của năm 2015. Trong khối BRICS, Trung Quốc tăng 6,7%, thấp hơn mức 6,9% của năm 2015, nợ công, nợ xấu tăng cao, thị trường bất động sản tiềm ẩn nguy cơ “bong bóng”, thương mại suy giảm, tình hình tài chính - tiền tệ tiềm ẩn nhiều rủi ro, đồng Nhân dân tệ mất giá, dự trữ ngoại hối sụt giảm, áp lực dòng vốn ra tăng cao. Tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ mặc dù giảm so với năm 2015, song vẫn duy trì tốc độ khoảng 6,8% (năm 2015: 7,9%) nhờ đẩy mạnh cải cách, tăng tiêu dùng tư nhân và hưởng lợi từ giá hàng nhập khẩu thấp. Nga và Brazil vẫn chưa thoát khỏi suy thoái, tốc độ tăng trưởng âm lần lượt ở mức -0,2% và -3,6%. Lạm phát trung bình của nhóm các nước mới nổi và đang phát triển ở mức 4,4%, giảm so với mức 4,7% năm 2015.

1.2. Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia

Xu hướng chính sách tiền tệ thế giới năm 2016 chủ yếu là nới lỏng nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Trong số 66 nền kinh tế tiến hành điều chỉnh lãi suất, có tới 43 nền kinh tế tiến hành cắt giảm lãi suất. Xu hướng cắt giảm lãi suất diễn ra mạnh mẽ hơn cả tại một số nền kinh tế thuộc khu vực châu Đại Dương, Đông Á và châu Á - Thái Bình Dương (Úc, New Zealand, Indonesia, Ấn Độ, Đài Loan...), trước áp lực phải cắt giảm lãi suất điều hành để tạo lực đẩy cho tăng trưởng kinh tế chậm chạp.

Đối với các nước phát triển, các ngân hàng trung ương Nhật Bản (BOJ), Anh (BOE), châu Âu (ECB),... đã phải thực hiện các chính sách nới lỏng mạnh tay hơn. ECB tiếp tục hạ sâu mức lãi suất điều hành xuống 0%, gia tăng thêm quy mô và kéo dài thời gian các chương trình nới lỏng định lượng. BOJ buộc phải áp dụng chính sách lãi suất âm lần đầu tiên từ ngày 16/02/2016 với mức lãi suất hàng năm được ấn định ở mức -0,1% đối với một số tài khoản do các thể chế tài chính nắm giữ ở ngân hàng trung ương. BOE cũng đã quyết định cắt giảm lãi suất điều hành lần đầu tiên vào tháng 8/2016 từ 0,5% xuống 0,25% sau khi sự kiện Brexit diễn ra, đồng thời mở rộng quy mô chương trình thu mua tài sản lên tới 435 triệu bảng Anh trong vòng 18 tháng. Ngược lại, trước các điều kiện kinh tế trong nước đã cho thấy những tín hiệu cải thiện thật sự, Fed tăng 0,25 điểm phần trăm lãi suất Fed Fund lần thứ 2 vào cuối tháng 12 từ mức 0,25-0,5% lên 0,5-0,75%. Nếu lạm phát ở Mỹ tiếp tục gia tăng và kinh tế phục hồi tốt thì Fed sẽ tiếp tục tăng lãi suất trong năm 2017.

Đối với các nước mới nổi và đang phát triển, đa số ngân hàng trung ương điều chỉnh giảm lãi suất như Ấn Độ, Indonesia, Hungary, Nga, Malaysia... hoặc giữ nguyên lãi suất như Thái Lan, Philippines... nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế. Một số nước như Mexico, Colombia phải điều chỉnh tăng lãi suất để ngăn chặn nguy cơ đảo chiều dòng vốn do Mỹ tăng lãi suất. Trung Quốc cũng tiếp tục tham gia vào trào lưu nới lỏng chính sách tiền tệ khi thực hiện giảm thêm 0,5% tỷ lệ dự trữ bắt

“

Trong bối cảnh kinh tế hồi phục chậm, xu hướng điều hành chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương chủ yếu vẫn là nới lỏng, trong khi Fed tiếp tục tăng lãi suất.

buộc đối với các tổ chức tín dụng xuống còn 17%, đồng thời liên tục bơm thêm tiền vào nền kinh tế hàng tháng thông qua nghiệp vụ thị trường mở nhằm duy trì tăng trưởng kinh tế.

2. Kinh tế Việt Nam

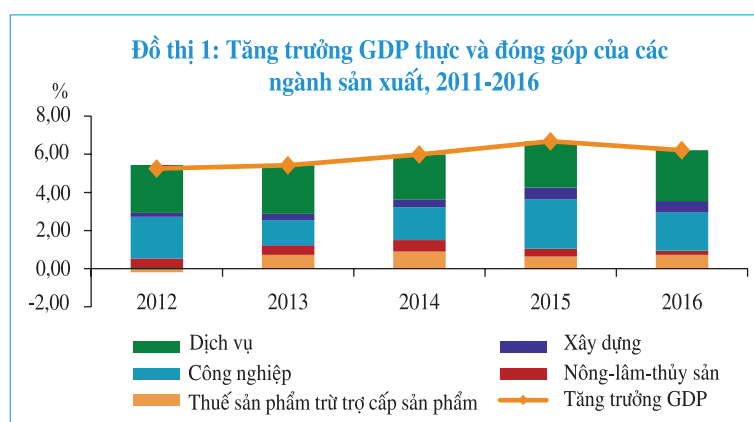
Năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020. Trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm, thương mại toàn cầu trì trệ, giá nhiều hàng hóa cơ bản giảm mạnh, nền kinh tế nước ta bước vào thực hiện kế hoạch đã gặp phải rất nhiều khó khăn, thách thức như khu vực sản xuất nông nghiệp tăng thấp, ngành khai khoáng sụt giảm, động lực tăng trưởng kinh tế chủ yếu xuất phát từ cầu trong nước. Tuy nhiên, với sự nỗ lực, đổi mới của Chính phủ và bộ, ngành, các cấp, nền kinh tế nước ta đã vượt qua khó khăn, tiếp tục đà phục hồi và phát triển ổn định, tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm. Bên cạnh đó, môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện, tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, là một trong những yếu tố quan trọng giúp phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Theo ngành kinh tế, dịch vụ và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm có mức tăng trưởng cao hơn cùng kỳ trong khi ngành nông - lâm - thủy sản và công nghiệp và xây dựng tăng chậm lại đáng kể

“

Tăng trưởng kinh tế năm 2016 đạt 6,21%, thấp hơn mức 6,68% của năm 2015 và thấp hơn mục tiêu 6,7% chủ yếu do ngành nông nghiệp và khai khoáng gặp nhiều điều kiện bất lợi.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, tính toán của Ngân hàng Nhà nước

Nông - lâm - thủy sản tiếp tục tăng chậm lại ở mức 1,4%, là mức tăng thấp nhất từ năm 2011 trở lại đây, chủ yếu do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, thời tiết khắc nghiệt và sự cố môi trường biển.

Công nghiệp tăng trưởng 7,1%, thấp hơn mức tăng 9,4% của cùng kỳ năm 2015 chủ yếu do ngành khai khoáng giảm 4%, đây là mức giảm sâu nhất từ năm 2011. Nguyên nhân ngành này giảm chủ yếu do giá dầu, than thế giới giảm khiến sản lượng khai thác giảm (Dầu thô khai thác giảm hơn 1,67 triệu tấn; sản lượng khai thác than cũng giảm 1,26 triệu tấn so với năm trước). Công nghiệp chế biến chế tạo vẫn tăng 11,6%, cao hơn mức tăng 11,4% của cùng kỳ do FDI giải ngân vẫn giữ được mức tăng khá ở mức 9,0%. Các ngành còn lại có tốc độ tăng cao hơn mức tăng của cùng kỳ.

Xây dựng vẫn giữ được mức tăng trưởng cao, ở mức 10% (tương đương với mức tăng của cùng kỳ) do sự cải thiện của thị trường bất động sản. Trong năm 2016, thị trường bất động sản có sự phục hồi nhờ giá vật liệu xây dựng ổn định, mặt bằng lãi suất thấp. Bên cạnh đó, Chính phủ và các bộ, ngành đã có các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh giải ngân vốn cho các công trình, dự án xây dựng.

Dịch vụ tăng trưởng 7,0%, là mức tăng cao nhất trong vòng 4 năm qua, chủ yếu do sự phục hồi của bốn nhóm ngành: (i) Dịch vụ lưu trú và ăn uống; (ii) Vận tải, kho bãi; (iii) Hoạt động kinh doanh bất động sản và (iv) Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm. Tuy nhiên, lĩnh vực Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác vẫn có mức tăng thấp hơn cùng kỳ do sức mua không biến động lớn, trong khi giá tiêu dùng năm 2016 tăng cao hơn so với năm 2015.

Về tổng cầu, động lực tăng trưởng kinh tế chủ yếu do cầu trong nước, trong khi cầu nước ngoài rớt tiếp tục có mức đóng góp âm vào tốc độ tăng trưởng chung

Tiêu dùng cuối cùng tăng 7,3%, thấp hơn mức tăng 9,1% của năm 2015. Mặc dù tiêu dùng của Chính phủ có mức tăng cao hơn năm 2015 nhưng Tiêu dùng cuối cùng vẫn tăng thấp hơn năm 2015 do tiêu dùng tư nhân tăng thấp.

Tổng tích lũy tài sản tăng 9,7%, là mức tăng cao nhất trong 6 năm gần đây và có mức đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chung đạt mức cao nhất từ năm 2011 trong đó sự phục hồi của ngành xây dựng và các hoạt động đầu tư đóng vai trò quan trọng.

Xuất khẩu ròng mặc dù vẫn đóng góp âm vào tăng trưởng kinh tế (đóng góp âm 2,2 điểm phần trăm) nhưng đã cải thiện so với mức đóng góp âm 5,3 điểm phần trăm của năm 2015. Trong đó, xuất khẩu tăng 13,9%, cao hơn mức 12,6% của năm 2015 trong khi nhập khẩu tăng 15,3%, thấp hơn mức tăng 18,1% của năm 2015.

2.2. Lao động, thu nhập



Tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục giảm ở khu vực thành thị nhưng tăng nhẹ ở khu vực nông thôn, thu nhập bình quân đầu người năm 2016 đạt 2.215 USD.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước năm 2016 ước tính là 54,4 triệu người, tăng 455,6 nghìn người so với năm 2015, bao gồm: Lao động nam 28,1 triệu người, chiếm 51,6%; lao động nữ 26,3 triệu người, chiếm 48,4%. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi năm 2016 là 2,3% (năm 2015 là 2,3%; năm 2014 là 2,1%), trong đó khu vực thành thị là 3,2% (năm 2015 là 3,3%; năm 2014 là 3,4%); khu vực nông thôn là 1,9% (năm 2015 là 1,8%; năm 2014 là 1,5%). Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) năm 2016 là 7,3%, trong đó khu vực thành thị là 11,3%; khu vực nông thôn là 5,7%.

Năng suất lao động xã hội của toàn nền kinh tế năm 2016 theo giá hiện hành ước tính đạt 84,5 triệu đồng/lao động (tương đương khoảng 3.853 USD/lao động). Tính theo giá so sánh năm 2010, năng suất lao động toàn nền kinh tế năm 2016 ước tính tăng 5,3% so với năm 2015. Theo khu vực kinh tế, năng suất lao động bình quân trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt thấp nhất với 32,9 triệu đồng/lao động; khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 112,0 triệu đồng/lao động; khu vực dịch vụ đạt 103,5 triệu đồng/lao động. Mặc dù năng suất lao động của Việt Nam thời gian qua đã có sự cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm nhưng còn ở mức thấp so với các nước trong khu vực.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2016 đạt 2.215 USD, tăng 106 USD so với năm 2015. Đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, mức

lương cơ sở được điều chỉnh theo Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ tăng từ mức 1,15 triệu đồng/tháng lên mức 1,21 triệu đồng/tháng từ ngày 01/5/2016; mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình... được tăng theo Nghị định số 122/2015/NĐ-CP ngày 14/11/2015 của Chính phủ và có hiệu lực từ ngày 01/01/2016. Theo đó, mức lương của người lao động được phân theo 04 vùng, cụ thể vùng I, II, III, IV tương ứng 3,5 triệu đồng/tháng; 3,1 triệu đồng/tháng; 2,7 triệu đồng/tháng và 2,4 triệu đồng/tháng.

2.3. Diễn biến lạm phát

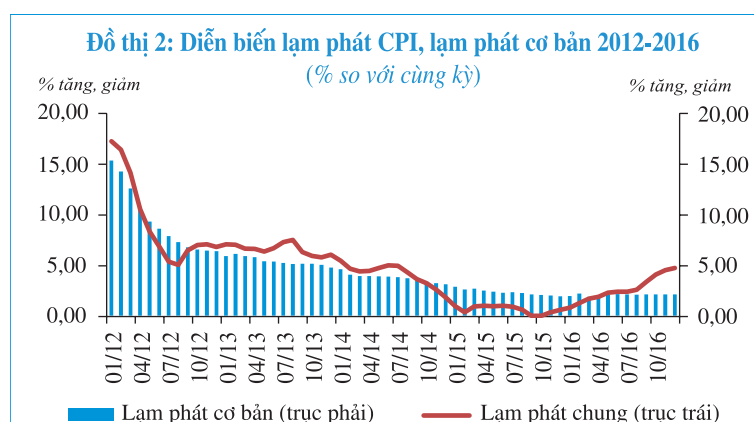
Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với năm trước, cao hơn mức tăng 0,63% của năm 2015, nhưng vẫn thấp hơn đáng kể so với mức tăng tương ứng của giai đoạn 2011-2014. Lạm phát năm 2016 có xu hướng tăng, tập trung ở một số nguyên nhân đặc thù. *Thứ nhất*, theo lộ trình điều chỉnh giá của Nhà nước, giá dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục năm 2016 được điều chỉnh tăng mạnh, theo đó chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tăng 38,1%, chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục tăng 7,1%, góp phần đáng kể làm tăng lạm phát. *Thứ hai*, tình hình thời tiết khắc nghiệt như hạn hán, xâm nhập mặn, mưa lũ... ảnh hưởng đến nguồn cung lương thực, thực phẩm, dẫn đến chỉ số giá nhóm lương thực tăng 1,6% và nhóm thực phẩm tăng 2,8%. *Thứ ba*, giá hàng hóa cơ bản thế giới có xu hướng hồi phục, đặc biệt là giá nhiên liệu và chất đốt, làm tăng giá xăng dầu, giá gas trong nước, khiến tốc độ tăng chỉ số giá của nhóm Nhà ở, chất đốt, vật liệu xây dựng và nhóm Giao thông cao hơn so với năm 2015; qua đó cũng làm tăng chi phí sản xuất đầu vào của các nhóm hàng khác. *Ngoài ra*, năm 2016, Chính phủ tiếp tục triển khai lộ trình cải cách tiền lương tối thiểu vùng từ ngày 01/01/2016 và lương cơ sở từ ngày 01/5/2016; đồng thời đẩy mạnh thực hiện các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý.

Việc Chính phủ vẫn kiên định mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô từ năm 2011 đến nay đã phục hồi niềm tin của thị trường, qua đó giúp ổn định kỳ vọng lạm phát. Loại trừ các yếu tố biến động nhất thời,

“

Lạm phát năm 2016 chuyển sang xu hướng tăng, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm tăng 2,66%, chủ yếu do ảnh hưởng biến động của giá lương thực, thực phẩm và việc điều chỉnh giá Nhà nước quản lý. Lạm phát cơ bản khá ổn định, ở mức 1,83%.

lạm phát cơ bản bình quân năm 2016 ở mức 1,83%, thấp hơn mức tăng 2,66% của lạm phát tổng thể. Điều này cho thấy xu hướng tăng lạm phát của năm 2016 không phải do yếu tố tiền tệ mà chủ yếu là do yếu tố thị trường và việc điều chỉnh giá các dịch vụ Nhà nước quản lý như dịch vụ y tế và giáo dục.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

2.4. Thu chi Ngân sách Nhà nước

“

Năm 2016, thu Ngân sách Nhà nước vượt dự toán nhờ Ngân sách địa phương thặng dư và hoạt động kinh tế trong nước phục hồi, góp phần đáng kể vào việc hoàn thành các nhiệm vụ chi cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội. Tuy nhiên, bội chi Ngân sách Nhà nước vẫn còn cao.

Tổng thu cân đối Ngân sách Nhà nước theo dự toán của Quốc hội năm 2016 vượt 2,4% so với dự toán, đạt khoảng 24%GDP (năm 2015: vượt 9,3% dự toán và bằng 21,9%GDP). Thu tăng vượt dự toán chủ yếu nhờ khu vực ngoài quốc doanh và sự phục hồi trên thị trường bất động sản ở một số địa phương lớn. Thu nội địa vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu ngân sách (79,5%) và vượt dự toán 5,7% (năm 2015: vượt 15,9% dự toán) trong điều kiện sản xuất kinh doanh phục hồi, mặc dù sự phục hồi không đồng đều, chỉ tập trung ở khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh (bằng 115,5% dự toán) trong khi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa đạt dự toán (91,7% dự toán); thu dầu thô chỉ đạt 72,5% dự toán (năm 2015: đạt 72,6% dự toán) do giá dầu thô phục hồi yếu; thu từ xuất nhập khẩu chỉ đạt 96,5% dự toán (năm 2015: vượt 1,3% dự toán).

Tổng chi cân đối Ngân sách Nhà nước vượt dự toán 1,9% (năm 2015: vượt 7,3% dự toán). Trong đó, chi đầu tư phát triển vượt 2,4% dự toán (năm 2015: vượt 5,3% dự toán); chi thường xuyên tăng 3,4% so với dự toán (năm 2015: vượt 1,7% dự toán).

Bội chi Ngân sách Nhà nước ở mức 254.000 tỷ đồng, bằng 5,6%GDP thực hiện (năm 2015: 6,1%GDP). Mức bội chi này nằm trong dự toán nhưng vẫn cao hơn mức mục tiêu đặt ra (4,95%GDP).

2.5. Cán cân thanh toán

Cán cân thanh toán tổng thể năm 2016 thặng dư 8,39 tỷ USD, cải thiện mạnh so với mức thâm hụt 6,03 tỷ USD của năm 2015 nhờ cán cân vãng lai và cán cân tài chính thặng dư cao. Kinh tế vĩ mô trong nước khá ổn định, tâm lý găm giữ ngoại tệ giảm, Ngân hàng Nhà nước đã mua được lượng lớn ngoại tệ từ các tổ chức tín dụng để tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước.

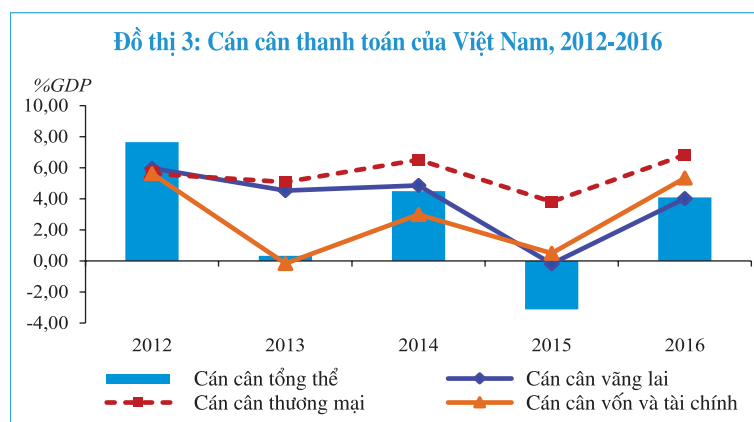
Cán cân vãng lai thặng dư 8,2 tỷ USD (tương đương 4%GDP) cải thiện so với mức thâm hụt 353 triệu USD (tương đương -0,2%GDP) của năm 2015, do hầu hết các cán cân bộ phận đều diễn biến thuận lợi hơn so với năm 2015. Đặc biệt, mức thặng dư cao của cán cân hàng hóa và sự phục hồi của nguồn thu từ chuyển tiền kiều hối là những yếu tố tích cực nhất đóng góp cho mức thặng dư cao của cán cân vãng lai. Cán cân hàng hóa năm 2016 thặng dư 14 tỷ USD, gần gấp đôi so với mức thặng dư 7,3 tỷ USD của năm 2015; cán cân dịch vụ thâm hụt 5,4 tỷ USD, tăng 2,86% so với mức thâm hụt 5,25 tỷ USD của năm 2015. Thâm hụt cán cân thu nhập được thu hẹp từ mức gần 10 tỷ USD trong năm 2015 xuống mức 8,36 tỷ USD trong năm 2016, do lợi nhuận đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài và các khoản sinh lời từ quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước trong năm 2016 tăng cao trong khi chi trả lợi nhuận cho khu vực doanh nghiệp FDI giảm mạnh. Chuyển giao vãng lai thặng dư 7,98 tỷ USD, tăng 6,45% so với mức thặng dư 7,5 tỷ USD của năm 2015 chủ yếu do chuyển tiền kiều hối tăng (đạt 8,87 tỷ USD so với mức 8,28 tỷ USD của năm 2015).

Cán cân vốn và tài chính thặng dư 10,96 tỷ USD, gấp 11,3 lần mức thặng dư 967 triệu USD của năm 2015. Vốn đầu tư trực tiếp vào Việt Nam tiếp tục tăng trưởng, hạng mục tiền và tiền gửi thâm hụt thấp hơn năm 2015 là các nguyên nhân giúp cán cân vốn và tài chính thặng dư cao. Cụ thể: Đầu tư trực tiếp nước ngoài ròng năm 2016 thặng dư 11,6 tỷ USD, tăng 8,4% so với năm 2015 nhờ tốc

“

Cán cân vãng lai và cán cân vốn thặng dư cao, tỷ giá và thị trường ngoại hối trong nước ổn định, tâm lý găm giữ ngoại tệ giảm tạo thuận lợi cho việc tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước.

độ giải ngân khá của các doanh nghiệp về cuối năm. Vốn đầu tư gián tiếp ròng thặng dư 228 triệu USD, cải thiện so với mức thâm hụt 65 triệu USD của năm 2015 do thị trường chứng khoán có nhiều diễn biến tích cực, chỉ số VN-Index tăng 15,75%. Vay nợ nước ngoài ròng đạt 2,87 tỷ USD, giảm 47% so với mức 5,4 tỷ USD của năm 2015 do cả vay ngắn, trung và dài hạn đều giảm. Tiền và tiền gửi thâm hụt 3,8 tỷ USD, thấp hơn so với mức thâm hụt 15,02 tỷ USD của năm 2015.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ

Diễn biến tiền tệ

“

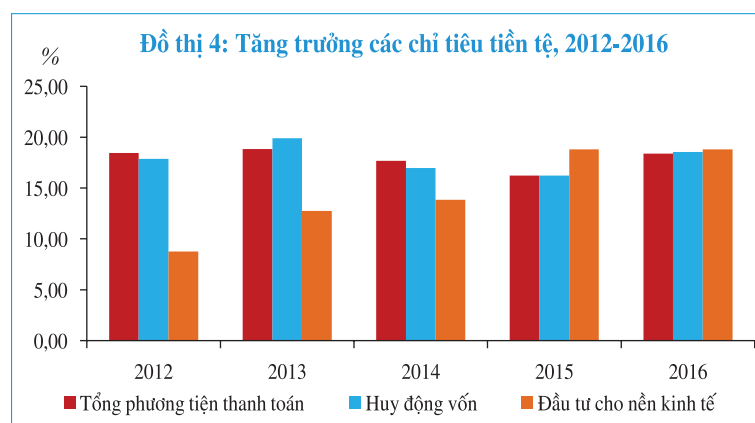
Tổng phương tiện thanh toán giữ tốc độ tăng trưởng hợp lý góp phần kiểm soát lạm phát. Huy động vốn tiếp tục tăng trưởng; đầu tư đối với nền kinh tế tăng khá hỗ trợ đà phục hồi của hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước.

Tính đến cuối năm 2016, tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng 18,4% so với cuối năm trước chủ yếu do: (i) Đầu tư đối với nền kinh tế tăng tốc ngay từ những tháng đầu năm do hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước phục hồi giúp Tài sản có trong nước ròng (NDA) tăng mạnh 19,2% so với cuối năm 2015; (ii) Trong bối cảnh nền kinh tế xuất siêu, dòng tiền nước ngoài đổ vào trong nước tăng mạnh, làm thặng dư cán cân thanh toán và Tài sản có nước ngoài ròng (NFA) tăng (tăng 13,5% so với năm trước). Ngân hàng Nhà nước đã một mặt chủ động mua ngoại tệ tăng dự trữ ngoại hối nhà nước, mặt khác kiểm soát thận trọng cung tiền để không tạo áp lực lên lạm phát.

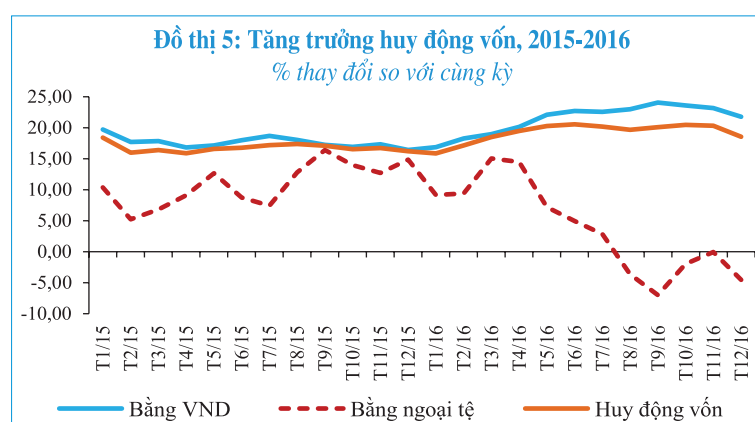
Huy động vốn của hệ thống ngân hàng tiếp tục tăng trưởng mạnh, tỷ lệ đô-la hóa giảm

Trong bối cảnh lạm phát ổn định ở mức thấp, chênh lệch lãi suất huy động VND - ngoại tệ được duy trì

hợp lý góp phần nâng cao giá trị VND và các kênh đầu tư khác (chứng khoán, bất động sản) chưa hồi phục hoàn toàn, tiền gửi ngân hàng vẫn là kênh lựa chọn đầu tư chủ yếu. Tăng trưởng huy động vốn toàn hệ thống năm 2016 đạt 18,5%, cao hơn so với mức tăng 16,2% của năm 2015; trong đó, huy động vốn VND tăng 21,8% (năm 2015: 16,41%), huy động vốn ngoại tệ giảm 4,54% (năm 2015: tăng 14,86%). Huy động vốn ngoại tệ giảm giúp hạn chế tình trạng đô-la hóa nền kinh tế; tỷ lệ huy động vốn ngoại tệ trên tổng phương tiện thanh toán (FCD/M2) có xu hướng giảm liên tiếp từ năm 2009 và đến năm 2016 ở mức 8,71%, thấp hơn mức bình quân 11,8% giai đoạn 2012-2015 và mức bình quân 19,1% giai đoạn 2007-2011.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

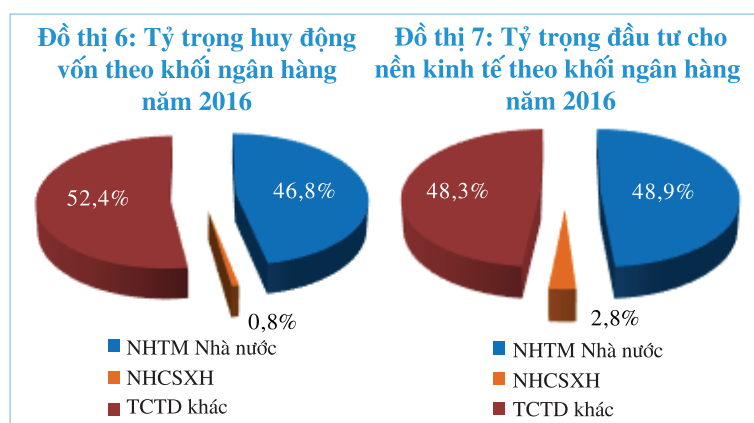


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tỷ trọng huy động vốn của nhóm ngân hàng thương mại Nhà nước tăng, nhóm tổ chức tín dụng khác giảm², cụ thể: Huy động vốn của nhóm ngân hàng thương mại

2 Gồm ngân hàng thương mại cổ phần, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, ngân hàng thương mại liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Nhà nước (không bao gồm Ngân hàng Chính sách xã hội) chiếm 46,8% tổng mức huy động vốn toàn hệ thống (năm 2015: 45,5%); nhóm các tổ chức tín dụng khác chiếm 52,4% (năm 2015: 53,7%); Ngân hàng Chính sách xã hội chỉ chiếm 0,8% trong tổng huy động vốn của toàn ngành.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

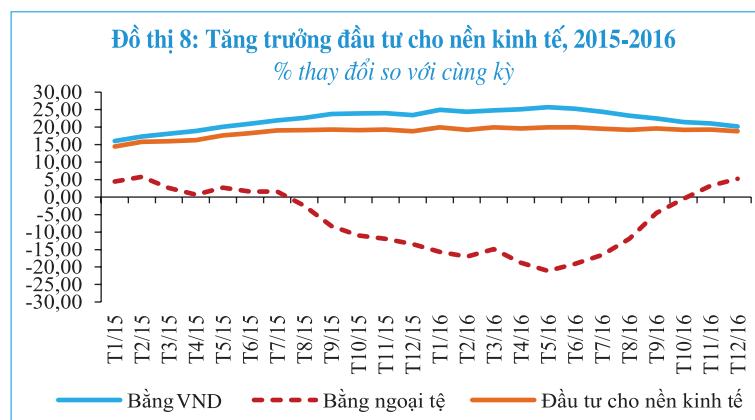
Đầu tư đối với nền kinh tế tăng khá³

Năm 2016, đầu tư đối với nền kinh tế tăng 18,8% so cuối năm trước, tương đương mức tăng của năm 2015; trong đó, đầu tư bằng VND tăng 20,2% và đầu tư bằng ngoại tệ tăng 5,2%. Đáng lưu ý, cơ cấu đầu tư có sự dịch chuyển đáng kể từ ngoại tệ sang VND. Cụ thể, tỷ trọng đầu tư bằng VND/tổng đầu tư đối với nền kinh tế tăng liên tiếp từ năm 2011 (80%) đến năm 2016 (92%). Đầu tư đối với nền kinh tế được định hướng chủ yếu chảy vào lĩnh vực sản xuất, đặc biệt đối với các khu vực nông nghiệp - nông thôn, công nghiệp chế biến, chế tạo,... Bên cạnh mặt đạt được trong việc hạn chế tình trạng đô-la hóa trên giác độ tiền gửi, công tác chống đô-la hóa trên giác độ tiền vay cũng có bước thành công đáng kể. Cụ thể, tỷ lệ đầu tư bằng ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán giảm mạnh liên tiếp từ mức 18,1% (năm 2011) xuống chỉ còn 6,3% (năm 2016).

Về cơ cấu đầu tư cho nền kinh tế theo khối ngân hàng, tỷ trọng đầu tư có xu hướng giảm đối với khối ngân hàng thương mại Nhà nước và tăng đối với khối tổ chức tín

³ Đầu tư đối với nền kinh tế = Tín dụng đối với tổ chức kinh tế và cá nhân + Góp vốn, đầu tư mua cổ phần của tổ chức kinh tế và đầu tư khác vào tổ chức kinh tế.

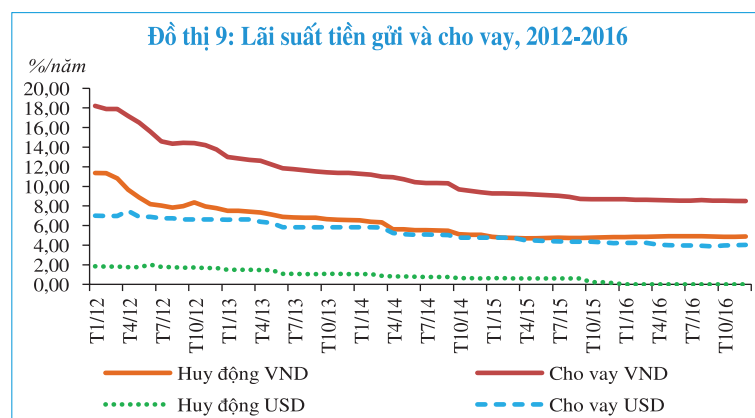
dụng khác: Dư nợ đầu tư của nhóm các ngân hàng thương mại Nhà nước (không bao gồm Ngân hàng Chính sách xã hội) tính đến cuối năm 2016 chiếm 48,9% tổng dư nợ đầu tư toàn nền kinh tế (năm 2015: 49,1%); Ngân hàng Chính sách xã hội chiếm 2,8% (3,0%); nhóm các tổ chức tín dụng khác chiếm 48,3% (47,9%).



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Diễn biến lãi suất

Lãi suất đồng Việt Nam



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ghi chú: Lãi suất tiền gửi và cho vay là lãi suất bình quân

“

Mặt bằng lãi suất thị trường tiếp tục ổn định, chênh lệch lãi suất huy động giữa đồng Việt Nam với đô-la Mỹ giúp nâng cao vị thế Việt Nam đồng.

Năm 2016, mặt bằng lãi suất tiếp tục ổn định, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ. Lãi suất huy động sau khi tăng 0,2-0,3%/năm trong 3 tháng đầu năm thì từ tháng 4 đã ổn định, đặc biệt giữa tháng 4 và từ cuối tháng 9/2016, nhiều tổ chức tín dụng đã giảm 0,3-0,5%/năm lãi suất huy động và giảm 0,5-1%/năm lãi suất cho vay đối với một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Đến cuối năm 2016, lãi suất huy động bằng VND phổ

biến ở mức 0,8-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,4-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,4-7,2%/năm. Lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6-9%/năm đối với ngắn hạn; 9-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Lãi suất đồng USD

Lãi suất USD diễn biến phù hợp với chủ trương của Chính phủ và định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước về chống đô-la hóa trong nền kinh tế, hạn chế tình trạng găm giữ ngoại tệ, hỗ trợ ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ. Đến cuối năm 2016, lãi suất huy động bằng USD của các tổ chức tín dụng ở mức 0%/năm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 2,8-6,0%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 2,8-4,8%/năm và lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,9-6,0%/năm.

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Thị trường liên ngân hàng tăng mạnh về quy mô giao dịch

Tổng doanh số cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng bằng VND đạt 6.219 nghìn tỷ đồng, tăng 443 nghìn tỷ đồng (tương đương tăng 7,6%) so với năm 2015. Tương tự, quy mô giao dịch liên ngân hàng bằng USD trong năm 2016 cũng tăng mạnh với tổng doanh số cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng bằng USD quy đổi VND đạt 3.491 nghìn tỷ đồng, tăng 1.360 nghìn tỷ đồng (tương đương tăng 63,8%) so với năm 2015. So với hoạt động cho vay, gửi tiền, doanh số hoạt động mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô nhỏ hơn nhưng đạt được mức tăng trưởng cao, doanh số giao dịch tăng từ mức 249 nghìn tỷ đồng năm 2015 lên 513 nghìn tỷ đồng vào năm 2016.

Xét theo kỳ hạn, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng năm 2016 tiếp tục phát sinh chủ yếu ở các kỳ hạn dưới 1 tháng, trong đó tập trung nhiều vào kỳ hạn qua đêm, 1 tuần. Doanh số giao dịch qua đêm bằng VND cả năm đạt 2.191 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi VND

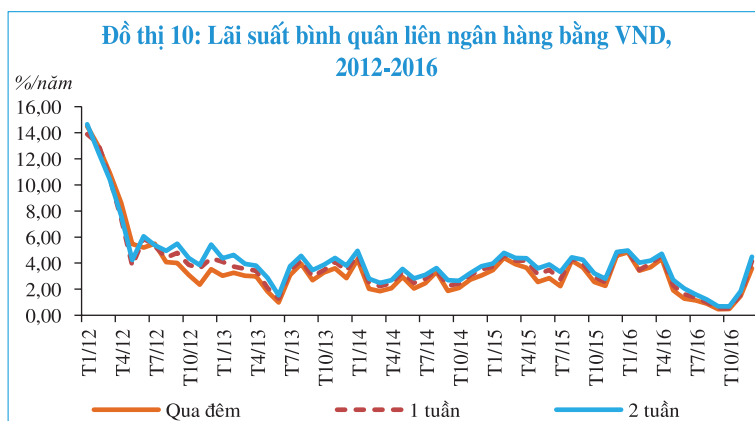
“

Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức thấp, quy mô giao dịch bằng VND và USD tăng mạnh.

đạt 2.015 nghìn tỷ đồng, lần lượt chiếm 35% và 58% so với tổng doanh số giao dịch cả năm.

Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức thấp

Năm 2016, mặt bằng lãi suất giao dịch trên thị trường liên ngân hàng giảm, thanh khoản thị trường dồi dào trong bối cảnh huy động vốn của các ngân hàng tăng trưởng khá và Ngân hàng Nhà nước mua ròng ngoại tệ. Bình quân cả năm 2016, lãi suất kỳ hạn qua đêm giữ ở mức 2,25%/năm, giảm 1,08%/năm so với năm 2015. Tương tự, lãi suất của kỳ hạn 1 tuần và 2 tuần cũng lần lượt giảm 1,23%/năm và 1,26%/năm.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Diễn biến thị trường ngoại tệ

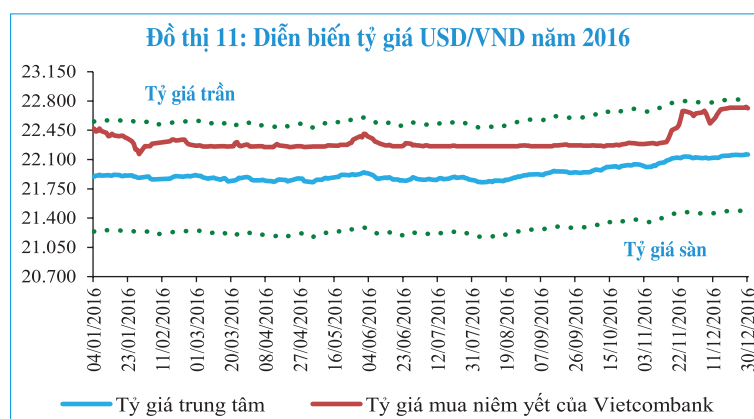
Năm 2016, tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước tương đối ổn định trong bối cảnh thị trường quốc tế có nhiều giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng bất lợi như sự kiện Brexit hồi tháng 6/2016 và diễn biến tăng giá mạnh của đồng USD sau bầu cử Tổng thống Mỹ và quyết định tăng lãi suất của Fed vào tháng 12/2016. Cán cân thanh toán tổng thể chuyển từ thâm hụt sang thặng dư ở mức cao tạo điều kiện thuận lợi cho cân đối cung - cầu ngoại tệ trong nước và Ngân hàng Nhà nước chủ động thực hiện mua/bán ngoại tệ kịp thời đã giúp ổn định thị trường. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chủ động, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, kết hợp với cách thức điều hành tỷ giá trung tâm linh hoạt hàng ngày theo diễn biến thị trường trong và ngoài nước, phù hợp với các cân đối vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu chính sách tiền tệ, qua đó giúp giảm tâm lý găm giữ ngoại tệ và

“

Thị trường ngoại tệ trong nước năm 2016 tương đối ổn định trong bối cảnh thị trường thế giới có nhiều biến động và cán cân thanh toán tổng thể thặng dư cao.

hạn chế các cú sốc bên ngoài tới thị trường trong nước. Nhờ đó, trong cả năm 2016, tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước không có nhiều biến động lớn, thanh khoản thị trường tốt, tình trạng găm giữ ngoại tệ giảm, hệ thống các tổ chức tín dụng mua ròng ngoại tệ từ khách hàng, Ngân hàng Nhà nước mua được lượng lớn ngoại tệ đưa quy mô dự trữ ngoại hối Nhà nước lên mức cao kỷ lục.

Tỷ giá trung tâm cũng như tỷ giá giao dịch USD/VND trên thị trường cuối năm 2016 tăng khoảng 1,2% so với cuối năm 2015. Đặc biệt, ngay cả trong giai đoạn tỷ giá tăng, thanh khoản ngoại tệ vẫn đảm bảo, các giao dịch trên thị trường diễn ra bình thường, không có tình trạng căng thẳng như những năm trước đây, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, tâm lý găm giữ ngoại tệ tiếp tục giảm.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Diễn biến giá vàng

Giá vàng trong nước bám sát diễn biến của giá vàng thế giới, chênh lệch giá trong nước và thế giới đã thu hẹp. Đặc biệt, từ giữa tháng 2/2016 đến cuối tháng 6/2016, nhiều thời điểm giá vàng trong nước thấp hơn giá vàng thế giới. Điều này cho thấy chính sách quản lý thị trường vàng của Ngân hàng Nhà nước đã dẫn đi vào ổn định. Tại thời điểm cuối năm 2016, giá vàng trong nước ở mức 35,92/36,41 triệu đồng/lượng, tăng khoảng 11% so với cuối năm 2015.

Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2016 chịu tác động mạnh từ những biến động bất ngờ từ bên ngoài

“

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới, nhiều thời điểm thấp hơn giá vàng thế giới.

như sự kiện thị trường chứng khoán Trung Quốc ngừng giao dịch ngày 01/4/2016, sự kiện Brexit ngày 24/6/2016, kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ ngày 9/11/2016. Ngày 24/6/2016, chỉ số VN-Index có lúc đã sụt giảm 5,5%, ngày 09/11/2016 giảm sâu nhất 3%; tuy nhiên, do nền tảng của thị trường vẫn tốt nên đã phục hồi ngay sau đó. So với cuối năm 2015, chỉ số VN-Index tăng 14,8% lên mức 664,87 điểm, trong khi HNX-Index chỉ tăng 0,2% lên 80,02 điểm. Quy mô thị trường tăng khá, giá trị vốn hóa ở mức 1.370 nghìn tỷ đồng, tương đương 30,4% GDP và tăng 11,9% so với năm 2015. Giá trị giao dịch bình quân tăng: sàn HOSE đạt khoảng 2.437 tỷ đồng/phiên, tăng 24,0% so với mức bình quân năm 2015; sàn HNX đạt khoảng 511 tỷ đồng/phiên, tăng 8,4% so với mức bình quân năm 2015. Trên thị trường trái phiếu sơ cấp, kết quả phát hành trái phiếu Kho bạc trong năm 2016 tương đối thuận lợi, đạt 100% kế hoạch phát hành đã đề ra trong khi lãi suất phát hành giảm, qua đó, giúp giảm chi phí huy động vốn của Ngân sách Nhà nước. Đồng thời, kỳ hạn phát hành được kéo dài hơn so với cuối năm 2015 khi lần đầu tiên phát hành thành công trái phiếu Kho bạc ở kỳ hạn 7 năm, 20 năm và 30 năm.

2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng

Kế thừa, phát huy những kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2011-2015 và xác định năm 2016 là năm mở đầu, tạo nền tảng phát triển quan trọng cho giai đoạn 2016-2020; theo đó, số lượng các tổ chức tín dụng tiếp tục được cơ cấu lại theo hướng đảm bảo sự ổn định và an toàn hoạt động của hệ thống. Tính đến cuối năm 2016, hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam gồm 04 ngân hàng thương mại Nhà nước; 03 ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước mua lại; 28 ngân hàng thương mại cổ phần; 02 ngân hàng thuộc khối ngân hàng chính sách; 16 công ty tài chính và 11 công ty cho thuê tài chính thuộc khối tổ chức tín dụng phi ngân hàng; 04 tổ chức tài chính vi mô; 01 Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và 1.166 Quỹ tín dụng nhân dân; 08 ngân hàng 100% vốn nước ngoài; 51 văn phòng đại diện; 02 ngân hàng liên doanh và 51 chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

“

Thị trường chứng khoán biến động mạnh do chịu tác động từ những biến động bất ngờ từ bên ngoài.

“

Các tổ chức tín dụng nỗ lực nâng cao năng lực tài chính, cải thiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn, tăng cường quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Hệ số sinh lời tăng nhẹ so với năm 2015, thanh khoản tiếp tục ổn định, chất lượng tín dụng được nâng cao.

**Biểu 1: Hệ thống các tổ chức tín dụng của Việt Nam
(đến 31/12/2016)**

STT	Loại hình	2015	2016
1	Ngân hàng thương mại Nhà nước (NHTM Nhà nước đã cổ phần)	7(*) 4	7(*) 4
2	Ngân hàng Chính sách xã hội	1	1
3	Ngân hàng Phát triển	1	1
4	Ngân hàng thương mại cổ phần	28	28
5	Ngân hàng liên doanh	3	2
6	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	5	8
7	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	50	51
8	Tổ chức tín dụng phi ngân hàng	27	26
	<i>Gồm: Công ty tài chính</i>	<i>16</i>	<i>15</i>
	<i>Công ty cho thuê tài chính</i>	<i>11</i>	<i>11</i>
9	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	1	1
10	Quỹ tín dụng nhân dân	1.147	1.166
11	Tổ chức tài chính vi mô	3	4

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

() - Bao gồm cả 03 NHTMCP được Ngân hàng Nhà nước mua lại 0 đồng (Xây dựng Việt Nam, Dầu khí toàn cầu, Đại Dương).*

Các tổ chức tín dụng nỗ lực nâng cao năng lực tài chính, cải thiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn, tăng cường quản trị rủi ro

Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp tái cơ cấu nhằm tạo nền tảng quan trọng để Đề án Cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 được triển khai xây dựng và thực hiện theo đúng lộ trình đề ra. Theo đó, năm 2016, năng lực tài chính và quy mô hoạt động của các tổ chức tín dụng được cải thiện so với các năm trước, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Đến cuối tháng 12/2016, tổng tài sản của toàn hệ thống đạt 8.503,6 nghìn tỷ đồng, tăng 16,2% so với cuối năm 2015; vốn tự có toàn hệ thống đạt 639,7 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với cuối năm 2015; tổng vốn điều lệ toàn hệ thống đạt 488,4 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 6,1% so với cuối năm 2015. Công nghệ ngân hàng, năng lực quản trị, kiểm toán, kiểm soát nội bộ của các tổ chức tín dụng tiếp tục được tăng cường và hiện đại hóa theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

Biểu 2: Tài sản và vốn của tổ chức tín dụng⁴

	Tổng tài sản có		Vốn tự có		Vốn điều lệ	
	Tỷ đồng	± %	Tỷ đồng	± %	Tỷ đồng	± %
NHTM Nhà nước	4.021.553	16,63	229.499	12,87	157.239	6,39
- NHTM Nhà nước	3.861.942	16,89	229.499	12,87	146.543	6,89
- NH Chính sách xã hội	159.611	10,68			10.696	0,00
NHTM cổ phần	3.422.829	16,89	254.151	7,54	200.855	3,55
NHTM liên doanh, nước ngoài	828.322	9,63	130.955	11,77	104.103	10,81
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	114.370	30,20	21.362	20,59	19.700	6,71
Ngân hàng Hợp tác xã	26.385	20,45	3.694	6,39	3.025	0,81
Quỹ tín dụng nhân dân	90.112	16,06			3.502	12,91
Toàn hệ thống	8.503.571	16,18	639.661	10,66	488.424	6,11

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Biểu 3: Một số chỉ tiêu hoạt động của tổ chức tín dụng⁵

Đơn vị: %

	ROA	ROE	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn
NHTM Nhà nước	0,59	9,78	9,92	37,32
- NHTM Nhà nước	0,61	11,21	9,92	37,32
- Ngân hàng Chính sách xã hội	0,15	0,77		
NHTM cổ phần	0,39	5,44	11,80	39,93
NHTM liên doanh, nước ngoài	0,80	4,91	33,20	
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	4,01	19,47	20,41	45,30
Ngân hàng Hợp tác xã	0,80	9,49	28,49	21,29
Quỹ tín dụng nhân dân	0,89	13,29		
Toàn hệ thống	0,58	7,47	12,84	34,51

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

⁴ Vốn tự có đã loại bỏ các tổ chức tín dụng có vốn tự có âm và không bao gồm Ngân hàng Chính sách xã hội và Quỹ tín dụng nhân dân.

⁵ Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, ROA, ROE đã loại trừ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có Vốn tự có âm. Số liệu chỉ tiêu ROA, ROE thời điểm năm 2016 được tính toán từ Báo cáo tài chính chưa kiểm toán năm 2016.

Việc triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về thanh tra, giám sát, tái cơ cấu, xử lý nợ xấu giúp đảm bảo an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng; tâm lý thị trường và công chúng được ổn định; niềm tin của nhân dân đối với hệ thống ngân hàng được củng cố và nâng cao. Tính đến cuối tháng 12/2016, ROA và ROE của toàn hệ thống lần lượt là 0,6% và 7,5%, tăng nhẹ so với năm 2015 (các tỷ lệ này năm 2015 lần lượt là 0,5% và 6,1%). Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) đến tháng 12/2016 ở mức 12,8%, giảm nhẹ so với mức 13% cuối năm 2015.

Thanh khoản của hệ thống tiếp tục ổn định, chất lượng tín dụng được nâng cao

Rủi ro thanh khoản: Thanh khoản của toàn hệ thống khá ổn định và dư thừa khi vốn huy động trên thị trường 1 tăng trưởng khá, đặc biệt là các khoản tiền gửi có kỳ hạn; các tỷ lệ về khả năng chi trả được đảm bảo; tín dụng trung, dài hạn tăng nhanh để đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế song vẫn trong tầm kiểm soát.

Rủi ro tín dụng: Năm 2016, chất lượng tín dụng được cải thiện với tỷ lệ nợ xấu tiếp tục giảm và được kiểm soát ở mức an toàn theo mục tiêu đề ra (dưới 3%). Tính đến cuối tháng 12/2016, tỷ lệ nợ xấu nội bảng chiếm 2,46% tổng dư nợ, giảm nhẹ so với mức 2,55% cuối năm 2015. Tuy vậy, chất lượng tín dụng vẫn cần phải được chú trọng nâng cao hơn nữa khi nợ có khả năng mất vốn chiếm tỷ trọng cao, các khoản nợ xấu chưa được xử lý triệt để do những bất cập, vướng mắc về khung pháp lý trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm, mua bán nợ và nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn,...

Phần II – Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 23/02/2016, theo đó đặt mục tiêu, nhiệm vụ toàn ngành Ngân hàng năm 2016 là “*Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra (dưới 5%), ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý (khoảng 6,7%), bảo đảm thanh khoản của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế, duy trì ổn định thị trường tiền tệ. Năm 2016, định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16-18%, dư nợ tín dụng tăng khoảng 18-20%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Tổ chức thực hiện các giải pháp về tiền tệ, hoạt động ngân hàng để tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tiếp cận nguồn vốn tín dụng thúc đẩy sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn, chất lượng tín dụng, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế*”.

1. Điều hành chính sách tiền tệ

Điều hành chủ động, linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở nhằm hỗ trợ thanh khoản cho các tổ chức tín dụng, hỗ trợ ổn định thị trường ngoại tệ và góp phần kiểm soát tiền tệ

Nghiệp vụ thị trường mở tiếp tục được Ngân hàng Nhà nước điều hành chủ động, linh hoạt nhằm điều tiết thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường tiền tệ, hỗ trợ ổn định tỷ giá, từ đó tạo điều kiện giảm lãi suất huy động và cho vay, đồng thời hỗ trợ việc phát hành thành công trái phiếu Chính phủ.

Hàng ngày, Ngân hàng Nhà nước hỗ trợ thanh khoản cho các tổ chức tín dụng thiếu hụt tạm thời vốn khả dụng thông qua kênh chào mua giấy tờ có giá, với kỳ hạn chủ yếu là 7 ngày, lãi suất được giữ ổn định ở mức 5,0%/năm, khối lượng chào mua giấy tờ có giá điều chỉnh phù hợp với diễn biến thị trường và tình hình vốn khả

“

Chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý; đồng thời bảo đảm thanh khoản hệ thống, duy trì ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối.

dụng của các tổ chức tín dụng. Vào một số thời điểm nhu cầu thanh toán tăng cao do yếu tố mùa vụ, khối lượng chào mua giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng, kỳ hạn chào mua được kéo dài từ 7 ngày lên 14-56 ngày nhằm giảm áp lực thanh khoản cho các tổ chức tín dụng, góp phần giảm bớt áp lực lên mặt bằng lãi suất huy động, cho vay và ổn định thị trường tiền tệ.

Từ cuối tháng 5/2016, trong bối cảnh thanh khoản hệ thống dư thừa, để hỗ trợ ổn định tỷ giá và kiểm soát tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước đã điều tiết thanh khoản thông qua chào bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước với các kỳ hạn linh hoạt 7 và 14 ngày; đồng thời vẫn duy trì mức dư thừa hợp lý để hỗ trợ giảm mặt bằng lãi suất thị trường, qua đó hỗ trợ Bộ Tài chính phát hành thành công trái phiếu Chính phủ với chi phí thấp. Đặc biệt, tại thời điểm tỷ giá chịu áp lực gia tăng, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động tăng khối lượng chào bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, cùng với việc tăng lãi suất xét thầu, qua đó tăng chi phí nắm giữ USD, góp phần giảm nhu cầu đầu cơ và nắm giữ ngoại tệ của các tổ chức tín dụng. Từ tháng 10/2016, khi lạm phát có xu hướng tăng và kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ năm 2016 đã hoàn thành, Ngân hàng Nhà nước chủ động điều chỉnh tăng khối lượng chào bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và bổ sung thêm kỳ hạn dài hơn (28 ngày) nhằm tăng cường kiểm soát tiền tệ, góp phần kiểm soát lạm phát.

Duy trì ổn định các mức lãi suất điều hành

Năm 2016, điều hành chính sách lãi suất của Ngân hàng Nhà nước tiếp tục được thực hiện chủ động, linh hoạt nhằm duy trì ổn định mặt bằng lãi suất. Trong bối cảnh lạm phát tăng trở lại, tín dụng tăng ngay từ đầu năm, nhu cầu phát hành trái phiếu Chính phủ lớn, kỳ hạn dài thì việc ổn định được mặt bằng lãi suất là nhiệm vụ hết sức khó khăn. Trên cơ sở bám sát diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục duy trì ổn định các mức lãi suất điều hành⁶; chủ động điều tiết

⁶ Lãi suất tái cấp vốn ở mức 6,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu ở mức 4,5%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng ở mức 7,5%/năm; trần lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn bằng VND dưới 1 tháng ở mức 1%/năm, trần lãi suất tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng ở mức 5,5%/năm, lãi suất tiền gửi bằng USD đối với tổ chức và cá nhân ở mức 0%/năm.

tiền tệ, cho phép thanh khoản hệ thống dồi dào, lãi suất liên ngân hàng ở mức thấp, giúp các tổ chức tín dụng có thể tiếp cận vốn dễ dàng với lãi suất hợp lý trên thị trường liên ngân hàng mà không phải tăng lãi suất huy động, qua đó tạo điều kiện ổn định lãi suất thị trường. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng cân đối vốn hợp lý, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh để có điều kiện phấn đấu giảm lãi suất cho vay, đồng thời điều chỉnh tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn giảm dần theo lộ trình góp phần giảm áp lực lãi suất cho các tổ chức tín dụng.

Giữ ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng VND và ngoại tệ

Nhằm chủ động kiểm soát tiền tệ, ổn định thanh khoản của các tổ chức tín dụng và thị trường tiền tệ, hỗ trợ ổn định và giảm mặt bằng lãi suất, tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng VND được duy trì ở mức 3% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 1% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, tỷ lệ dự trữ bắt buộc được duy trì ở mức 8% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 6% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên và 1% đối với tiền gửi của các tổ chức tín dụng ở nước ngoài.

Thực hiện cách thức điều hành tỷ giá trung tâm linh hoạt hàng ngày, ứng phó kịp thời với những diễn biến trong nước và quốc tế

Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp nhằm ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ. *Thứ nhất*, Ngân hàng Nhà nước thực hiện công bố tỷ giá trung tâm hàng ngày⁷ thay cho tỷ giá bình quân liên ngân hàng trước đây trên cơ sở tham chiếu diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu chính sách tiền tệ. Tỷ giá trung tâm thay đổi linh hoạt theo cả hai chiều tăng/giảm giúp hạn chế tình trạng đầu cơ, găm giữ ngoại tệ, giảm tình trạng đô-la hóa; đồng thời, giúp giảm thiểu tác

⁷ Theo Quyết định số 2730/QĐ-NHNN ngày 31/12/2015 về việc công bố tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô-la Mỹ, tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam với một số ngoại tệ khác.

động bất lợi từ các biến động bên ngoài tới thị trường trong nước, hạn chế áp lực lên tỷ giá. *Thứ hai*, tại một số giai đoạn tỷ giá tăng chủ yếu do yếu tố tâm lý từ biến động trên thị trường quốc tế (sự kiện Brexit hồi tháng 6/2016; diễn biến tăng giá mạnh của đồng USD sau bầu cử Tổng thống Mỹ và quyết định nâng lãi suất của Fed vào tháng 12/2016), Ngân hàng Nhà nước đã chủ động tăng lãi suất và khối lượng phát hành tín phiếu để điều tiết thanh khoản, hỗ trợ ổn định tỷ giá; đồng thời vẫn duy trì mức dư thừa hợp lý đảm bảo góp phần giảm mặt bằng lãi suất VND theo chỉ đạo của Quốc hội và Chính phủ. *Thứ ba*, Ngân hàng Nhà nước thực hiện mua/bán ngoại tệ kịp thời, đảm bảo thanh khoản cho thị trường, hỗ trợ ổn định tỷ giá. Đặc biệt, vào những thời điểm kinh tế vĩ mô thuận lợi, nguồn cung ngoại tệ dồi dào, Ngân hàng Nhà nước một mặt chủ động mua ngoại tệ bổ sung dự trữ ngoại hối Nhà nước, mặt khác kiểm soát thận trọng cung tiền để không tạo áp lực lên lạm phát. *Thứ tư*, chính sách tỷ giá và quản lý thị trường ngoại tệ được phối hợp triển khai đồng bộ với các giải pháp, công cụ khác như lãi suất, quy định về tín dụng ngoại tệ, nghiệp vụ thị trường mở...; kết hợp với việc đẩy mạnh công tác truyền thông, định hướng thị trường qua đó tạo sự đồng thuận và từng bước hạn chế tình trạng găm giữ ngoại tệ, nâng cao vị thế Đồng Việt Nam, ổn định thị trường ngoại tệ. Công tác điều hành tỷ giá và thị trường ngoại tệ của Việt Nam năm 2016 đã được nhiều tổ chức quốc tế đánh giá cao, doanh nghiệp và người dân phản ứng tích cực.

Thực hiện các biện pháp tín dụng nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ thị trường trên cơ sở duy trì chất lượng tín dụng và góp phần thực hiện chủ trương hạn chế tình trạng đô-la hóa nền kinh tế

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai và tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp về tín dụng theo hướng mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn, chất lượng tín dụng, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận vốn vay ngân hàng. Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2016 là 6,7% và lạm phát dưới 5% được Quốc hội và Chính phủ đặt ra từ đầu năm, Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng chỉ tiêu

tăng trưởng tín dụng định hướng năm 2016 là 18-20%. Trên cơ sở mức tăng trưởng tín dụng định hướng toàn hệ thống, Ngân hàng Nhà nước thông báo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với tổ chức tín dụng và trong quá trình thực hiện, xem xét điều chỉnh chỉ tiêu này đối với các tổ chức tín dụng trên cơ sở tình hình tài chính và khả năng mở rộng tín dụng lành mạnh theo đề nghị của tổ chức tín dụng. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ tổ chức tín dụng mở rộng tín dụng có hiệu quả; tháo gỡ khó khăn trong quan hệ tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật như: cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giảm lãi suất của các khoản vay cũ; xem xét miễn, giảm lãi vốn vay; đơn giản hóa thủ tục vay vốn; xem xét không thu lãi quá hạn; ưu tiên thu nợ gốc trước, thu nợ lãi sau đối với các khoản nợ đến hạn mà khách hàng gặp khó khăn trong việc trả nợ; xem xét cho vay mới đối với các nhu cầu vay vốn có hiệu quả...

Đối với tín dụng ngoại tệ, nhằm góp phần thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời vẫn đảm bảo phù hợp với chủ trương của Chính phủ về hạn chế đô-la hóa trong nền kinh tế, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 07/2016/TT-NHNN ngày 27/5/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 24/2015/TT-NHNN ngày 8/12/2015 về cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trong đó gia hạn tổ chức tín dụng được xem xét, quyết định cho khách hàng vay vốn bằng ngoại tệ để đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn ở trong nước nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu đến hết 31/12/2016.

Linh hoạt sử dụng công cụ tái cấp vốn

Công cụ tái cấp vốn tiếp tục được điều hành chủ động, phù hợp với diễn biến thị trường và tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng, phối hợp cùng các công cụ chính sách tiền tệ khác góp phần đạt được mục tiêu kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai tái cấp vốn cho các mục tiêu theo chủ trương của Chính phủ

như: Tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của VAMC nhằm hỗ trợ nguồn vốn hoạt động của tổ chức tín dụng trong quá trình xử lý nợ xấu theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 và Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31/3/2015 của Chính phủ; Tái cấp vốn với các ngân hàng để cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 và Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 21/8/2014 của Chính phủ...

2. Quản lý ngoại hối

Quản lý giao dịch vãng lai và sử dụng ngoại tệ hợp lý

Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối; công tác quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước tiếp tục đảm bảo nguyên tắc an toàn, thanh khoản và sinh lời; đồng thời củng cố vai trò quản lý nhà nước đối với thị trường vàng.

Công tác quản lý các giao dịch vãng lai tiếp tục được thực hiện theo hướng tự do hóa phù hợp với các cam kết quốc tế, đồng thời vẫn tiếp tục triển khai các biện pháp hạn chế sử dụng ngoại tệ trong nước nhằm thực hiện mục tiêu hạn chế tiến tới xóa bỏ tình trạng đô-la hóa, tăng niềm tin của người dân vào đồng Việt Nam. Chính sách thu hút kiều hối tiếp tục thực hiện theo hướng thông thoáng và phù hợp với xu thế hội nhập, nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi cho dòng kiều hối chuyển về nước, góp phần cải thiện cán cân thanh toán của Việt Nam, tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện, triển khai các giải pháp để thu hút các nguồn ngoại tệ vào hệ thống ngân hàng thông qua các chính sách kiều hối, chính sách mua, bán ngoại tệ tiền mặt của tổ chức tín dụng được phép với cá nhân, chính sách quản lý thanh toán biên mậu...

Quản lý các giao dịch vốn

Bên cạnh công tác hoàn thiện văn bản chính sách về quản lý ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tăng cường công tác quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và quản lý hoạt động vay trả nợ nước ngoài theo hướng thận trọng, bảo đảm trong hạn mức được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm. Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng và đưa vào ứng dụng Trang điện tử quản lý hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp, trong đó cho phép các doanh nghiệp có thể chủ động đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, rút ngắn thời gian và quy trình đăng ký khoản vay; đồng



thời xây dựng cơ sở dữ liệu nợ nước ngoài theo phân tổ tiệm cận với thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, công tác quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tiếp tục tạo thuận lợi để thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, giám sát chặt chẽ dòng vốn đầu tư ngắn hạn và dòng vốn đầu tư ra nước ngoài phù hợp với cam kết hội nhập quốc tế và định hướng của Nhà nước.

Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước

Năm 2016, thị trường ngoại hối diễn biến tương đối ổn định, cung cầu ngoại tệ được đảm bảo, cách thức điều hành tỷ giá mới đã phát huy hiệu quả giúp hạn chế các cú sốc bên ngoài và giảm tình trạng găm giữ ngoại tệ. Trong điều kiện đó, Ngân hàng Nhà nước đã mua được lượng lớn ngoại tệ để bổ sung dự trữ ngoại hối Nhà nước.

Quản lý thị trường vàng tiếp tục chuyển biến tích cực

Năm 2016, thị trường vàng trong nước tiếp tục ổn định và tự điều tiết tốt, không xuất hiện các cơn “sốt vàng” trên thị trường; doanh số mua, bán vàng miếng giảm nhiều so với những năm trước. Ngân hàng Nhà nước không phải sử dụng ngoại tệ để nhập khẩu vàng can thiệp thị trường, không cấp phép cho doanh nghiệp nhập khẩu vàng, thị trường đã tự cân đối. Nhờ vậy, một phần nguồn vốn bằng vàng trong nền kinh tế tiếp tục được chuyển hóa thành tiền phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, góp phần ổn định tỷ giá và ổn định kinh tế vĩ mô.

3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng

Năm 2016 là năm đầu tiên, tạo nền tảng phát triển quan trọng cho việc triển khai thực hiện các giải pháp cơ cấu lại và xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020. Ngay từ đầu năm, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN và Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 23/02/2016, trong đó tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp về hoàn thiện thể chế, tăng cường công tác thanh tra, giám sát; đẩy mạnh tái cơ cấu và xử lý nợ xấu, tập trung xử lý dứt điểm các tổ chức tín dụng yếu kém. Nhờ đó đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn, lành mạnh của hệ

“

Hoạt động thanh tra, giám sát tập trung vào việc triển khai xây dựng, thực hiện Đề án tái cơ cấu các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020; triển khai áp dụng quy định về an toàn theo chuẩn

mục quốc tế Basel II và các vấn đề trọng yếu có liên quan như nợ xấu, chất lượng tín dụng, tỷ lệ đảm bảo an toàn, quản trị điều hành, phát hiện, cảnh báo sớm rủi ro; xử lý dứt điểm các tổ chức tín dụng yếu kém; phòng chống rửa tiền.

thống các tổ chức tín dụng, duy trì trật tự, kỷ cương và hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ, quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

Công tác thanh tra, giám sát

Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước tập trung thanh tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiền tệ, ngân hàng, các giới hạn, tỷ lệ an toàn hoạt động, việc triển khai Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng và Đề án Xử lý nợ xấu để phát hiện và kiên quyết xử lý các rủi ro, vi phạm pháp luật, đồng thời bảo đảm các chủ trương, chính sách của Nhà nước được thực hiện nghiêm túc. Công tác thanh tra trong năm 2016 tiếp tục tập trung vào 3 mảng thanh tra cơ bản, bao gồm: **(i)** Thanh tra pháp nhân với nội dung thanh tra bao trùm hầu hết các mảng hoạt động chính của tổ chức tín dụng; **(ii)** Thanh tra chuyên đề cơ cấu lại, xử lý nợ xấu và chất lượng tín dụng; **(iii)** Thanh tra một số đối tượng khác thuộc trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước. Các cuộc thanh tra được triển khai nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, kết hợp chặt chẽ giữa thanh tra, giám sát và kiểm toán độc lập. Phương pháp thanh tra được kết hợp giữa thanh tra tuân thủ và thanh tra trên cơ sở rủi ro với chất lượng ngày càng được nâng cao, đánh giá sát hơn tình hình, thực trạng hoạt động của đối tượng thanh tra. Công tác thanh tra được triển khai quyết liệt, tập trung, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm đã góp phần đảm bảo sự an toàn, ổn định của hệ thống ngân hàng, nâng cao kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

Công tác giám sát ngân hàng tiếp tục được đổi mới và tăng cường trên cơ sở hoàn thiện, triển khai các công cụ, phương pháp giám sát mới gắn liền với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển cơ sở dữ liệu và hệ thống tiêu chí giám sát. Trọng tâm công tác giám sát năm 2016 tập trung vào việc chấp hành tỷ lệ, giới hạn an toàn hoạt động ở tầm vĩ mô toàn hệ thống và vi mô từng tổ chức tín dụng, cảnh báo sớm rủi ro, trích lập dự phòng rủi ro, chất lượng tín dụng, xử lý nợ xấu, cơ cấu lại nợ, mua bán tài sản, lãi dự thu và các khoản phải thu, tình hình đầu tư và sở hữu chéo, hoạt động của các tổ chức tín dụng yếu kém hoặc bị kiểm soát đặc biệt,... Phạm vi giám

sát cũng được mở rộng, bao gồm cả các công ty con, chi nhánh của tổ chức tín dụng ở nước ngoài. Bên cạnh việc tăng cường công tác thanh tra, giám sát chuyên ngành, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra hành chính, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tội phạm trong ngành Ngân hàng. Đồng thời, trong quá trình thanh tra, giám sát, Ngân hàng Nhà nước tăng cường phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thông qua cung cấp thông tin, hồ sơ tài liệu, tiến hành giám định tư pháp,... Kết quả giám sát đã hỗ trợ tích cực cho công tác thanh tra, quản lý, cấp phép, xây dựng cơ chế, chính sách, tái cơ cấu và xử lý nợ xấu, góp phần tích cực hơn trong việc ngăn ngừa rủi ro của các tổ chức tín dụng, đảm bảo an toàn hoạt động hệ thống, duy trì ổn định tâm lý người gửi tiền.

Công tác quản lý cấp phép

Công tác quản lý, cấp phép trong năm 2016 tiếp tục được thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện thận trọng gắn với tiến độ, kết quả thực hiện tái cơ cấu và xử lý nợ xấu của toàn hệ thống và từng tổ chức tín dụng, nhằm bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống các tổ chức tín dụng. Trong năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận đề nghị thành lập 03 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 03 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 04 văn phòng đại diện, 01 công ty tài chính. Việc mở công ty con, chi nhánh của các tổ chức tín dụng Việt Nam ở nước ngoài cũng được xem xét thận trọng và gắn với tăng cường các biện pháp giám sát, bảo đảm an toàn hoạt động.

Tình hình xây dựng, thực hiện Đề án Cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 và triển khai áp dụng quy định về an toàn theo chuẩn mực quốc tế Basel II

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu và xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng

Năm 2016 được xác định là năm mở đầu, tạo nền tảng phát triển quan trọng để Đề án Cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020

được triển khai xây dựng và thực hiện theo đúng lộ trình đề ra. Theo đó, trên cơ sở phát huy những kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2011-2015, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và xử lý nợ xấu. Cụ thể: **(i)** Ban hành Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 23/02/2016, chỉ đạo toàn ngành Ngân hàng tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp về tái cơ cấu và xử lý nợ xấu, tập trung xử lý dứt điểm các tổ chức tín dụng yếu kém và duy trì bền vững tỷ lệ nợ xấu dưới 3%; **(ii)** Tăng cường kiểm soát, tái cơ cấu, giám sát chặt chẽ hoạt động, kịp thời xử lý kiến nghị của các ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước mua lại bắt buộc và các tổ chức tín dụng yếu kém nhằm từng bước khôi phục hoạt động của những tổ chức tín dụng này; **(iii)** Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, tập trung theo dõi, giám sát các ngân hàng thương mại cổ phần hình thành sau sáp nhập, hợp nhất; **(iv)** Tăng cường củng cố, chấn chỉnh hệ thống tổ chức tín dụng hợp tác, kiên quyết xử lý những quỹ tín dụng nhân dân yếu kém; đồng thời, triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương phá sản đối với một số quỹ tín dụng nhân dân yếu kém, không có khả năng phục hồi trở lại hoạt động bình thường; **(v)** Xử lý thêm một bước cơ bản các tổ chức tín dụng phi ngân hàng yếu kém thông qua một số biện pháp như sáp nhập, thu hồi giấy phép, triển khai các thủ tục phá sản theo quy định,...; đồng thời phối hợp với các bộ/ngành chủ quản của các tập đoàn/tổng công ty là chủ sở hữu của các tổ chức này chỉ đạo các đơn vị triển khai cơ cấu lại theo định hướng phù hợp; **(vi)** Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cũng đã trình Thủ tướng Chính phủ và Bộ Chính trị Đề án “Cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020”. Đến nay, về cơ bản, tình hình của các ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước mua lại bắt buộc đã đạt được một số kết quả bước đầu khả quan, bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành được kiện toàn và củng cố một bước; thanh khoản được cải thiện, bắt đầu có nguồn thu nhờ vào các hoạt động kinh doanh trong một số lĩnh vực an toàn dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước, đẩy lùi nguy cơ đổ vỡ ngoài tầm kiểm soát và rủi ro hệ thống.

Về xử lý nợ xấu, Ngân hàng Nhà nước đã tích cực chỉ đạo các tổ chức tín dụng tăng cường phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đúng theo quy định; xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng, hạn chế nợ xấu mới phát sinh; đồng thời tích cực hoàn thiện khung pháp lý về xử lý nợ xấu, phát triển thị trường mua bán nợ. Với các biện pháp chỉ đạo quyết liệt của Ngân hàng Nhà nước, sự nỗ lực, chủ động của các tổ chức tín dụng trong kiểm chế và xử lý nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu tiếp tục được duy trì ở mức an toàn theo mục tiêu đề ra (dưới 3%).

Hoàn thiện khung pháp lý về an toàn hoạt động ngân hàng, quản trị rủi ro, hỗ trợ xử lý nợ xấu

Trong năm 2016, Ngân hàng Nhà nước tích cực hoàn thiện khung pháp lý về an toàn hoạt động ngân hàng, xử lý nợ xấu, thúc đẩy phát triển thị trường mua, bán nợ. Ngân hàng Nhà nước đã tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định số 18/2016/NĐ-CP ngày 18/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh, mua bán nợ. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ngày 16/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC; Thông tư số 33/2016/TT-NHNN ngày 27/12/2016 quy định về các tỷ lệ khoản thu của VAMC đối với khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt; Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 31/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 42/2016/TT-NHNN ngày 31/12/2016 quy định về xếp hạng quỹ tín dụng nhân dân. Đây là các văn bản quan trọng góp phần thúc đẩy, khuyến khích tổ chức tín dụng bán nợ xấu cho VAMC theo giá trị thị trường; khuyến khích các chủ thể tham gia thị trường mua bán nợ một cách công khai, minh bạch và bình đẳng nhưng vẫn đảm bảo quản lý chặt chẽ khoản nợ.

Về an toàn hoạt động ngân hàng và tăng cường kiểm soát sở hữu chéo, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 06/2016/TT-NHNN ngày 27/5/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 32/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; xây dựng Nghị định quy định về củng cố tổ chức và hoạt động của các tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

Triển khai thực hiện quy định về an toàn theo chuẩn mực quốc tế và yêu cầu của Basel II

Nhiệm vụ triển khai thực hiện Basel II là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của hệ thống ngân hàng đã được xác định rõ tại Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020. Trong năm 2016, để triển khai việc áp dụng Basel II, Ngân hàng Nhà nước đã chỉ đạo và thực hiện các hoạt động: **(i)** Chỉ đạo ngân hàng thương mại thực hiện đánh giá tác động định lượng (QIS) dự thảo Thông tư hướng dẫn Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn; **(ii)** Nghiên cứu giải pháp tập trung hóa cơ sở dữ liệu tại CIC để hình thành cơ sở hạ tầng tài chính phục vụ cho việc tính tỷ lệ an toàn vốn; **(iii)** Tổ chức các khóa đào tạo chuyên đề (về các loại rủi ro, quy trình đánh giá mức đủ vốn nội bộ, thử nghiệm sức căng...) cho các ngân hàng thương mại và cán bộ thanh tra viên; **(iv)** Ban hành thông tư quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo phương pháp tiêu chuẩn Basel II làm cơ sở pháp lý cho các ngân hàng thực hiện...

Công tác phòng, chống rửa tiền

Với vai trò là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo phòng, chống rửa tiền, đầu mối của Việt Nam trong Nhóm châu Á – Thái Bình Dương về phòng, chống rửa

tiền (APG), Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp với các đơn vị, bộ, ngành có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố giai đoạn 2015 – 2020, thực hiện các nghĩa vụ thành viên của Việt Nam trong APG, tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật của Ngân hàng Thế giới trong triển khai đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, tài trợ khủng bố. Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã tiếp nhận khoảng 1.300 báo cáo giao dịch đáng ngờ từ các đối tượng báo cáo. Căn cứ kết quả phân tích, Ngân hàng Nhà nước đã chuyển giao nhiều vụ việc cho các cơ quan điều tra của Bộ Công an và các cơ quan có thẩm quyền khác để xử lý theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước còn hỗ trợ cung cấp nhiều lượt thông tin cho cơ quan thanh tra, điều tra, tố tụng trong và ngoài nước trong quá trình thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền và tội phạm khác có liên quan.

Bên cạnh đó, trong năm 2016, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính triển khai ký kết Hiệp định liên chính phủ về Đạo luật tuân thủ thuế đối với tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ (FATCA) giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hoa Kỳ và hướng dẫn các tổ chức tài chính chuẩn bị thực hiện báo cáo theo quy định của FATCA.

4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính

Ngân hàng Nhà nước chủ động, tích cực thực hiện khuyến nghị của Chương trình FSAP (Kế hoạch hành động hậu FSAP)

Năm 2016 là năm thứ ba Ngân hàng Nhà nước triển khai thực hiện Kế hoạch hành động hậu FSAP. Với vai trò là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo quốc gia về FSAP, Ngân hàng Nhà nước đã tích cực đôn đốc các bộ, ngành liên quan xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch hành động hậu FSAP để cải cách môi trường pháp lý, khuôn khổ giám sát nhằm đảm bảo hiệu quả trong việc triển khai đồng bộ, có hệ thống các khuyến nghị

“

Ngân hàng Nhà nước chủ động, tích cực triển khai kế hoạch hành động thực hiện các khuyến nghị của Chương trình đánh giá khu vực tài chính (FSAP), tăng cường hiệu lực vận hành khung chính sách an toàn vĩ mô nhằm ngăn ngừa rủi ro hệ thống.

của FSAP. Trên cơ sở theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch hành động hậu FSAP chi tiết của các bộ, ngành liên quan, Ngân hàng Nhà nước báo cáo Ban Chỉ đạo Quốc gia về FSAP theo định kỳ 6 tháng/lần. Ngoài ra, trong năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã hoàn thành các thủ tục kiện toàn nhân sự của Ban Chỉ đạo quốc gia về FSAP.

Ngân hàng Nhà nước tăng cường hiệu lực vận hành khung chính sách an toàn vĩ mô nhằm ngăn ngừa rủi ro hệ thống

Ngày 31/12/2016, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ký Quyết định số 2563/QĐ-NHNN ban hành Quy chế giám sát rủi ro hệ thống nhằm chuẩn hóa quy trình theo dõi, giám sát rủi ro hệ thống. Đồng thời, làm rõ vai trò và trách nhiệm của từng đơn vị Ngân hàng Nhà nước trong thực hiện giám sát an toàn vĩ mô, nhằm hạn chế và ngăn ngừa rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống. Công tác theo dõi, giám sát và đánh giá rủi ro hệ thống tài chính được Ngân hàng Nhà nước thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua việc phân tích các chỉ số an toàn vĩ mô (MPIs), các mô hình định lượng; hoàn thiện hệ thống báo cáo giám sát rủi ro hệ thống định kỳ (tháng, quý, năm), các báo cáo chuyên đề (bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, trái phiếu...), qua đó giúp nhận diện sớm những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro hệ thống và đưa ra các giải pháp chính sách ứng phó kịp thời, phù hợp.

Ngoài ra, nhằm tăng cường sự thống nhất trong điều hành chính sách và thực thi nhiệm vụ ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính của Ngân hàng Nhà nước, ngày 20/12/2016, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ký Quyết định số 2471/QĐ-NHNN thành lập Tổ Công tác và nhóm giúp việc Tổ Công tác ổn định tiền tệ - tài chính của Ngân hàng Nhà nước. Theo đó, Tổ Công tác này có nhiệm vụ tham mưu giúp Thống đốc trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến ổn định tiền tệ, tài chính, đánh giá rủi ro hệ thống, kiến nghị giải pháp, chính sách tăng cường ổn định tài chính, chỉ đạo thực hiện công tác chuẩn bị và triển khai các Chương trình FSAP.

5. Công tác pháp chế

Công tác xây dựng pháp luật

Nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế cho hoạt động ngân hàng, trong năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ ban hành 50 văn bản quy phạm pháp luật bao gồm 05 nghị định, 44 thông tư và 01 thông tư liên tịch. Các văn bản này đã tạo cơ sở pháp lý cho Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như: **(i)** Tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng; **(ii)** Mua bán, xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, VAMC; **(iii)** Hoạt động ngoại hối; **(iv)** Hoạt động thanh toán; **(v)** Các chính sách tín dụng hỗ trợ. Ngoài ra, để góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Ngân hàng Nhà nước đã rà soát, bãi bỏ 06 thủ tục hành chính, đơn giản hóa 10 thủ tục hành chính, đơn giản hóa/cắt giảm 26 thành phần hồ sơ trong lĩnh vực ngân hàng. Việc xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong năm 2016 đã giúp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động ngân hàng để thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối nâng cao khả năng kiểm soát, giám sát của Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động của từng tổ chức tín dụng và sự ổn định, an toàn của hệ thống ngân hàng.

Tăng cường thực thi pháp luật ngân hàng

Để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ngân hàng, năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã tập trung triển khai các nhiệm vụ sau: **(i)** Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật mới được ban hành trong toàn hệ thống ngân hàng; **(ii)** Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến điều kiện kinh doanh để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư; rà soát pháp luật ngân hàng của Việt Nam so với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, các chính sách thương mại trong WTO...; **(iii)** Triển khai thi hành Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tiếp cận thông tin trong toàn ngành ngân hàng; **(iv)** Hệ thống hóa 1419 văn bản quy phạm



Công tác xây dựng và thực thi pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng, góp phần minh bạch hóa hệ thống pháp luật về ngân hàng.

pháp luật giai đoạn 01/10/1990 đến ngày 31/12/2015 và công bố các danh mục văn bản bao gồm: Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực (455 văn bản), Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực một phần (105 văn bản) và Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ (859 văn bản) qua đó góp phần minh bạch hóa hệ thống pháp luật về ngân hàng.

6. Công tác phát hành kho quỹ

Về hoạt động phát hành và điều hòa tiền mặt



Triển khai quyết liệt công tác phát hành và kho quỹ, đảm bảo an ninh tiền tệ, an toàn hệ thống.

Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước chủ động theo dõi sát tình hình để tổ chức cung ứng và điều hòa linh hoạt lượng tiền mặt phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại các khu vực, địa phương, đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh toán bằng tiền mặt của nền kinh tế, không để xảy ra tình trạng thừa, thiếu cục bộ. Đặc biệt vào các dịp lễ, Tết khi áp lực thu, chi tiền mặt tăng cao, Ngân hàng Nhà nước chủ động triển khai các giải pháp đảm bảo lưu thông tiền mặt thông suốt; trong đó, thực hiện không phát hành tiền mệnh giá nhỏ mới in trong dịp Tết Nguyên đán, góp phần tiết kiệm chi phí in tiền hàng năm; đồng thời phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng thực hiện tuyên truyền việc sử dụng đúng mục đích tiền mệnh giá nhỏ trong lưu thông. Ngoài ra, trong năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã thiết kế và phát hành đồng tiền lưu niệm mệnh giá 100 đồng kỷ niệm 65 năm thành lập Ngân hàng Việt Nam, được công chúng trong nước và bạn bè quốc tế đánh giá cao.

Công tác an toàn kho quỹ

Năm 2016 là năm đẩy mạnh công tác quản lý an toàn kho quỹ trong toàn ngành Ngân hàng. Ngân hàng Nhà nước đã tăng cường kiểm tra công tác an toàn kho quỹ tại các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và các tổ chức tín dụng trên địa bàn để chấn chỉnh, hướng dẫn, yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy định về chế độ quản lý kho quỹ. Mặt khác, Ngân hàng Nhà nước tích cực nghiên cứu các mô hình giao dịch tiền mặt của tổ chức tín dụng nhằm ban hành cơ sở pháp lý hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động giao dịch tiền mặt của tổ chức tín



dụng đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, tiết kiệm chi phí.

Công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả

Công tác đấu tranh phòng chống tiền giả tiếp tục được Ngân hàng Nhà nước triển khai quyết liệt với nhiều biện pháp như tập huấn nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác tiền tệ kho quỹ, giao dịch, kiểm ngân, thủ quỹ của Ngân hàng Nhà nước và Kho bạc Nhà nước; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân kiểm tra, phân biệt tiền thật/giả trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong công tác giám định, phòng chống tiền giả. Với các loại tiền giả mới xuất hiện, Ngân hàng Nhà nước đã kịp thời nghiên cứu, phân tích đưa ra các thông tin cảnh báo giúp cho hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước chủ động phát hiện và xử lý.

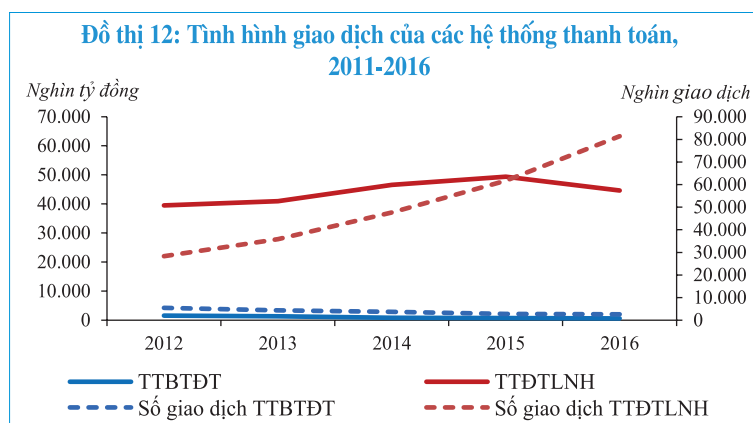
7. Hoạt động thanh toán

Hiện đại hóa hệ thống thanh toán

Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước đến cuối năm 2016 đã kết nối được với 322 đơn vị thành viên, trong đó có 64 đơn vị thành viên thuộc Ngân hàng Nhà nước, 258 đơn vị thành viên thuộc 99 tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước và một số tổ chức khác. Tổng số giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng trong năm 2016 đạt trên 81.390 nghìn giao dịch với tổng giá trị giao dịch đạt trên 44.580 nghìn tỷ đồng (tương ứng số giao dịch tăng 31,8% và giá trị giao dịch giảm 9,7% so với năm 2015). Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử được triển khai tại 57 địa bàn tỉnh, thành phố với 562 thành viên tính đến ngày 31/12/2016 (giảm 54 thành viên so với thời điểm cuối năm 2015). Tổng số giao dịch qua hệ thống thanh toán bù trừ điện tử trong năm 2016 đạt trên 2.610 nghìn giao dịch với tổng giá trị giao dịch đạt gần 614 nghìn tỷ đồng (tương ứng giảm 5,1% và 11,3% so với cùng kỳ năm 2015).

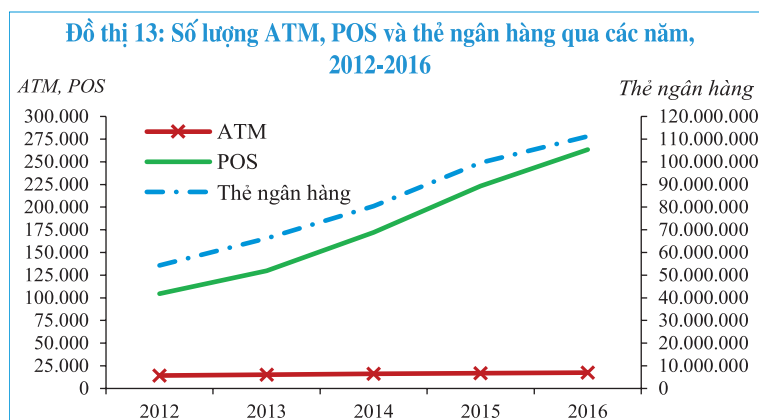


Hệ thống thanh toán tiếp tục được hiện đại hóa, hoạt động ổn định, an toàn, tiện lợi, phục vụ tốt nhu cầu thanh toán trong nền kinh tế, góp phần đẩy nhanh tốc độ thanh toán.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tập trung chỉ đạo triển khai các nội dung thuộc Đề án xây dựng Trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất như: thực hiện các thủ tục tăng vốn đầu tư của Ngân hàng Nhà nước tại Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) sau sáp nhập; chỉ đạo triển khai xây dựng tiêu chuẩn thẻ chip nội địa; triển khai dự án xây dựng Hệ thống thanh toán bù trừ tự động phục vụ cho các giao dịch thanh toán bán lẻ (ACH) tại Việt Nam; phát triển mạng lưới đơn vị chấp nhận thẻ...



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động thanh toán tiếp tục được các ngân hàng thương mại chú trọng đầu tư, hiện đại hóa với công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng. Tính đến cuối năm 2016, cả nước đã có trên 17.470 ATM và trên 263.400 thiết bị chấp nhận thẻ (POS) được lắp đặt (tương ứng tăng 3,1% và 17,8% so với cuối năm 2015); số lượng thẻ ngân hàng phát hành đạt trên

111,2 triệu thẻ (tăng 11,7% so với cuối năm 2015). Song song với việc hoàn thiện các dịch vụ thanh toán truyền thống, nhiều sản phẩm, dịch vụ thanh toán mới, hiện đại dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông, bảo đảm an toàn, tiện lợi cũng được các ngân hàng thương mại đẩy mạnh phát triển, qua đó đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu thanh toán của khách hàng, phù hợp với xu thế thanh toán của các nước trong khu vực và thế giới. Đến cuối năm 2016, đã có khoảng 70 ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ thanh toán qua Internet và khoảng 36 ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động cho khách hàng là cá nhân, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, dịch vụ ngân hàng bán lẻ cũng được các ngân hàng thương mại quan tâm phát triển; số lượng tài khoản cá nhân đến cuối năm 2016 đạt trên 68,6 triệu tài khoản (tăng 14,1% so với cuối năm 2015).

Đồng thời, trong năm 2016, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện thí điểm của 03 mô hình thanh toán: Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam phối hợp với Công ty cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến; Ngân hàng Thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex phối hợp với Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội phối hợp với Tập đoàn Viễn thông Quân đội. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước đã cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho thêm 11 tổ chức không phải là ngân hàng cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

Công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán

Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thanh toán tiếp tục được hoàn thiện nhằm tạo sự đồng bộ và tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt, tăng cường quản lý thanh toán bằng tiền mặt. Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 về thanh toán không dùng tiền mặt; đồng thời ban hành 04 thông tư quy định về các vấn đề liên quan đến hoạt

động quản lý, vận hành và cung ứng dịch vụ thanh toán (Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016; Thông tư số 20/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016; Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016; Thông tư số 32/2016/TT-NHNN ngày 26/12/2016).

Triển khai Chiến lược giám sát các hệ thống thanh toán tại Việt Nam giai đoạn 2014-2020, trong năm 2016, bên cạnh việc giám sát trực tuyến hàng ngày đối với Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước cũng thực hiện công tác giám sát định kỳ đối với các hệ thống thanh toán ngoại tệ, thanh toán chứng khoán; tăng cường theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động thanh toán đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán điện tử, thanh toán thẻ; đồng thời, mở rộng hoạt động giám sát đối với các dịch vụ trung gian thanh toán; hoàn thiện tổ chức bộ máy, đào tạo, tăng cường năng lực, phát triển các công cụ giám sát. Định hướng đến năm 2020, Ngân hàng Nhà nước sẽ hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, thực hiện giám sát toàn diện các hệ thống thanh toán tại Việt Nam theo thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện của Việt Nam nhằm đảm bảo sự hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia cũng như các hệ thống, phương tiện, dịch vụ thanh toán trong nền kinh tế.

8. Hoạt động thông tin tín dụng

Năm 2016, hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước do Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC) làm đầu mối đã được tăng cường, mở rộng cả về chiều rộng và chiều sâu nhằm nâng cao tính minh bạch, chính xác của thông tin tín dụng, với mục tiêu đưa hệ thống thông tin tín dụng trở thành một trụ cột quan trọng trong cơ sở hạ tầng tài chính Việt Nam, phục vụ đắc lực cho công tác chỉ đạo điều hành của ngân hàng Nhà nước và hỗ trợ hệ thống ngân hàng Việt Nam phát triển bền vững.

Hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia

Kho dữ liệu của CIC tiếp tục được mở rộng và củng cố thông qua việc thu thập và tích hợp thông tin từ hệ thống các tổ chức tín dụng, các Quỹ tín dụng nhân dân



Hoạt động của Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam ngày càng hiệu quả, góp phần minh bạch hóa thông tin và ngăn ngừa rủi ro cho hoạt động ngân hàng.

và các Tổ chức tài chính vi mô, mở rộng dữ liệu ngoài ngành, góp phần làm tăng độ phủ thông tin tín dụng. Đến cuối năm 2016, 100% các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, 02 tổ chức tài chính vi mô và trên 1.000 quỹ tín dụng nhân dân đã tham gia và gửi báo cáo thông tin tín dụng đầy đủ và định kỳ cho CIC. Bên cạnh nguồn thông tin truyền thống, CIC đã thu thập thành công thông tin từ một số tổ chức ngoài ngành như Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), 31 tổ chức tự nguyện tham gia hệ thống thông tin tín dụng; xúc tiến hợp tác với Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư (C72-Bộ Công an) để hợp nhất các thông tin định danh của khách hàng vay cá nhân; ký kết thỏa thuận hợp tác với iCare Benefits để thu thập thông tin về các khách hàng có sử dụng dịch vụ hỗ trợ tài chính... Tính đến cuối năm 2016, kho dữ liệu của CIC lưu trữ trên 29,7 triệu hồ sơ khách hàng vay. Kho thông tin tín dụng quốc gia bao gồm thông tin định danh khách hàng vay, thông tin hợp đồng tín dụng, thông tin quan hệ tín dụng, tài sản đảm bảo; thông tin thẻ tín dụng, báo cáo tài chính của khách hàng vay; thông tin đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng... được ứng dụng các giải pháp, công nghệ phần mềm tiên tiến, hiện đại. Đồng thời, các quy trình thu thập, báo cáo, kiểm soát thông tin được tuân thủ chặt chẽ, đảm bảo về thời gian cập nhật và lưu trữ.

Hoạt động cung cấp thông tin của Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam

Hoạt động thông tin tín dụng tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác giám sát hoạt động tín dụng, quản trị rủi ro và đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng thông qua đẩy mạnh phát triển hệ thống các sản phẩm dành riêng cho các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; thiết kế các mẫu biểu khai thác theo yêu cầu để phục vụ công tác thanh tra, giám sát; xây dựng báo cáo ổn định định tiền tệ tài chính, dự báo thống kê và các báo cáo tổng hợp về khách hàng có mức độ rủi ro cao nhất phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, CIC tiếp tục đổi mới dịch vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng có cơ hội tiếp cận và khai thác hệ

thống sản phẩm báo cáo tín dụng đa dạng về chỉ tiêu, linh hoạt về mẫu biểu với các mức phí giảm mạnh (30-40%). Năm 2016, CIC đã đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin về trên 10 triệu khách hàng vay, tăng 27% so với năm 2015. Ngoài ra, CIC còn cung cấp sản phẩm thông tin theo gói (batch enquiries) phù hợp với yêu cầu riêng của từng đơn vị tra cứu.

Nghiệp vụ xếp hạng tín dụng

Tiếp nối thành công của mô hình chấm điểm tín dụng thể nhân của năm 2015, trong năm 2016, CIC đã bắt đầu triển khai xây dựng phương pháp xếp hạng tín dụng mới với sự hỗ trợ của tổ chức thông tin tín dụng nước ngoài. Đây là cơ sở để CIC có thêm sản phẩm, dịch vụ gia tăng hỗ trợ cho các tổ chức tín dụng trong việc tuân thủ các chuẩn mực Basel II theo lộ trình của Ngân hàng Nhà nước. Bên cạnh đó, CIC đã hoàn thành và đưa vào vận hành toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin mới hiện đại, qua đó, nâng cao năng lực xử lý dữ liệu, đẩy mạnh hoạt động cung cấp thông tin tự động và triển khai các hoạt động nghiệp vụ khác. Với các kết quả tích cực đạt được, hoạt động thông tin tín dụng của Việt Nam đã được Ngân hàng Thế giới đánh giá cao. Theo xếp hạng về môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới, năm 2016, chỉ số tiếp cận tín dụng của Việt Nam ở vị trí khá cao, thứ 32/190 quốc gia và vùng lãnh thổ được xếp hạng trên toàn thế giới.

Biểu 4: Chỉ tiêu chiều sâu thông tin tín dụng năm 2016

Chỉ tiêu	Việt Nam	Đông Á và Thái Bình Dương	OECD
Độ sâu thông tin tín dụng (thang điểm 0-8) – Depth of credit information index	7,0	4,2	6,5
Độ phủ thông tin của Trung tâm Thông tin tín dụng công lập (Tỷ lệ % hồ sơ/người trưởng thành) – Credit registry coverage(% of adults)	41,8	14,7	12,1
Độ phủ thông tin của Trung tâm Thông tin tín dụng tư nhân (Tỷ lệ % hồ sơ/người trưởng thành) – Credit bureau coverage (% of adults)	14,8	20,7	67,1

Nguồn: World Bank – Doing Business 2017

9. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin

Với việc kiện toàn bộ máy và tăng cường xây dựng mối quan hệ kết nối chặt chẽ với cơ quan báo chí, phóng viên, các tổ chức tín dụng, công tác thông tin, truyền thông của Ngân hàng Nhà nước trong năm 2016 tiếp tục theo hướng chủ động, công khai, minh bạch, ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả hơn, góp phần hỗ trợ công tác điều hành chính sách của Ngân hàng Nhà nước. Bằng nhiều hình thức truyền thông đa dạng, phong phú như bài viết, trả lời phỏng vấn, phóng sự, thông cáo báo chí, hội thảo, tọa đàm, tổ chức sự kiện... qua các kênh truyền thông như Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước, hệ thống phát thanh, truyền hình, báo chí trong và ngoài nước, các chủ trương, chính sách, điều hành của Ngân hàng Nhà nước đã được truyền tải kịp thời tới người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước. Qua đó giúp cơ quan báo chí, doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân nắm bắt đầy đủ tình hình tiền tệ, ngân hàng và các chính sách của Ngân hàng Nhà nước, từ đó củng cố lòng tin vào các chủ trương, giải pháp của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Ngoài ra, uy tín và hình ảnh ngành Ngân hàng cũng không ngừng được nâng cao với các hoạt động góp phần vào công tác đảm bảo an sinh xã hội như xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, các chương trình tương thân tương ái...



Công tác truyền thông tiếp tục theo hướng chủ động, công khai, minh bạch, ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả hơn; phương thức truyền thông đa dạng, gia tăng hàm lượng thông tin công bố được dư luận trong nước và quốc tế đánh giá cao.

Phần III – Quản trị nội bộ

1. Hoạt động kiểm toán nội bộ



Hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ tiếp tục tập trung vào những nội dung tiềm ẩn rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động, an toàn của Ngân hàng Nhà nước.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ theo Thông tư số 16/2011/TT-NHNN ngày 17/8/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu hội nhập và hướng đến kiểm toán trên cơ sở rủi ro, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, quy trình, nghiệp vụ liên quan đến công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ; nghiên cứu từng bước triển khai việc kiểm toán nội bộ định hướng rủi ro, phù hợp với thông lệ quốc tế; chỉ đạo tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ và có hiệu quả.

Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện kiểm toán nội bộ tại 33 đơn vị, theo các chuyên đề: kiểm toán báo cáo tài chính; kiểm toán tuân thủ hoạt động; kiểm toán Dự án đầu tư xây dựng; kiểm toán hoạt động kho quỹ; kiểm toán quản lý và sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và kiểm toán định kỳ đối với dự án FSMIMS. Hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2016 đã giúp các đơn vị phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các tồn tại, hạn chế nhằm góp phần nâng cao năng lực quản lý, điều hành đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật, sử dụng an toàn tài sản vốn của Nhà nước.

2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng

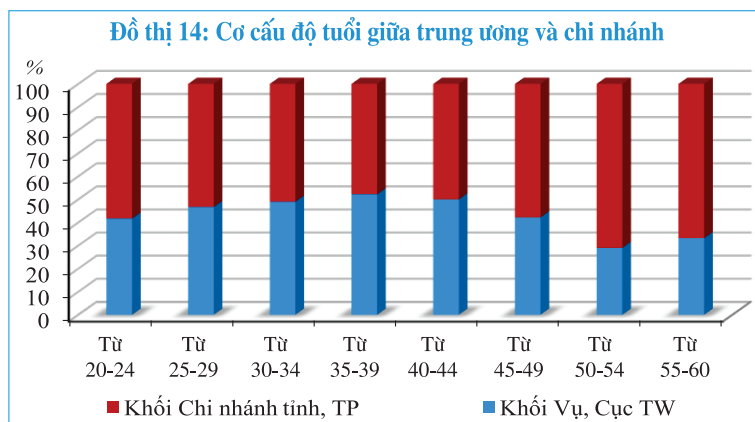
Biên chế, cơ cấu nhân sự và công tác cán bộ



Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tăng cường chất lượng nhân sự cho các đơn vị của Ngân hàng Nhà nước; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, gắn kết chặt chẽ giữa đào

Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các văn bản để triển khai thực hiện các văn bản về tinh giản biên chế của Bộ Chính trị, Chính phủ, Bộ Nội vụ, cụ thể: Kế hoạch của Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong ngành Ngân hàng; Đề án “Tinh giản biên chế của Ngân hàng Nhà nước giai đoạn 2015-2021”; Hướng dẫn các Vụ, Cục, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước xây dựng Đề án tinh giản biên chế của các đơn vị. Nhìn chung, các

công việc trọng tâm liên quan đến công tác tổ chức bộ máy và biên chế đã được đẩy nhanh tiến độ để đảm bảo các văn bản được ban hành, triển khai đúng quy trình, quy định và theo kế hoạch đề ra. Cơ cấu số lượng và độ tuổi của công chức giữa khối Vụ, Cục Ngân hàng Trung ương và khối Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố như sau:



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

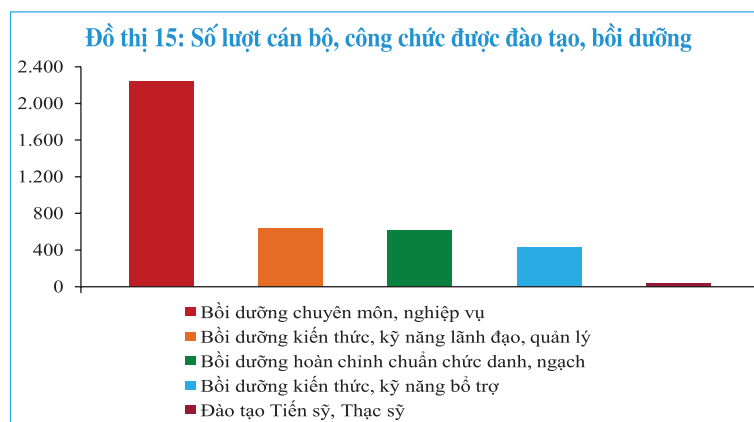
Bên cạnh đó, công tác luân chuyển cán bộ được tăng cường không chỉ trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước mà còn triển khai tại các tổ chức tín dụng nhằm phát huy tối đa năng lực của cán bộ trẻ và tạo ra động lực, nhân tố mới có tính đột phá trong thực hiện nhiệm vụ của ngành. Đồng thời, việc bố trí, sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng như cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ngân hàng Nhà nước đã bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao và sơ đồ vị trí việc làm của từng đơn vị nhằm hướng tới sự chuyên nghiệp của từng vị trí, từng đơn vị.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

Công tác đào tạo, bồi dưỡng tập trung vào mục tiêu xây dựng đội ngũ, cán bộ công chức Ngân hàng Nhà nước chuyên nghiệp, có đủ năng lực xây dựng và thực thi chính sách của ngân hàng trung ương, theo các thông lệ, chuẩn mực quốc tế, thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Năm 2016, có 3.965 lượt cán bộ, công chức, viên chức của Ngân hàng Nhà nước tham gia các khóa đào tạo sau đại học trong và ngoài nước; các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ với nhiều chủ đề khác nhau; các khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Vụ

tạo và mục tiêu sử dụng, hướng tới các chuẩn mực quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng.

và cấp Phòng của Ngân hàng Nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh và yêu cầu của công việc chuyên môn, quản lý, điều hành. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tăng cường hợp tác, tranh thủ các nguồn hỗ trợ quốc tế cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng thông qua các chương trình, dự án phối hợp với IMF, SEACEN, ADB, WB, JICA (Nhật Bản), GIZ (Đức), SECO (Thụy Sĩ), CIDA (Canada), ATTF (Luxemburg), Học bổng Chính phủ Úc và ngân hàng trung ương các nước Singapore, Thụy Điển, Thái Lan, Malaysia,... nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu hội nhập, nâng cao kiến thức chuyên môn của các đơn vị và cập nhật các chuẩn mực quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng. Chất lượng đào tạo tiếp tục được nâng cao, trọng tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với định hướng các nhiệm vụ then chốt của Ngân hàng Nhà nước và của ngành Ngân hàng, gắn kết chặt chẽ đào tạo với quy hoạch và mục tiêu sử dụng.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

3. Công tác nghiên cứu khoa học

Năm 2016, ngành Ngân hàng đã phê duyệt triển khai 37 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ; 11 nhiệm vụ nghiên cứu cấp cơ sở. Với mục tiêu nhằm cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn, hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành chính sách của Ngân hàng Nhà nước và nâng cao năng lực quản trị đối với hệ thống các tổ chức tín dụng, hướng đến sự phát triển an toàn, lành mạnh và bền vững hệ thống ngân hàng, các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của ngành Ngân hàng chủ yếu tập trung vào 03 chủ đề lớn: **(i)** Nâng cao hiệu lực và hiệu quả chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ngân hàng Nhà nước giai đoạn 2016-2020; **(ii)** Đánh giá kết quả tái cơ cấu của tổ

“

Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng luôn bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra cho ngành và có những bước đổi mới tích cực đóng

chức tín dụng giai đoạn 2011-2015 và những vấn đề cần xử lý cho giai đoạn 2016-2020; (iii) Phát triển hài hòa và bền vững khu vực ngân hàng và thị trường vốn Việt Nam giai đoạn 2016-2020. Bên cạnh nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm, Ngân hàng Nhà nước còn triển khai nhiều nghiên cứu theo yêu cầu của Chính phủ như hoàn thiện “Đề án nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế”, xây dựng “Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2016-2020”,...

Ngân hàng Nhà nước tích cực chủ trì, phối hợp với nhiều đơn vị trong và ngoài ngành Ngân hàng tổ chức thành công nhiều sự kiện lớn liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ như sự kiện “Tuần lễ Hưởng ứng Ngày Tiệc kỷ niệm Thế giới tại Việt Nam năm 2016”, sự kiện Banking Vietnam 2016, Diễn đàn “Thanh toán điện tử Việt Nam 2016”, Hội thảo “Ngân hàng số - tương lai của ngành ngân hàng”. Chất lượng của các sự kiện khoa học, hội thảo được nâng cao, nội dung trao đổi mang tính thời sự, được nhiều chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước đánh giá cao, thu hút sự chú ý của các tổ chức thông tin truyền thông. Công tác phổ biến thông tin khoa học, công nghệ được Ngân hàng Nhà nước triển khai dưới nhiều hình thức và theo hướng hiện đại hóa như xuất bản, phát hành trong toàn ngành các ấn phẩm, chuyên khảo, chuyên đề có tính ứng dụng cao; cập nhật các thông tin, dữ liệu liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng trên website của Ngân hàng Nhà nước. Đặc biệt, năm 2016, Cổng Thông tin khoa học và công nghệ ngân hàng chính thức khai trương hoạt động, tạo điều kiện tra cứu thông tin, tiếp cận tài liệu một cách dễ dàng, đáp ứng yêu cầu đặt ra trong phát triển khoa học, công nghệ quốc gia nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng.

4. Công tác thống kê

Năm 2016, bên cạnh việc tăng cường công tác thu thập, kiểm tra, tra soát, tổng hợp thông tin báo cáo đảm bảo chính xác, kịp thời, đầy đủ nhằm đáp ứng công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước đã tập trung hướng dẫn, giải đáp vướng mắc, kiểm tra việc triển khai Thông tư số 35/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 quy

góp đáng kể vào nghiên cứu lý luận, điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động quản lý vĩ mô của Ngân hàng Nhà nước.

“

Công tác thống kê của Ngân hàng Nhà nước tiếp tục được hoàn thiện và phát



triển, phục vụ tốt hơn cho công tác chỉ đạo điều hành.

định chế độ báo cáo áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 35) đối với các đơn vị, đảm bảo Thông tư 35 triển khai bám sát nội dung và đúng tiến độ theo kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc như Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố; VAMC,... và một số tổ chức tín dụng đặc biệt như Ngân hàng Phát triển Việt Nam; các tổ chức tài chính vi mô,...

Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Chương trình điều tra thống kê trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, đồng thời ban hành quyết định triển khai chính thức cuộc Điều tra kỳ vọng lạm phát theo định kỳ tháng và Điều tra xu hướng kinh doanh theo định kỳ quý. Kết quả điều tra thu được đã giúp các nhà hoạch định chính sách nắm bắt xu hướng diễn biến và kỳ vọng trên thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng một cách xuyên suốt và kịp thời. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục cập nhật, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính trong nước và quốc tế; đồng thời, triển khai xây dựng, hoàn thiện kho dữ liệu liên quan trong khuôn khổ Dự án FSMIMS ứng dụng công nghệ tin học tiên tiến, hiện đại trong khai thác và tổng hợp kết quả báo cáo. Các kết quả trên đã góp phần phục vụ cho công tác phân tích, dự báo, hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước.

5. Công nghệ thông tin

Tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ thông tin

Năm 2016, nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin trong ngành Ngân hàng và đáp ứng nhu cầu của thực tiễn, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật: Thông tư số 35/2016/TT-NHNN ngày 29/12/2016 quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên Internet; Thông tư số 37/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng. Đồng thời, nhằm tổ chức thực hiện thống nhất việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, Ngân hàng Nhà nước đã triển

“

Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin đi đôi với nâng cao chất lượng, an toàn và hiệu quả khai thác, sử dụng.

khai xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2017 và giai đoạn 2016-2020, cập nhật Khung Chính phủ điện tử. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động công nghệ thông tin thông qua tổng hợp, xử lý báo cáo và kiểm tra tại 10 tổ chức tín dụng; kiểm tra chuyên đề về an ninh, bảo mật trong công tác thanh toán tại 09 tổ chức tín dụng. Qua đó đã xử lý, khuyến nghị, chấn chỉnh kịp thời các tồn tại hạn chế của các tổ chức tín dụng, đảm bảo an toàn thông tin trong toàn ngành.

Xây dựng trung tâm dữ liệu theo tiêu chuẩn quốc tế, từng bước chuẩn hoá hạ tầng công nghệ thông tin

Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã hoàn thành xây dựng trung tâm dữ liệu mới, là trung tâm dữ liệu đầu tiên của ngành Ngân hàng đạt chuẩn quốc tế Tier 3 - TIA 942, với quy mô 100 Racks; hoàn thành triển khai các hệ thống thông tin nghiệp vụ ngân hàng lõi, kế toán, lập ngân sách nhằm cung cấp giải pháp cho xử lý các nghiệp vụ của ngân hàng trung ương và cổng cung cấp dịch vụ tài chính cho các tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cũng đã hoàn thành xây dựng Kho dữ liệu điều hành tập trung (Data warehouse) hỗ trợ thu thập thông tin điện tử toàn ngành phục vụ cho quản trị, điều hành của Ngân hàng Nhà nước và giảm thiểu gánh nặng báo cáo cho các tổ chức tín dụng.

Đẩy mạnh ứng dụng tin học cho công tác văn phòng

Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã hoàn thành nâng cấp hệ thống website đạt chuẩn quy định đối với cổng Thông tin điện tử của cơ quan nhà nước cấp bộ, ngành, hỗ trợ tích cực cho công tác truyền thông của Ngân hàng Nhà nước; xây dựng và đưa vào hoạt động 15 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; hệ thống xác thực định danh tập trung và thống nhất trong toàn Ngân hàng Nhà nước và hệ thống thư điện tử an toàn, tin cậy cho cán bộ Ngân hàng Nhà nước. Đến tháng 7/2016, Ngân hàng Nhà nước đã hoàn thành triển khai Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành đến toàn thể cán bộ, công chức để trao đổi văn bản trên môi trường điện tử và liên thông với hệ thống trao đổi văn bản của Chính phủ giúp tăng tốc độ xử lý công việc và tiết kiệm chi phí hoạt động.

Phần IV – Hợp tác quốc tế

Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế, tăng cường và đẩy mạnh huy động nguồn lực tài chính và hỗ trợ kỹ thuật từ nhiều nguồn khác nhau cho Việt Nam, góp phần tích cực vào các nỗ lực ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển kinh tế, thúc đẩy quá trình hội nhập và nâng cao vị thế của Ngân hàng Nhà nước và Việt Nam trên trường quốc tế.

1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế

“

Hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

Năm 2016 tiếp tục ghi dấu ấn về sự tham gia tích cực và chủ động của Ngân hàng Nhà nước vào các hoạt động hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế. Ngân hàng Nhà nước đã củng cố, tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và các nước ASEAN, ASEAN+3, APEC thông qua các hoạt động và sáng kiến hợp tác tài chính, ngân hàng trong khuôn khổ tiến trình Hội nghị Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng Trung ương ASEAN, ASEAN+3 cũng như tiến trình Hội nghị Bộ trưởng Tài chính APEC 2017. Đặc biệt, năm 2016 đánh dấu việc kết thúc thành công vai trò đồng chủ trì của Việt Nam trong Nhóm công tác ASEAN về Tự do hóa tài khoản vốn và bắt đầu nhiệm kỳ ba năm đồng chủ trì với Philippines trong Nhóm công tác về Khuôn khổ hội nhập ngân hàng ASEAN, qua đó góp phần nâng cao vai trò và vị thế của Ngân hàng Nhà nước nói riêng và Việt Nam nói chung trong cộng đồng tài chính, tiền tệ khu vực.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã tích cực thực hiện đường lối, chủ trương hội nhập của Đảng và Nhà nước về việc chủ động tham gia các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đa phương và song phương một cách chọn lọc, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Năm 2016, với tư cách trưởng nhóm Dịch vụ tài chính, Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp với các Bộ ngành và đơn vị liên quan đàm phán FTA với các đối tác như Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Khối Thương mại tự do châu Âu (EFTA), Hiệp định

Khung giữa ASEAN và các nước đối tác (RCEP), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Israel (VIFTA); đồng thời, triển khai các FTA đã ký kết như Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA).

2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế thông qua việc duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB), Ngân hàng Hợp tác Kinh tế Quốc tế (IBEC), Ngân hàng Đầu tư Quốc tế (IIB) và các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế khác, qua đó củng cố ngày một vững chắc quan hệ với các tổ chức này và khai thác hiệu quả hỗ trợ cho Việt Nam nói chung và Ngân hàng Nhà nước nói riêng.

Ngân hàng Nhà nước đã tăng cường hợp tác trên tất cả các mặt, bao gồm triển khai các hoạt động và nghĩa vụ với tư cách thành viên, đối thoại chính sách, tư vấn, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật. Các chương trình hợp tác đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật tập trung theo chiều sâu vào lĩnh vực tài chính - tiền tệ, ngân hàng,..., đưa vào áp dụng nhiều tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, nhằm tạo ra bước chuyển biến mới về phương pháp luận trong công tác hoạch định chính sách của Ngân hàng Nhà nước; đồng thời tăng cường năng lực cho Ngân hàng Nhà nước trong việc triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngân hàng giai đoạn 2016-2020 và xây dựng Chiến lược quốc gia về tài chính toàn diện. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã vận động WB xây dựng phương án hỗ trợ chuyển đổi “tốt nghiệp IDA” - (việc dừng nhận các khoản vay ưu đãi từ Hiệp hội phát triển Quốc tế IDA thuộc WB) cho Việt Nam được thuận lợi nhất trong thời gian tới.

Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã đàm phán/ký kết với WB 10 chương trình/dự án có tổng trị giá gần 2,2 tỷ USD, nâng tổng số chương trình/dự án đã đàm phán/ký kết với WB tính đến tháng 12/2016 là 165 chương trình/dự án, trị giá khoảng gần 23 tỷ USD; và với ADB 05 chương trình/dự án có tổng số vốn tương

“

Tăng cường tiếng nói, vị thế tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế và đẩy mạnh gia nhập các tổ chức tài chính tiền tệ khu vực và quốc tế.

đương 520 triệu USD, nâng tổng số các chương trình/dự án đã đàm phán/ký kết với ADB tính đến tháng 12/2016 là 164 chương trình/dự án, trị giá khoảng hơn 15,5 tỷ USD. Các hỗ trợ từ WB/ADB cho Việt Nam tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế như nông nghiệp, năng lượng, phát triển đô thị, biến đổi khí hậu, giáo dục.... tạo được bước đột phá và đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước đã tích cực chủ trì, phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh trong các chương trình/dự án do WB/ADB tài trợ nhằm tận dụng tối đa nguồn lực hỗ trợ của các tổ chức này.

Trong quan hệ với IIB/IBEC, với vai trò đại diện của Chính phủ tại hai tổ chức, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện đầy đủ và hiệu quả các quyền và nghĩa vụ của một nước thành viên, đồng thời không ngừng thúc đẩy hợp tác giữa Việt Nam và 02 ngân hàng. Đặc biệt với IIB, trong bối cảnh năm 2016 là năm bản lề khi Ngân hàng này xúc tiến việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho cơ cấu tổ chức và quản lý mới và đẩy mạnh hoạt động hợp tác với các nước thành viên, Ngân hàng Nhà nước đã tham gia tích cực vào quá trình xây dựng các văn bản pháp lý của IIB cũng như chiến lược hoạt động của IIB giai đoạn 5 năm và tầm nhìn 15 năm tiếp theo.

Năm 2016, AIIB chính thức đi vào hoạt động. Với tư cách thành viên sáng lập, Việt Nam đã tích cực và chủ động tham gia xây dựng khuôn khổ chính sách hoạt động của AIIB; góp phần nâng cao tiếng nói, uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Bên cạnh đó, để định hướng cho việc tham gia sâu và rộng hơn nữa vào các thể chế tiền tệ, khu vực và quốc tế, Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường tham gia vào các thể chế tài chính - tiền tệ - ngân hàng khu vực và quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn 2030” nhằm tạo ra những chuyển đổi về chất trong vai trò của Việt Nam tại các tổ chức này.

3. Quan hệ hợp tác song phương

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tăng cường và đẩy mạnh quan hệ hợp tác song phương với các đối tác thường xuyên cũng như các đối tác mới ở nhiều khu vực



*Tích cực tăng cường
hợp tác song phương*

theo hướng đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả, qua đó góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động ngân hàng và đầu tư ra nước ngoài cũng như đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Cụ thể, tiếp tục triển khai và tham gia hiệu quả vào các sáng kiến, thỏa thuận hợp tác đã được xây dựng với các đối tác truyền thống như Lào, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc...

Ngân hàng Nhà nước đã chủ động, tích cực triển khai các cuộc đối thoại chính sách với Nhóm công tác Ngân hàng trong khuôn khổ Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam (VBF), Sáng kiến chung Việt Nam - Nhật Bản,... để kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp nước ngoài trong quá trình thực hiện. Từ đó, đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hoàn thiện khuôn khổ chính sách quản lý trong lĩnh vực ngân hàng phù hợp các chuẩn mực quốc tế, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Bên cạnh đó, hoạt động quảng bá, gặp gỡ song phương với các nhà đầu tư, tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế cũng được đẩy mạnh, góp phần cung cấp kịp thời thông tin về chủ trương, chính sách của Ngân hàng Nhà nước đến các nhà đầu tư tiềm năng nước ngoài.

Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục huy động và triển khai đúng kế hoạch các dự án và hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của các đối tác song phương như Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Bộ các Vấn đề Toàn cầu Canada (GAC), Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO) cũng như các ngân hàng trung ương và cơ quan quản lý tiền tệ/ngân hàng các nước phục vụ cho công cuộc cải cách khu vực ngân hàng và tăng cường năng lực của Ngân hàng Nhà nước trên nhiều lĩnh vực như điều hành chính sách tiền tệ, dự báo thống kê, quản lý ngoại hối, thanh tra giám sát ngân hàng, xử lý nợ xấu, phát hành kho quỹ,... Các chương trình/dự án và hoạt động hợp tác này đã góp phần đáp ứng kịp thời nhu cầu của Ngân hàng Nhà nước về tăng cường năng lực và cải cách, phát triển khu vực ngân hàng, phù hợp với định hướng phát triển của ngành ngân hàng Việt Nam.

theo hướng làm sâu sắc các mối quan hệ hiện có và mở rộng đối tác trên hầu hết các châu lục.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC MỨC LÃI SUẤT DO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ

Đơn vị: %/năm

Thời gian	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng
Tháng 12/2015	6,5	4,5	7,5
Tháng 1/2016	6,5	4,5	7,5
Tháng 2/2016	6,5	4,5	7,5
Tháng 3/2016	6,5	4,5	7,5
Tháng 4/2016	6,5	4,5	7,5
Tháng 5/2016	6,5	4,5	7,5
Tháng 6/2016	6,5	4,5	7,5
Tháng 7/2016	6,5	4,5	7,5
Tháng 8/2016	6,5	4,5	7,5
Tháng 9/2016	6,5	4,5	7,5
Tháng 10/2016	6,5	4,5	7,5
Tháng 11/2016	6,5	4,5	7,5
Tháng 12/2016	6,5	4,5	7,5

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 2: HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

Chào mua	Năm 2016
Số phiên	260
Kỳ hạn (ngày)	7; 14; 21; 28; 42; 56
Số lượt thành viên	519
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	1.434
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	1.413
Lãi suất (%/năm)	5,0
Phương thức đấu thầu	Khối lượng
Chào bán	Năm 2016
Số phiên	99
Kỳ hạn (ngày)	7; 14; 28
Số lượt thành viên	622
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	13.395
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	7.299
Lãi suất (%/năm)	0,3-2,75
Phương thức đấu thầu	Khối lượng; Lãi suất

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ DỰ TRỪ BẮT BUỘC

Đơn vị: %

TIỀN GỬI BẰNG VND (*)		TIỀN GỬI BẰNG NGOẠI TỆ					
Tiền gửi của khách hàng, Kho bạc Nhà nước, tiền thu được từ phát hành giấy tờ có giá		Tiền gửi của khách hàng, Kho bạc Nhà nước, tiền thu được từ phát hành giấy tờ có giá					
		Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng		Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên		Tiền gửi của các tổ chức tín dụng ở nước ngoài	
		NHTM nhà nước (trừ NHNo), NHTM cổ phần đô thị, Chi nhánh nước ngoài, ngân hàng liên doanh, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (NHNo), NHTM cổ phần nông thôn, Quỹ tín dụng Nhân dân Trung ương, Ngân hàng hợp tác	NHTM nhà nước (trừ NHNo), NHTM cổ phần đô thị, Chi nhánh nước ngoài, ngân hàng liên doanh, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTM cổ phần nông thôn, Quỹ tín dụng Nhân dân Trung ương, Ngân hàng hợp tác		
Thời điểm bắt đầu hiệu lực							
	05/2011	3	1	6	5	4	3
	06/2011	3	1	7	6	5	4
09/2011 (**)	3	1	8	7	6	5	1

(*) Riêng các tổ chức tín dụng có tỷ trọng dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn từ 40% trở lên được áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc thấp hơn theo Thông tư số 20/2010/TT-NHNN ngày 29/9/2010 của Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn.

(**) Tiền gửi của các tổ chức tín dụng ở nước ngoài phải tính dự trữ bắt buộc theo Thông tư số 27/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 581/2003/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 6 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 4: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

Đơn vị: Triệu USD

	2015	2016
A. CÁN CÂN VĂNG LAI	-353	8.235
Hàng hóa: Xuất khẩu F.O.B	162.017	176.632
Hàng hóa: Nhập khẩu F.O.B	154.642	162.619
Hàng hóa (ròng)	7.375	14.013
Dịch vụ: Xuất khẩu	11.250	12.250
Dịch vụ: Nhập khẩu	16.500	17.650
Dịch vụ (ròng)	-5.250	-5.400
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Thu	399	572
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Chi	10.378	8.935
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp) (ròng)	-9.979	-8.363
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Thu	8.586	9.125
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Chi	1.085	1.140
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp) (ròng)	7.501	7.985
B. CÁN CÂN VỐN	0	0
Cán cân vốn: Thu	0	0
Cán cân vốn: Chi	0	0
C. CÁN CÂN TÀI CHÍNH	967	10.957
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	-1.100	-1.000
Đầu tư trực tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	11.800	12.600
Đầu tư trực tiếp (ròng)	10.700	11.600
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0	180
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	-65	48
Đầu tư gián tiếp (ròng)	-65	228
Đầu tư khác: Tài sản có	-14.412	-5.149
Tiền và tiền gửi	-14.359	-5.230
Tổ chức tín dụng	-4.630	2.056
Khu vực khác	-9.729	-7.286
Cho vay, thu hồi nợ nước ngoài	0	0
Tín dụng thương mại và ứng trước	0	0
Các khoản phải thu/phải trả khác	-53	81
Đầu tư khác: Tài sản nợ	4.744	4.279
Tiền và tiền gửi	-662	1.411
Vay, trả nợ nước ngoài	5.406	2.868
Ngắn hạn	790	-566
Rút vốn	15.024	24.759
Trả nợ gốc	-14.234	-25.325
Dài hạn	4.616	3.434
Rút vốn	9.830	8.438
Chính phủ	4.101	3.717
Tư nhân	5.729	4.721
Trả nợ gốc	-5.214	-5.004
Chính phủ	-985	-925
Tư nhân	-4.229	-4.079
Đầu tư khác (ròng)	-9.668	-871
D. LỖI VÀ SAI SÓT	-6.645	-10.802
E. CÁN CÂN TỔNG THỂ	-6.032	8.390
F. DỰ TRỮ VÀ CÁC HẠNG MỤC LIÊN QUAN	6.032	-8.390
Tài sản dự trữ	6.032	-8.390
Tín dụng và vay nợ từ IMF	0	0
Tài trợ đặc biệt	0	0

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 5: TỶ GIÁ GIỮA USD VÀ ĐỒNG VIỆT NAM

Đơn vị tính: USD/VND

Năm 2016	Tỷ giá ngày cuối tháng			Tỷ giá bình quân trong tháng		
	Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank		Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank	
		Mua	Bán		Mua	Bán
Tháng 1	21.881	22.165	22.235	21.905	22.362	22.432
Tháng 2	21.914	22.265	22.335	21.889	22.300	22.370
Tháng 3	21.857	22.225	22.325	21.875	22.264	22.333
Tháng 4	21.842	22.250	22.320	21.853	22.258	22.328
Tháng 5	21.939	22.365	22.435	21.888	22.283	22.353
Tháng 6	21.873	22.270	22.340	22.881	22.299	22.369
Tháng 7	21.862	22.260	22.330	22.871	22.261	22.331
Tháng 8	21.921	22.265	22.335	22.860	22.261	22.331
Tháng 9	21.949	22.265	22.335	21.941	22.266	22.336
Tháng 10	22.039	22.285	22.355	22.003	22.276	22.346
Tháng 11	22.118	22.620	22.700	22.078	22.423	22.503
Tháng 12	22.159	22.715	22.785	22.138	22.677	22.751

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Ghi chú: Tỷ giá niêm yết như trên được hiểu là số lượng Đồng Việt Nam để đổi 1 đô-la Mỹ

PHỤ LỤC 6: GIÁ VÀNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng/lượng

Năm 2016	Giá vàng ngày cuối tháng	Giá vàng bình quân trong tháng
Tháng 1	32,86	32,90
Tháng 2	33,53	33,41
Tháng 3	33,29	33,65
Tháng 4	33,77	33,35
Tháng 5	33,33	33,86
Tháng 6	35,20	34,23
Tháng 7	36,53	36,90
Tháng 8	36,35	36,66
Tháng 9	36,11	36,28
Tháng 10	35,80	35,69
Tháng 11	35,79	36,09
Tháng 12	36,41	36,36

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 7: CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Đơn vị: %

Năm	Thời gian	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
	So với tháng 12 năm trước	1,74	3,87	6,12	9,64	12,07	13,29	14,61	15,68	16,63	17,05	17,50	18,13
2011	So với tháng trước	1,74	2,09	2,17	3,32	2,21	1,09	1,17	0,93	0,82	0,36	0,39	0,53
	So với cùng kỳ	12,17	12,31	13,89	17,51	19,78	20,82	22,16	23,02	22,42	21,59	19,83	18,13
	So với tháng 12 năm trước	1,00	2,38	2,55	2,60	2,78	2,52	2,22	2,86	5,13	6,02	6,52	6,81
2012	So với tháng trước	1,00	1,37	0,16	0,05	0,18	-0,26	-0,29	0,63	2,20	0,85	0,47	0,27
	So với cùng kỳ	17,27	16,44	14,15	10,54	8,34	6,90	5,35	5,04	6,48	7,00	7,08	6,81
	So với tháng 12 năm trước	1,25	2,59	2,39	2,41	2,35	2,40	2,68	3,53	4,63	5,14	5,50	6,04
2013	So với tháng trước	1,25	1,32	-0,19	0,02	-0,06	0,05	0,27	0,83	1,06	0,49	0,34	0,51
	So với cùng kỳ	7,07	7,02	6,64	6,61	6,36	6,69	7,29	7,50	6,30	5,92	5,78	6,04
	So với tháng 12 năm trước	0,69	1,24	0,80	0,88	1,08	1,38	1,62	1,84	2,25	2,36	2,08	1,84
2014	So với tháng trước	0,69	0,55	-0,44	0,08	0,20	0,30	0,23	0,22	0,40	0,11	-0,27	-0,24
	So với cùng kỳ	5,45	4,65	4,39	4,45	4,72	4,98	4,94	4,31	3,62	3,23	2,60	1,84
	So với tháng 12 năm trước	-0,20	-0,25	-0,10	0,04	0,20	0,55	0,68	0,61	0,40	0,51	0,58	0,60
2015	So với tháng trước	-0,20	-0,05	0,15	0,14	0,16	0,35	0,13	-0,07	-0,21	0,11	0,07	0,02
	So với cùng kỳ	0,94	0,34	0,93	0,99	0,95	1,00	0,90	0,61	0,00	0,00	0,34	0,60
	So với tháng 12 năm trước	0,00	0,42	0,99	1,33	1,88	2,35	2,48	2,58	3,14	4,00	4,50	4,74
2016	So với tháng trước	0,00	0,42	0,57	0,33	0,54	0,46	0,13	0,10	0,54	0,83	0,48	0,23
	So với cùng kỳ	0,80	1,27	1,69	1,89	2,28	2,40	2,39	2,57	3,34	4,09	4,52	4,74

Nguồn: Tổng cục Thống kê

PHỤ LỤC 8: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2015	QI/2016	QII/2016	QIII/2016	QIV/2016
Số dư cuối kỳ (tỷ đồng)					
1. Tổng phương tiện thanh toán	6.019.609	6.267.958	6.592.394	6.829.893	7.125.801
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	5.293.050	5.491.852	5.828.276	6.038.141	6.274.360
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	4.655.891	4.797.203	5.037.936	5.198.026	5.505.406
% Tăng trưởng so với năm trước					
1. Tổng phương tiện thanh toán	16,23	4,13	9,52	13,46	18,38
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	16,22	3,76	10,11	14,08	18,54
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	17,26	3,04	8,21	11,64	18,25

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ghi chú: Tín dụng đối với nền kinh tế = Dư nợ tín dụng + Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp + Ủy thác

PHỤ LỤC 9: TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Năm	GDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	Mức tăng trưởng* GDP (%)	GDP bình quân đầu người (nghìn đồng)
2008	1.616.047	5,66	18.986
2009	1.809.149	5,40	21.031
2010	2.157.828	6,42	24.818
2011	2.779.880	6,24	31.647
2012	3.245.419	5,25	36.544
2013	3.584.262	5,42	39.932
2014	3.937.856	5,98	43.402
2015	4.192.862	6,68	45.717
2016	4.502.733	6,21	48.576

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Ghi chú: * Tính theo giá so sánh năm 2010

TABLE OF CONTENTS

Status and Functions of the State Bank of Viet Nam	iii
Management Board of the State Bank of Viet Nam	v
Forewords by the Governor	vii
Departments and Administration Units of the State Bank of Viet Nam	ix
■ Part I – World and Viet Nam’s economy	1
1. World economic overview	1
1.1. World economic growth	1
1.2. Monetary policies	3
2. Viet Nam’s economy	4
2.1. Economic growth	4
2.2. Employment and income	6
2.3. Inflation	7
2.4. State budget revenues and expenditures	8
2.5. Balance of payments	9
2.6. Monetary and financial developments	10
2.7. Credit institutions’ activities	18
■ Part II – The State Bank of Viet Nam’s performance	22
1. Monetary policy management	22
2. Foreign exchange management	27
3. Banking supervision	29
4. Macro-prudential supervision of the financial system	35
5. Legal affairs	36
6. Cash issue and vault operations	38
7. Payment	39
8. Credit Information	42
9. Public Communication and Transparency	44
■ Part III –Internal governance	45
1. Internal Audit	45
2. Human resources and training	45
3. Research Activities	47
4. Statistics	48
5. Information technology	49
■ Part IV –International cooperation	51
1. International economic integration	51
2. Cooperation with international financial institutions	52
3. Bilateral cooperation	53
■ Appendix	55

STATUS AND FUNCTIONS OF THE STATE BANK OF VIET NAM



Headquarter, 49 Ly Thai To Str., Ha Noi, Viet Nam

□ The State Bank of Viet Nam is a ministerial-level agency of the Government, Central Bank of the Socialist Republic of Viet Nam which performs state management over monetary, banking activities and foreign exchange; performs the function of the central bank as the money issuing banknotes, the bank of the credit institutions and the monetary service provider for the Government.

Summary of Article 2, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The national monetary policies shall be monetary decisions at the national level of state authorities, including those on the currency value stabilizing objectives represented by inflation target, use of proper instruments and measures to fulfill the set objectives.

Clause1, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The National Assembly determines annual inflation targets reflected by consumer price index and supervises the implementation of the national monetary policies.

Clause 2, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The Government submits to the National Assembly for decision on annual inflation targets. The Prime Minister, the Governor of the State Bank decides to use proper instruments and measures to realize monetary objectives in accordance with the regulation of the Government.

Clause 4, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

MANAGEMENT BOARD OF THE STATE BANK OF VIET NAM



Mr. Le Minh Hung
Governor



Mr. Nguyen Dong Tien
Deputy Governor



Mr. Nguyen Toan Thang
Deputy Governor



Mr. Dao Minh Tu
Deputy Governor



Mr. Nguyen Phuoc Thanh
Deputy Governor



Ms. Nguyen Thi Hong
Deputy Governor



Mr. Nguyen Kim Anh
Deputy Governor



Governor
Le Minh Hung

Foreword by the Governor

Viet Nam's economy faced with various opportunities and challenges in 2016. Economic performance recovered slowly and uneven in many countries, international trade dropped substantially, commodity prices rose slightly. International financial markets experienced unpredicted and complicated developments, US dollars appreciated after U.S. Presidential Election and Fed's interest rate hike decision while other central banks showed reversed monetary policy stance and the UK decision on Brexit resulted in enormous fluctuations in EU and London financial markets. Meanwhile, domestic climate change accelerated far from projection, natural disasters occurred in many parts and marine pollution in major central provinces had adverse effects on social economic developments, especially manufacturing and lives of the population. Given the above circumstances, Viet Nam's economy sustained relatively high growth, macro balances, and remarkable improvement of business environment.

Given the captured difficulties and challenges, the State Bank of Viet Nam (SBV), in line with the targets set by the National Assembly, the Government and macroeconomic developments, deployed uniformed monetary and banking sector policies in effective manners aiming at inflation control, macroeconomic stability, while remained supportive to help sustain reasonable growth and sound and safe operation of credit institution system. To this end, SBV's monetary policy instruments and measures were synchronized flexibly to ensure rational growth of monetary and credit indicators in line with the set targets, stabilize exchange rate and foreign exchange markets. Policy rates was stabilized while proper management of liquidities was undertaken to enable lowering of interbank interest rate, facilitating the reduction of market interest rate and supporting issuance of government bonds at longer maturities and higher volume. Flexible exchange rate mechanism was introduced, according to which, the central exchange rate was managed on daily basis and in flexible manner to respond timely to external and internal developments, hence mitigating public motivation of foreign currency holding and protecting domestic market from external shocks. At the same time, credit solutions were aggressively deployed, ensuring safe and efficient credit growth and contributing to the implementation of anti-dollarization scheme. Additionally, the SBV continued to carry out state management solutions of gold market in accordance with Decree No. 24/2012/ND-CP dated April 03, 2012 of the Government, thus maintaining gold market robust stability. It focused, too, on the improvement of institutional framework, strengthened banking supervision, pushing up restructuring of credit institution system and NPL resolution, and thoroughly resolving weak credit institutions for developing a safe and sound credit institution system, which laid foundation for successfully accomplishing political missions during 2016-2020. The SBV, parallelly, continued to undertake

other activities to achieve other objectives of monetary policy regulation and state management of banking sector including modernization of banking technology and payment system, improvement of statistical capacity, vault safety via development of a modern IT infrastructure, strengthening of communication in tandem with diversification of communication tools and improvement of information quality. In addition to execution of monetary and banking policy missions, the SBV continued to strengthen bilateral and multilateral cooperation in the fields of monetary and finance, helped contributing to the economy's integration as well as raise of Viet Nam's position.

By implementing uniformed and proactive measures of monetary policy and banking regulation, continued successes were ensured amidst difficulties and challenges that the economy was facing with. Interest rate was kept stable in a downward trend, remaining supportive to enterprises and the economy development. Exchange rate and foreign exchange market were stabilized by ensuring matching of demand and supply. The new exchange rate management mechanism proved its flexibility, thus timely responding to evolvments in international financial market which received high appreciation from the Government and international organization, consolidating the confidence in VND and accumulating foreign exchange reserves. Credit growth was in line with the set target, help supporting economic growth, and more importantly, credit extension was directed to manufacturing and processing sectors. Sound and stabilized performance of credit institution system was sustained, hence paved an important momentum for the implementation of 2016-2020 Master-plan on Restructuring of Credit Institution System and NPL Resolution. Monetary policy and banking performance made significant contribution to macroeconomic stability, inflation rate was kept at 4.7% for the whole year, below the target of 5% set by the National Assembly, supporting rational economic growth, thus substantially contributing to successful realization of 2016-2020 Socio-economic Development Plan.

The captured achievements were evidence of continued successful year of 2016 for the SBV in its regulation of monetary policies and the banking sector. Nevertheless, there remained considerable difficulties and challenges for the banking sector in 2017 and coming years. With experience gained in the past years, supports and instructions of the Communist Party as well as the State leadership and close cooperation of relevant ministries and authorities, the SBV will fulfill missions assigned and make important steps toward realizing 2016-2020 Socio-economic Development plan.

Governor of the State Bank of Viet Nam



LE MINH HUNG

DEPARTMENTS AND ADMINISTRATION UNITS OF THE STATE BANK OF VIET NAM

Advises and assists the Governor of the SBV in determining instruments such as refinancing window, interest rate, exchange rate, reserve requirements, open market operations, and others for the conduction of national monetary policies.

*Monetary Policy
Department*

Advises and assists the Governor in carrying out state management function over foreign exchange, foreign exchange activities and gold trading in accordance with applicable laws and regulations.

*Foreign Exchange
Management Department*

Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over payment and settlement of the economy in accordance with applicable laws and regulations.

Payment Department

Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over bank credit to economic sectors in accordance with applicable laws and regulations.

*Economic Sectoral
Credit Department*

Advises and assists the Governor in carrying out forecasting and statistics in accordance with applicable laws and regulations.

*Forecasting and
Statistics Department*

Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over international cooperation and integration within the State Bank's scope of management in accordance with applicable laws and regulations.

*International
Cooperation Department*

Advises and assists the Governor in stabilizing the monetary and financial systems within the State Bank's scope of state management.

*Monetary and Financial
Stability Department*

Advises and assists the Governor in carrying out internal audits and control over the SBV Units' operations.

*Internal Audit
Management*

Advises and assists the Governor in conducting state management via laws in the fields of monetary, banking operations and foreign exchange.

Legal Affairs Department

Advises and assists the Governor in the SBV financial, accounting operations, capital investments, conducting the state management function over accounting, finance, and capital investments in the banking sector.

*Finance and
Accounting Department*

Advises and assists the Governor and the SBV's Party Committee on human resources management, staffing, management and use of civil servants, officials, remunerations and others within the SBV's scope of management as stipulated in applicable laws and regulations.

*Personnel and
Organization Department*

<i>Emulation and Rewarding Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management function on emulation and rewarding in the banking sector in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Communication Department</i>	Advises and assists the Governor in managing and organizing communication activities in the banking sector that relate to the SBV's state management function.
<i>SBV Office</i>	Advises and assists the Governor in his leadership over banking activities, implements the SBV's administrative reform, manage archive and administrative works of the banking system in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Banking Information Technology Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over information technology in the banking sector and development and application of information technology in the SBV.
<i>Issue and Vault Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management and central bank functions over currency issuance and vault operations in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Administration Department</i>	Assists the Governor in managing public assets (excluding those transferred to income-generating administrations) assigned by the Governor and administrative and logistic activities in Ha Noi city and Ho Chi Minh city including: managing assets, finance, technical infrastructure, security, and taking care of living conditions and healthcare of SBV staff.
<i>Central Banking Department</i>	Advises and assists the Governor in conducting central banking operations.
<i>Banking Supervision Agency</i>	A General Department level agency of the SBV. It advises and assists the Governor in implementing state management function over credit institutions, foreign bank branches, as well as inspection, complaint and denunciation resolutions, anti-corruption and anti-money laundering, deposit insurance. It conducts administrative and professional inspections and banking supervision in the areas under the SBV's state management. It conducts anti-money laundering and counter-terrorism financing in accordance with applicable laws and regulations and as assigned by the Governor.
<i>Municipal and provincial branches</i>	Advises and assists the Governor in implementing the state management function over monetary, banking and foreign exchange operations in their local areas. They conduct several central banking operations as delegated by the Governor.

**ADMINISTRATIVE UNITS AND UNITS ESTABLISHED
BY THE GOVERNOR**

Undertakes researches and builds banking development strategies, projects and plans; organizes researches, development and control of the implementation of banking science and technology missions in meeting the SBV's requirements in accordance with applicable laws and regulations.	<i>Banking Strategy Institute</i>
A public administrative agency. It undertakes the function of national credit registration. It collects, processes, stores and analyzes of credit information; prevents and minimizes of credit risk; conducts credit marking and rating of legal entities and individuals within Viet Nam's territory in serving the SBV's state management in accordance with the SBV's rules and applicable laws and regulations.	<i>Viet Nam's National Credit Information Center</i>
A speaker and social forum of the banking sector. It disseminates the Party's orientation and guidelines, the State's legislation and policies, and banking operations in accordance with the SBV's rules and applicable laws and regulations.	<i>Banking Times</i>
A speaker and professional forum on banking theories, operations, science and technology. It disseminates the Party's orientation and guidelines, the State's legislation and policies, banking operations and achievements in banking science and technology and other relevant areas in accordance with the SBV's rules and applicable laws and regulations.	<i>Banking Review</i>
Trains and strengthens human resource capacity; provides with staff of the SBV and the banking sector with up-to-date professional knowledge and skills.	<i>Banking Training School</i>
Trains and strengthens human resource capacity in the fields of economic and banking-finance at intermediate, college, undergraduate and graduate levels and in other areas as authorized. It conducts studies and gives advices on the areas of economic, banking-finance.	<i>Banking Academy</i>

Part I – World and Viet Nam's economy

1. World economic overview

In 2016, the world witnessed economic growth slowdown, global trade declining trend, and unforeseen fluctuation in financial markets. Monetary policies remained supportive, except for some cases including those of the U.S. The Fed slowly tightened its monetary policy, reflected through its interest rate hike on December 14, 2016, in the mean time, most other central banks including BOE, BOJ, ECB, PBoC stayed supportive to economic growth. Financial market fluctuation was driven by uncertainties arising from Brexit process, strong appreciation of USD after the U.S. Presidential Election and the Fed's interest rate hike decision. Global inflation started rising due to the recovery of prices of essential commodities such as oil and food, but remained low.

1.1. World economic growth

According to the International Monetary Fund (IMF)¹, world economic growth in 2016 reached 3.1%, lower than 3.4% in 2015 and remain uneven across regions.

The U.S.'s economy grew at 1.6%, lower than that of 2.6% in 2015, yet economic activities showed signs of positive developments since Q2/2016. Stock and real-estate markets continued to recover. Unemployment rate decreased from 5% by end of 2015 to 4.7% as of end-2016. Trump's victory generated market expectation on quick rise of inflation in the U.S, the Fed's decision on interest rate hike in its FOMC Meeting on December 14, 2016 led to substantial USD appreciation. Budget deficit expanded to 3.2 percent of GDP (from 2.5% in 2015), yet remained equal to the average budget deficit level during the last 40 years. Inflation rate went up from 0.1% in 2015 to 1.3% in 2016.

The Eurozone's economy experienced low economic growth, decreasing trade surplus and enormous concerns

“

Growth slowdown was seen in most economies. Global inflation started rising due to the recovery of prices of essential commodities such as oil and food, but remained low.

¹ The IMF's World Economic Outlook - April 2017.

on high public debt level, rising protectionism, particularly in the post-Brexit period. GDP grew by 1.7%, below that of 2.0% in 2015. Economic growth in the region was driven mainly by major economies including Germany, France and Spain. Unemployment rate went down from 10.4% in 2015 to 9.8% as of November 2016, the lowest since July 2009. Average public debt ratio in the region decreased from 90.3 percent of GDP in 2015 to 89.2 percent of GDP in 2016; nonetheless, it remained high in such countries as Greece (179.9%), Italy (132.6%) and France (96.0%). Regional average budget deficit decreased from 2.1 percent of GDP down to 1.5 percent of GDP in 2016. Inflation rate rised from 0% in 2015 to 0.2% in 2016.I

Despite some recent highlights, *Japan's economy* remained stagnant and continued to face various difficulties resulted from deflation pressure, low investment and consumption, declining trade and increasing aging speed in its population. In 2016, GDP growth was 1.0%, higher than that of 0.5% in 2015. Declining trends in exports was reported regardless continued depreciation of JPY. Inflation dumped to -0.1% after reaching 0.8% in 2015. Budget deficit shrinked to 4.5 percent of GDP from 4.8 percent of GDP in 2015. Public debt continued to rise, from 247.9 percent of GDP in 2015 to 250.4 percent of GDP in 2016.

Developing and emerging economies, in general, witnessed slow economic growth, remained at 4.1%, equivalent to that in 2015. Among the BRICS, China's economy grew by 6.7%, lower than the rate of 6.9% in 2015 meanwhile concern heightened on increasing public debt and NPLs, real-estate market bubble, slowdown trade. Uncertain monetary - financial evolvments resulted in RMB depreciation, foreign exchange reserves sized down and capital outflows pressures heightened. Given recent unfavorable circumstances, India's economic growth reached 6.8% (2015: 7.9%) owing to acceleration of reforms, higher private consumption, and lower prices of imported goods. In the mean time, Russia and Brazil

witnessed economic downturns with economic growth at -0.2% and -3.6%, respectively. Inflation in developing and emerging economies was 4.4% on average compared to 4.7% in 2015.

1.2. Monetary policies

In 2016, global monetary policies remained supportive to economic growth. Among the 66 economies using interest rate as operational target, the 43 economies reduced their policy interest rates. Interest rate cuts were seen larger in Oceania, East Asia and Asian-Pacific economies including Australia, New Zealand, Indonesia, India, Chinese Taipei,... which faced pressure to lower policy interest rates to stimulate sluggish economic activities.

In advanced economies, such central banks as BOJ, BOE, ECB had been more aggressive in loosening monetary policy. The ECB continued to lower policy interest rate down to 0%, expand scale and timeline of its QE programs. The BOJ was, for the first time, forced to apply negative interest rate, reflected in its decision to impose -0.1% rate on financial institutions' deposits on February 16, 2016. Similarly, in August 2016, the BOE for the first time made a decision to cut policy rate from 0.5% to 0.25% in the post-Brexit, and at the same time, expanded its asset purchase program to GBP 435 million for 18 months. On the contrary, amidst signs of better economic conditions, the Fed raised its policy interest rate by 0.25 percentage point, from 0.25-0.5% to 0.5-0.75%. It would continue to raise interest rate in 2017 if domestic inflation continues to increase and the economy well recovers.

In emerging and developing economies, various interest rates cuts were decided by central banks of India, Indonesia, Hungary, Russia and Malaysia while others maintained their policy rates like those of Thailand, Philippines to support economic growth. Mexico, Colombia had to raise their policy rates to mitigate capital flight risks following the Fed's interest rate hike.

“

Central banks remained supportive in the context of slow global recovery while the Fed continued to increase interest rate.

China joined the trends of loosening monetary policy stance too by cutting reserve requirements ratio on credit institutions by 0.5% to 17%, and continued to pump liquidities into the economy via open market operations to maintain economic growth.

2. Viet Nam’s economy

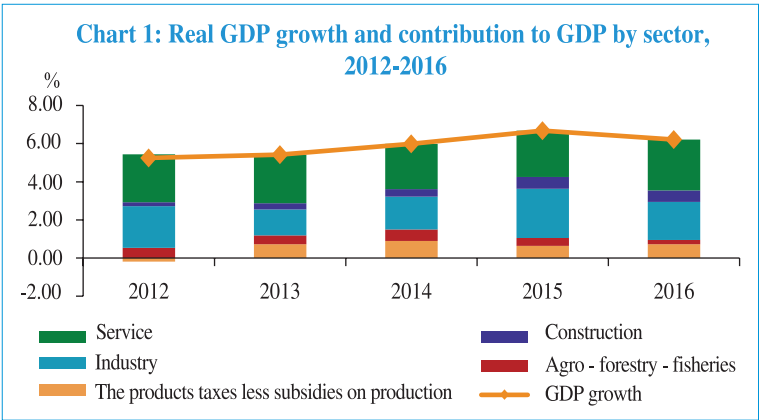
2016 was the first year of 2016-2020 Socio-Economic Development Plan. In the context of slow recovery of the world economy, sluggish global trade, significant decline in commodity prices, Viet Nam faced with various difficulties and challenges including low agriculture production, drop in minning activities, and domestic demand-relied growth momentum. However, thanks to endeavors and innovations by the Government, ministries and government agencies, obstacles were addressed, recovery and growth momentum were strengthened, inflation was controlled, and macro-balances was preserved. In addition, the improvement in business environment to attract FDI was one of the important factors contributing to economic recovery and economic growth promotion.

2.1. Economic growth

“

In 2016, due to slowdown agriculture and mine production, economic growth rate remained at 6.21% compared to that of 6.68% in 2015 and below the target of 6.7%.

Looking into contribution by economic sectors, share of services sector and excise tax net of excise subsidies expanded, meanwhile, agro-forestry-fishery production went down considerably



Source: General Statistical Office, the SBV’s estimation

Agro-Forestry-Fishery production continued to slowdown, grew by 1.4%, the lowest since 2011 as a result of adverse impacts by climate change, harsh weather and ocean pollution.

Industrial production grew at 7.1% year-over-year, lower than that of 9.4% in 2015 a result of 4% decline in mining production, the lowest since 2011. Mining production reduced due to world lower oil and coal prices resulted in decreased domestic output (Crude oil production decreased by more than 1.67 million tons; and coal output by 1.26 million tons in comparirson to the previous year). Processing and manufacturing sectors grew at 11.6% y.o.y, higher than that of 11.4% in 2015 owing to FDI disbursement increase of 9%. Other sectors gains higher growthcompared to the previous year.

Construction increased by 10% year-over-year (equal to that in the previous year) thanks to the improvement in real-estate markets. Recovery in real-estate markets was attributed to stablized construction material prices and low bank interest rates in 2016. Besides, the Government, ministries and agencies introduced measures and solutions to address various bottlenecks and facilitate capital disbursement to construction projects.

Services increased by 7.0%, the four-year highest growth owing to recovery in: *(i)* Hotel and restaurant services; *(ii)* Transportation and logistics; *(iii)* Real-estate business; and *(iv)* Finance, banking and insurance. However, wholesales and retail trade, automobile, motorcycle production and associated services experienced lower annual growth as a result of sluggish purchasing power, meanwhile, consumer prices in 2016 was higher than that in 2015.

Aggregate demand mainly relied on domestic demand while external demand contributed negatively to economic growth

Final consumption increased by 7.3% compared to 9.1% in 2015 owing to slow growth pace of private consumption while Government consumption was higher than that in 2015.

Total asset accumulation rose by 9.7%, the six-year highest growth and contributed the largest share in economic growth since 2011. Restored construction and investment also made significant contribution to overall economic performance.

Net export improved in spite of its negative contribution to economic growth of -2.2 percentage point compared to -5.3 percentage point in 2015. Export increased by 13.9% compared to 12.6% in 2015, and import rose by 15.2%, lower than the rate of 18.1% in 2015.

2.2. Employment and income



Unemployment continued to decline in urban areas but slightly increased in rural areas, 2016 per capita income reached USD 2,215.

In 2016, labor force segment of over 15 years old was estimated to be 54.4 million people, up by 455.6 thousand people compared to 2015, among which, 28.1 million were male workers, accounted for 51.6%, 26.3 million were female workers, accounted for 48.4%. Unemployment rate in 2016 was 2.3% (2015: 2.3%; 2014: 2.1%), among which, urban unemployment rate was 3.2% (2015: 3.3%; 2014: 3.4%) and rural unemployment rate was 1.9% (2015: 1.8%; 2014: 1.5%). Younger labor force aged between 15 and 24 bore an unemployment rate 7.3% in 2016, among which, such levels in urban and rural areas were 11.3% and 5.7%, respectively.

Social labor productivity in 2016 at current price was estimated to be VND 84.5 million/labor (or approximately USD 3,853/person). Using constant price in 2010, labor productivity across the economy in 2016 was estimated to increase by 5.3% y.o.y. Breaking down to economic sectors, average labor productivity in agro-forestry-fishery was the lowest, stood at VND 32.9 million/person; while that in industry and construction, and services was VND 112.0 million/person and VND 103.5 million/person. Despite considerable improvement in the past years, Viet Nam's labor productivity remained low compared to other countries in the region.

Per capita income in 2016 reached USD 2,215, an increase of USD 105 compared to 2015. For civil servants, officials and armed forces, the minimum wage was,

according to Decree No. 47/2016/ND-CP dated May 26, 2016 of the Government, raised from VND 1.15 million/month to VND 1.21 million/month since May 01, 2016. Minimum wages for employees working for enterprises, cooperatives, farms and households were raised according to Decree No. 122/2015/ND-CP dated November 14, 2015 of the Government and taking effect from January 01, 2016. Accordingly, labor wages are divided into four regions namely region I, II, III, IV; and minimum wages applied for each region are VND 3.5 million/month, VND 3.1 million/month, VND 2.7 million/month and VND 2.4 million/month, respectively.

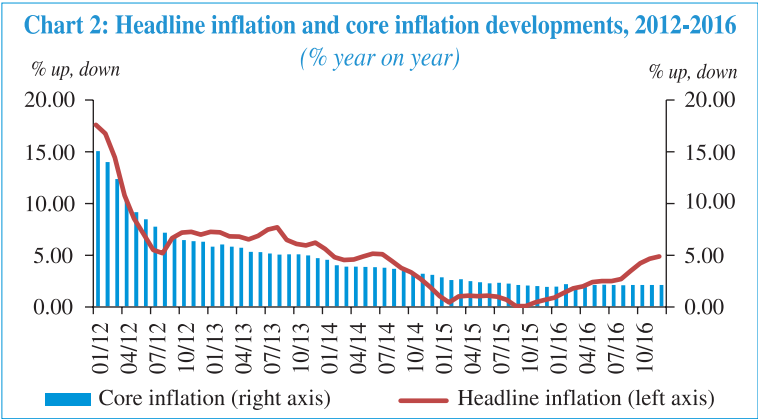
2.3. Inflation

Average CPI in 2016 increased by 2.66% year-over-year compared to 0.63% year-over-year in 2015, but considerably below those during 2011 and 2014 not with standing. An increasing trend in inflation in 2016 was attributed to the following reasons. *First*, according to the Government's roadmap of administered prices adjustment, healthcare and education prices were raised significantly in 2016, resulting in the increase of 38.1% and 7.1%, respectively in the healthcare services price index and education service price index, making a considerable contribution to inflation hike. *Second*, such harsh weather events as draught, salt intrusion, floods, etc. had impact on food supply, making the food price index and food-stuff price index increase by 1.6% and 2.8%, respectively. *Third*, there had been a trend of recovery in prices of fundamental commodities internationally, particularly fuel, pushing domestic petrol and gas prices, hence making higher growth pace in price indices of housing, fuel, construction material and transportation compared to 2015, leading to the upturn of production cost of other industries. *Moreover*, in 2016, the Government continued to follow its roadmaps of regional minimum wage adjustment since January 01, 2016 and basic salary adjustment since May 01, 2016, and at the same time, strengthened the implementation of solutions to support enterprises, appropriately boost economic growth.



Inflation rose in 2016 with annual average CPI of 2.66% mainly driven by changes of food price and adjusted State administered prices. Core inflation remained stable at 1.83%.

The Government’s adherence to the objectives of inflation control and macroeconomic stabilization after 2011 had helped restore market confidence, thus stabilizing inflation expectation. Average core inflation rate in 2016 was 1.83%, lower than the rate of 2.66% of headline inflation. This reflected that the increase in inflation in 2016 did not come from monetary factors, it was stemmed mostly from market developments and the Government’s adjustment of administered prices such as healthcare and education services.



Source: General Statistical Office

2.4. State budget revenues and expenditures

“

State budget revenues, in 2016, exceeded earlier estimates thanks to local budget surplus and the recovery in economic activities, thus making significant contribution to covering expenses for socio-economic development, public security, national defense and social protection. State

Total budget revenues in 2016, according to the National Assembly’s estimation, exceeded earlier estimates by 2.4% and reached approximately 24 percent of GDP (2015: exceeded by 9.3% and were equal to 21.9 percent of GDP). Higher-than-estimates revenues were essentially attributed to the private sector’s performances and the turn-to-increase property market in some major regions. Domestic revenues continued to take the biggest account in total revenues (79.5%) and were 5.7% higher than earlier estimates (2015: 15.9% higher than earlier estimates) in the context of business and manufacturing recovery, although it was not uniform across sectors. The biggest amount of revenue came from domestic private enterprises (equivalent to 115.5% of earlier estimates) while revenue made by the FDI sector was smaller than earlier estimates (91.7% of estimates); crude oil revenue was equivalent to 72.5% of earlier estimates only (2015:

72.6% of estimates) because of weak recovery in crude oil price; and export-import revenue just reached 96.5% of earlier estimates (2015: exceeded earlier estimates by 1.3%).

Total budget expenditures in 2016, exceeded earlier estimates by 1.9% (2015: exceeded by 7.3%), in which, investment expenditures were 2.4% higher than estimates (2015: 5.3% higher); current expenditures exceeded earlier estimates by 3.4% (2015: exceeded by 1.7%).

State budget deficit stood at VND 254 trillion or 5.6 percent of GDP (2015: 6.1 percent of GDP). Despite being within estimates, such deficit level was higher than the target of 4.95 percent of GDP.

2.5. Balance of payments

Overall balance of payments in 2016 reached a surplus of USD 8.39 billion, a considerable improvement compared to the last year deficit of USD 6.03 billion thanks to the high surplus in current and finance accounts. With the stabilized macroeconomy and eased appetite for foreign currency holding, a great deal of foreign currency was purchased by the SBV from the credit institution system for accumulating the State foreign exchange reserves.

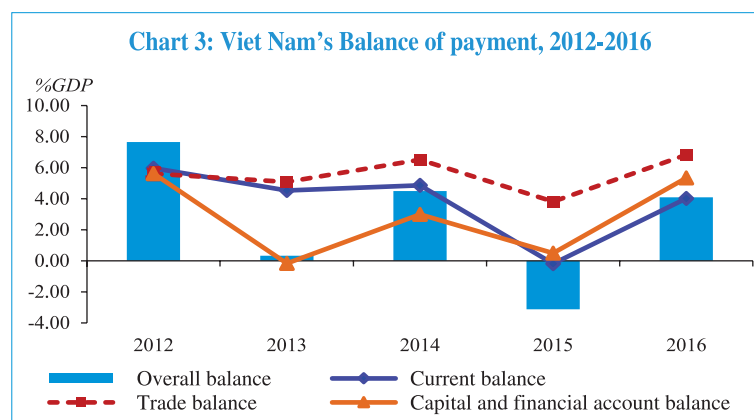
Current accounts gained a surplus of USD 8.2 billion (or 4 percent of GDP) compared to the deficit of USD 353 million (-0.2 percent of GDP) in 2015 thanks to the positive evolvement in most of the components compared to the previous year. Particularly, the big surplus amount in commodities balance and the recovery in remittances made the biggest contribution to the high surplus of current accounts. In 2016, commodities balance reached a surplus of USD 14 billion, almost doubled the surplus level of USD 7.3 billion in 2015; meanwhile, service balance experienced a deficit of USD 5.4 billion, an expansion of 2.86% from USD 5.25 billion deficit in 2015. There was a decrease in income balance deficit from almost USD 10 billion in 2015 down to USD 8.36 billion in 2016 as a result of a jump in Viet Nam's FDI profit and turnover from the management of the State foreign exchange reserves in tandem with the slump in profit

budget deficit, however, remained at high level.

“

There was a high surplus in current and capital accounts, stability in domestic exchange rate and foreign exchange market, and decrease in the public's appetite for foreign currency holding that facilitated the accumulation of the State's foreign exchange reserves.

payment to the FDI sector. Current transfers achieved a surplus of USD 7.98 billion, up by 6.45% compared to the surplus of USD 7.5 billion in 2015 mostly because of the increase in remittances (reached USD 8.87 billion compared to USD 8.28 billion in 2015).



Source: The State Bank of Viet Nam

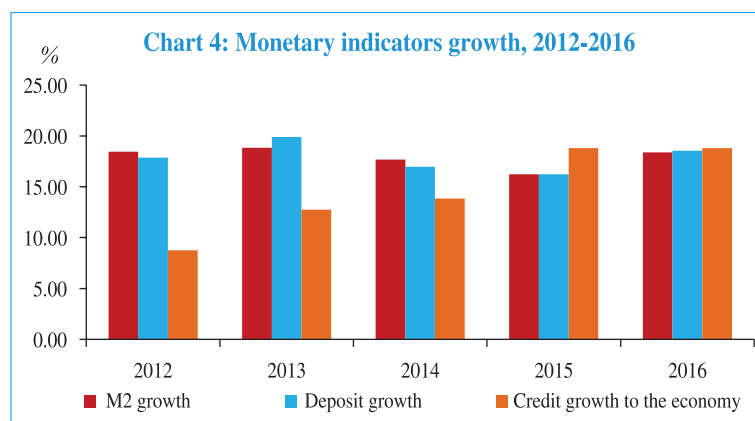
Capital and finance accounts gained a surplus of USD 10.96 billion, 11.3 times bigger than the surplus of USD 967 million in 2015. The continuing increase in FDI and the lower-than-2015 money and deposit deficit were attributed to be the source of the big surplus in capital and finance accounts. More specifically, net FDI in 2016 reached a surplus of USD 11.6 billion, an increase of 8.4% compared to 2015 thanks to the good disbursement of FDI enterprises approaching the year-end. Similarly, net FPI gained a surplus of USD 228 million compared to the deficit of USD 65 million in 2015 as a result of positive developments in the stock market, with the 15.75% increase in the VN-Index. Net foreign borrowing stood at USD 2.87 billion, slumped by 47% from USD 5.4 billion in 2015 as short-term and medium- and long-term borrowings all decreased. Money and deposit experienced a deficit of USD 3.8 billion, which was below the deficit of USD 15.02 billion in 2015.

2.6. Monetary and financial developments

Monetary developments

As of end-2016, total liquidity (M2) increased by 18.4% year-over-year, which was mostly attributed to:

(i) Investment into the economy rose at high pace right from the beginning of the year as a result of the recovery in domestic business and manufacturing activities that made a strong increase of 19.2% year-over-year in Net Domestic Assets (NDA); (ii) Thanks to trade surplus, there were strong capital inflows that helped expand current account surplus and make Net Foreign Assets (NFA) increase by 13.5% year-over-year. Accordingly, the SBV, on one hand, purchased foreign currency in proactive manner to accumulate foreign exchange reserves, on the other hand, carefully controlled money supply so as to avoid any pressure on inflation.



Source: The State Bank of Viet Nam

There were a strong growth in the banking system's capital mobilization and a decline in dollarization

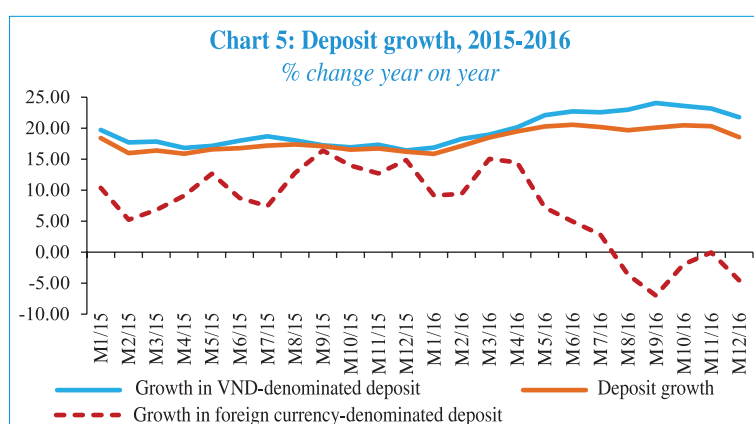
Amidst low and stable inflation, the appropriate preservation of VND – foreign currency deposit rate spread made contribution to the improvement of the VND value, and while the full recovery had not taken part in such other investment channels as securities, property market yet, bank deposit remained the essential choice for investment. In 2016, capital mobilization growth in the whole system reached 18.5% compared to the rate of 16.2% in 2015, in which, VND deposit increased by 21.8% (2015: 16.41%), while foreign currency deposit declined by 4.54% (2015: increased by 14.86%). The decrease in foreign currency deposit helped narrow the dollarization, reflecting in the consecutive decline in foreign currency deposit to total liquidity (FCD/M2) ratio between 2009 and 2016 and fell down to 8.71% in 2016, below the

“

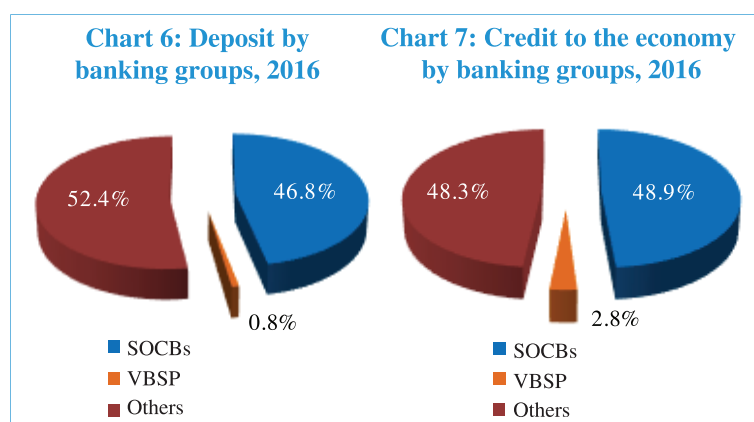
Total liquidity growth was maintained at reasonable level, thus contributing to inflation control. The continuation of capital mobilization growth in tandem with the good growth pace in investment into the economy helped support the recovery momentum of domestic manufacturing and business activities.

mean ratios of 11.8% between 2012 and 2015 and 19.1% between 2007 and 2011.

The proportion of deposit at state-owned commercial banks was raised, while that at other credit institutions went down², in particular: deposit at state-owned commercial banks (excluding Social Policy Bank) accounted for 46.8% of total deposit outstanding (2015: 45.5%); that at other credit institutions made up 52.4% (2015: 53.7%); and deposit at Social Policy Bank made up 0.8% of total deposit outstanding only.



Source: The State Bank of Viet Nam



Source: The State Bank of Viet Nam

Good growth in investment into the economy³

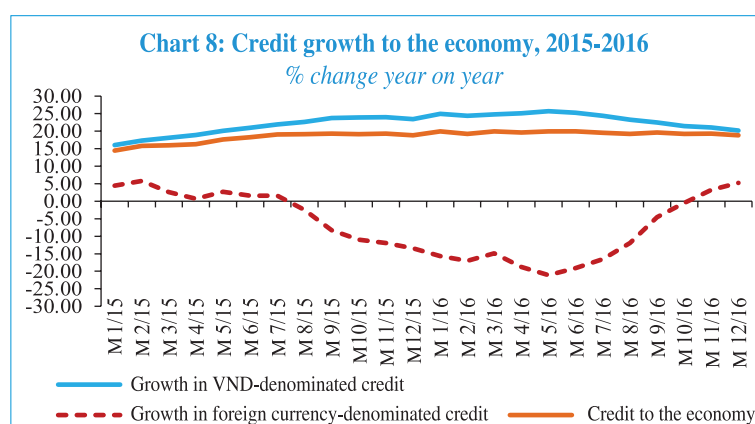
In 2016, investment growth rate was 18.8% y-y, equivalent to that in 2015, in which, investment in VND

² Including joint-stock commercial banks, non-bank credit institutions, people's credit funds, 100% foreign owned banks, joint-ventured banks, and foreign bank branches.

³ Investment into the economy = credit to individuals and economic entities + economic entities' capital contribution, share purchase and other investment in economic entities.

increased by 20.2% y-y and that in foreign currency rose by 5.2% y-y. Furthermore, investment structure was shifted from foreign currency to local currency investment. In particular, there was a continuous increase in the proportion of investment in VND to total liquidity from 2011 (80%) to 2016 (92%). Investment flow had been directed to manufacturing, particularly agriculture and rural areas, processing, etc. At the same time, anti-dollarization had made progress not only on deposit side but on lending side as well. More specifically, there was a strong and continuous decline in the proportion of foreign currency investment to total liquidity, from 18.1% in 2011 down to 6.3% in 2016.

In terms of investment structure according to bank groups, there were downward trend in investment from state-owned commercial banks and upward trend in that from other credit institutions: As of end-2016, investment outstanding from state-owned commercial banks (excluding Social Policy Bank) accounted for 48.9% of total outstanding (2015: 49.1%); that from Social Policy Bank made up 2.8% (3.0%); and from other credit institutions accounted for 48.3% (47.9%).



Source: The State Bank of Viet Nam

Interest rate developments

VND interest rate

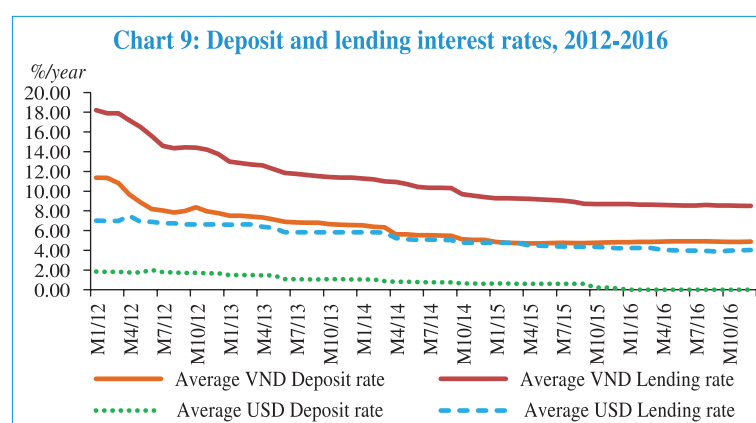
Interest rate in 2016 continued to be stabilized and was in line with macroeconomic and monetary developments. After rising by 0.2% to 0.3% pa during the

“

Market interest rate continued to be

stabilized, narrowing VND-foreign currency deposit rate gap helped improve the VND's status.

first three months, deposit interest rate was subsequently stabilized since April, particularly, from mid-April and end-September, many credit institutions lowered deposit rate by 0.3% to 0.5% pa and lending rate by 0.5% to 1% pa for some manufacturing areas. As of end-2016, VND deposit rate stood at 0.8% to 1% pa for demand and under one-month deposits, 4.5% to 5.4% pa for one-month to under six-month deposits, 5.4% to 6.5% pa for six-month to under twelve-month deposits, and 6.4% to 7.2% for twelve-month and above deposits. Lending interest rate was 6% to 9% for short-term and 9% to 11% for medium- and long-term loans.



Source: The State Bank of Viet Nam

Note: Deposit and lending rate are at average values

USD interest rate

USD interest rate evolved in line with the Government's and the SBV's policy on anti-dollarization, reduction of foreign currency holding, thus helping stabilize exchange rate and foreign exchange market. As of end-2016, USD deposit rate at credit institutions was at 0% according to the SBV's rule, and USD lending rate was 2.8% to 6.0% pa, in which, short-term lending rate was 2.8% to 4.8% pa and medium- and long-term lending rate was 4.9% to 6.0% pa.

Interbank monetary market

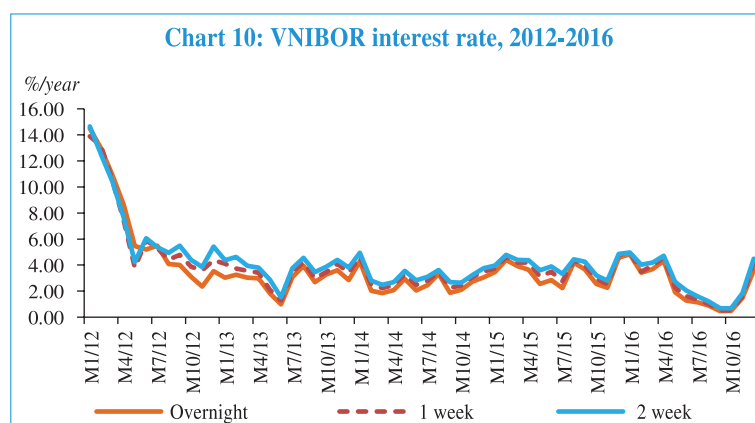
Strong increase in interbank transaction volume

Total turnover of VND deposit and lending in interbank market was VND 6.219 quadrillion, increased

by VND 443 trillion compared to 2015 or 7.6% year-over-year. A significant increase took part in USD interbank transaction volume, too; total turnover of USD deposit and lending in interbank market in 2016, converted to VND, reached VND 3.491 quadrillion, an increase of VND 1.360 quadrillion compared to 2015 or 63.8% year-over-year. Turnover of securities trading transaction between credit institutions and foreign bank branches, in correlation to deposit and lending, was smaller in terms of value but high in terms of growth rate, increased from VND 249 trillion in 2015 to VND 513 trillion in 2016.

In terms of maturity, most realized transactions in interbank market in 2016 were at under one-month maturities with the focus on overnight and one-week. Turnover of VND overnight transactions in 2016 reached 2.191 quadrillion and of USD overnight transactions, converted to VND, was VND 2.015 quadrillion, accounted for 35% and 58%, respectively in total yearly turnover.

Interbank interest rate was kept at low levels



Source: The State Bank of Viet Nam

In 2016, there was a decrease in interbank interest rate and ample liquidity in the context of the banking system's good deposit growth and the SBV's net purchase of foreign currency. During 2016, overnight interest rate was maintained at 2.25% pa on average, a decrease of 1.08% pa compared to 2015. Similarly, one-week and two-week interest rates were cut by 1.23% pa and 1.26% pa, respectively.

“

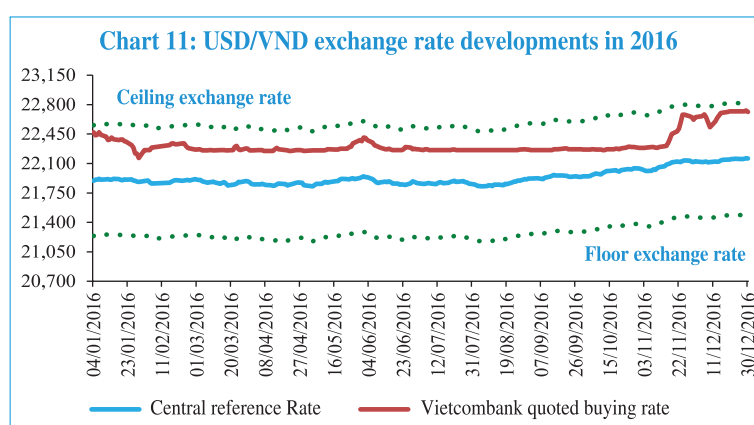
Interbank rate was kept at low level and there was a strong increase in VND and USD transaction volumes.



Domestic foreign exchange market was relatively stable amidst changes in international market and high overall balance of payment surplus.

Foreign exchange market development

In 2016, exchange rate and foreign exchange market were relatively stable amidst adverse impact from changes in international market at some points of time such as the Brexit event in June 2016 as well as strong appreciation of the USD after the U.S. Presidential Election and the Fed's interest rate hike in December 2016. High surplus of overall balance of payment, which was once experienced deficit, facilitated domestic foreign currency demand and supply to be balanced and the SBV's purchase and selling foreign currency in timely manner helped stabilize market. In parallel, monetary policy tools continued to be managed by the SBV in proactive and uniform manners, in combination to the flexible management of the central exchange rate on daily basis following developments in domestic and international markets and in accordance with macro and monetary balances as well as monetary policy targets, thus easing the appetite for foreign currency holding and protecting domestic market from external shocks. Thereby, during 2016, there was hardly any big change in domestic foreign exchange market alongside with good market liquidity, the reduction in foreign currency holding, credit institutions, therefore, purchased foreign currency from clients on net basis, and the SBV purchased a huge amount of foreign currency and expand the State foreign exchange reserves to a record big scale.



Source: The State Bank of Viet Nam

As of end-2016, the central exchange rate as well as market USD/VND exchange rate increased by 1.2%

year-over-year. Remarkably, even during the period of exchange rate appreciation, there remained the preservation of foreign currency liquidity and normal realization of market transactions without tensions like previous years, legal foreign currency needs were fully met, and the appetite for foreign currency holding continued to be eased.

Gold price development

Domestic gold price closely followed international one, and there was a decline in domestic and international gold price spread. In particular, at many points of time between mid-February and end-June, 2016, domestic gold price fell below international one. This reflected that the SBV's policy of gold market management had supported the stability in the market. At end-2016, domestic gold price stood at VND 35.92/36.41 million/ounce, an increase of 11% year-over-year.

“

There was a positive correlation between domestic and international gold prices, at many points of time, domestic gold price was lower than international one.

“

Securities market

Viet Nam's securities market, in 2016, was impacted by unexpected external events such as transaction stop in China's securities market on April 01, 2016, Brexit (Britain's exit from the EU) on June 24, 2016, and the final result of the U.S. Presidential Election on November 09, 2016. On June 24, 2016, the VN-Index at some points of time slumped by 5.5%; on November 09, 2016, it recorded the biggest loss of 3%; nevertheless, thanks to sound market fundamentals, the VN-Index turned to recover afterward. Compared to end-2015, the VN-Index increased by 14.8% y-y, reached 664.87, while the HNX-Index rose by 0.2% only, to the level of 80.02. There was a good expansion in the market scale with market capitalization of VND 1.370 trillion, equivalent to 30.4 percent of GDP, an increase of 11.9% compared to 2015. In terms of average transaction value: the HOSE: VND 2.437 trillion/session, an increase of 24.0% compare to the average value of 2015; the HNX: VND 511 billion/session, increased by 8.4% compared to 2015. In the primary bond market, a relatively positive result of Treasury Bond issue was recorded in 2016 with 100

A strong evolvment occurred in the securities market due to unexpected external changes.

percent fulfillment of the issue target and decreasing interest rate, thus reducing the cost of fund mobilization for the State Budget. Furthermore, bond maturities were lengthened compared to end-2015, the time that Treasury Bond was issued at 7-year, 20-year and 30-year maturities.

2.7. Credit institutions' activities



Financial capacity and prudential ratios, and risk management were enhanced by credit institutions. Profitability ratio was improved compared to 2015, and there were continuous liquidity stability and improvement in credit quality.

**Table 1: Viet Nam's credit institution system
(as of December 31, 2016)**

No.	Types	2015	2016
1	State-owned Commercial Banks (SOCBs)	7(*)	7(*)
2	Social Policy Bank (VBSP)	1	1
3	Development Bank	1	1
4	Joint-stock Commercial banks (JCBs)	28	28
5	Joint-ventured banks (JVBs)	3	2
6	100% foreign-owned banks	5	8
7	Foreign Bank Branches	50	51
8	Non-bank Credit Institutions	27	26
	<i>Include: Financial companies</i>	16	15
	<i>Financial Leasing companies</i>	11	11
9	Cooperative Bank of Viet Nam	1	1
10	People's Credit Funds	1,147	1,166
11	Micro-finance Institutions	3	4

Source: The State Bank of Viet Nam

(*) - Including 03 joint-stock commercial banks acquired by the SBV at 0 VND (Viet Nam Construction, GP and Ocean).

In inheriting and promoting achievements reached in the 2011-2015 period, 2016 had been determined as the commencing year that lays an important foundation for the 2016-2020 period. Accordingly, the credit institution system continued to be restructured in the direction of protecting stable and safe functioning. As of end-2016, the system included 04 state-owned commercial banks, 03 compulsorily acquired banks, 28 joint-stock commercial banks, 02 policy banks, 16 finance companies and 11 leasing companies (categorized as non-bank credit

institutions), 04 microfinance institutions, 01 cooperative bank and 1,166 people's credit funds, 08 100% foreign-owned banks, 51 representative offices, 02 joint-ventured banks and 51 foreign bank branches.

Credit institutions had endeavored to improve financial capacity and prudential ratios, and strengthen risk management

Table 2: Credit institutions' assets and capital⁴

	Total Asset		Owned Capital		Chartered capital	
	VND Billion	± %	VND Billion	± %	VND Billion	± %
State-owned						
Commercial Banks	4,021,553	16.63	229,499	12.87	157,239	6.39
- State-owned Commercial Banks	3,861,942	16.89	229,499	12.87	146,543	6.89
- Social Policy Bank	159,611	10.68			10,696	0.00
Joint-stock Commercial Banks	3,422,829	16.89	254,151	7.54	200,855	3.55
Joint-ventured, foreign banks	828,322	9.63	130,955	11.77	104,103	10.81
Financial and financial leasing companies	114,370	30.20	21,362	20.59	19,700	6.71
Cooperative Bank	26,385	20.45	3,694	6.39	3,025	0.81
People's Credit Funds	90,112	16.06			3,502	12.91
Total	8,503,571	16.18	639,661	10.66	488,424	6.11

Source: The State Bank of Viet Nam

In 2016, restructuring solutions were deployed by the SBV in drastic and uniform manners, thus laying an important foundation for the 2016-2020 Masterplan for Credit Institution System Restructuring accompanied

⁴ Excluding credit institutions with negative equity capital, Social Policy Bank and People's Credit Fund.

with NPL Resolution to be formulated and executed on schedule. Accordingly, financial capacity and functioning scale of credit institutions, in 2016, would be improved compared to previous years, contributing to supporting economic growth. As of end-December 2016, the system's total assets reached VND 8,503.6 trillion, increased by 16.2% y-y; total equity stood at VND 639.7 trillion, an increase of 10.7% y-y; and total chartered capital was VND 488.4 trillion, rose by 6.1% y-y. Banking technology and credit institutions' governance, internal audit and control capacities continued to be improved in line with international standards and practices.

Table 3: Credit institutions' operational indicators⁵

Unit: %

	ROA	ROE	CAR	The ratio short-term capital source to be used for medium and long-term loan
State-owned Commercial Banks	0.59	9.78	9.92	37.32
- State-owned Commercial Banks	0.61	11.21	9.92	37.32
- Social Policy Bank	0.15	0.77		
Joint-stock Commercial Banks	0.39	5.44	11.80	39.93
Joint-ventured, foreign banks	0.80	4.91	33.20	
Financial and financial leasing companies	4.01	19.47	20.41	45.30
Cooperative Bank	0.80	9.49	28.49	21.29
People's Credit Funds	0.89	13.29		
Total	0.58	7.47	12.84	34.51

Source: The State Bank of Viet Nam

⁵ CAR, ROA, ROE did not include credit institutions, foreign bank branches with negative equity. ROA, ROE in 2016 had been calculated based on unaudited financial statements in 2016.

Thanks to the drastic and uniform implementation of solutions to banking inspection, supervision, restructuring as well as NPLs resolution, market and the public sentiment had been stabilized, and people's confidence to the banking system had been strengthened. As of end-December 2016, the system's ROA and ROE were 0.6% and 7.5%, respectively, a slight increase compared to 2015 (These ratios in 2015 were 0.5% and 6.1%, respectively.) The system's CAR as of December, 2016 stood at 12.8%, slightly decreased from 13% in 2015.

There were a continuation in liquidity stability and an improvement in credit quality

Liquidity risk: The system's liquidity was relatively stable and reached surplus for the good growth of fund mobilization on primary market, particularly term deposits, the preservation of creditworthiness ratios, and the fast but under-control growth of medium- and long-term credit for meeting the economy's needs.

Credit risk: Credit quality continued to be improved in 2016, reflecting through the going-down and below-target NPL ratio (below 3%). As of end-December 2016, on-balance NPL ratio was 2.46% of total outstanding, a slight decrease from 2.55% at end-2015. However, it was necessary to further enhance credit quality as category-5 debts had made up a big account, and NPLs had not been thoroughly addressed due to bottlenecks in the legal framework for collateral resolution and debt trading as well as remaining difficulties in the economy,...

Part II – The State Bank of Viet Nam’s performance

In implementing the Government’s guidance at Resolution No. 01/NQ-CP dated January 07, 2016, the SBV issued Instructive No.01/CT-NHNN dated February 23, 2016 that set the objectives and responsibilities of the whole banking sector in 2016 being *“Managing monetary policy in proactive and flexible manners and in coordination with fiscal and other macroeconomic policies for keeping inflation below 5% as targeted, stabilizing macroeconomy, contributing to supporting the economy to grow at reasonable level (about 6.7 percent), ensuring liquidity in credit institutions and in the economy and maintaining the stability on money market. In 2016, total liquidity growth rate is set at 16-18%, credit outstanding is set to increase by 18-20% with appropriate adjustment in accordance with real developments. The SBV organizes the implementation of monetary and banking resolutions to further facilitate enterprises, cooperatives and households to access credits for developing effective business and manufacturing, and facilitate credit institutions to expand credit provision in tandem with the preservation of credit safety and quality, ensuring capital to be bumped to the economy”*.

1. Monetary policy management

“

Managing monetary policy in proactive and flexible manners to control inflation, stabilize macroeconomy, contributing to supporting the economy to grow at reasonable level, and at the

Managing open market operations in proactive and flexible manners to give liquidity support to credit institutions, contributing to stabilizing foreign exchange market and monetary control

Open market operations continued to be managed in proactive and flexible manners for regulating liquidity in the system, stabilize monetary market, assist in exchange rate stabilization, thus allowing the decline of both deposit and lending interest rates and at the same time, supporting government bond to be successfully issued.

The SBV gives liquidity support to credit institutions on daily basis to cover temporary working capital



shortage via bid offers of valuable papers, most of which are of 7-day maturity, and interest rate is maintained at 5% per annum. Bid offer volume could be adjusted to reflect developments in the market and situation of working capital of credit institutions. At some points of time, there is high liquidity demand under the impact of seasonal factors, then more valuable papers are offered and maturity is extended from 7 days to 14-56 days for easing liquidity pressure on credit institutions, thus contributing to reducing pressure on deposit and lending interest rates and stabilizing monetary market.

same time, ensure liquidity in the system and stabilize monetary and foreign exchange markets.

Since end-May 2016, amidst excess liquidity in the system, liquidity was regulated by the SBV via bid offers of the SBV-bills with maturities of 7 days and 14 days for the purpose of exchange rate stabilization and monetary control, and at the same time, a proper level of excess liquidity was maintained for contributing to pulling market interest rate down, thus assisting Ministry of Finance to successfully issue government bond at low cost. Particularly, at the time of high evaluating pressure on exchange rate, bid offer volume of the SBV-bills was proactively increased in tandem with the hike of procurement interest rate, hence raising the cost of USD holding and contributing to reducing the needs of foreign currency speculation and holding by credit institutions. Since October 2016, in the context of increasing trend in inflation and the accomplishment of the 2016 government bond issue plan, the SBV proactively raised volume of the SBV-bills bid offer and added the maturity of 28 days to strengthen monetary control, thus contributing to controlling inflation.

Maintaining policy interest rates at stable levels

Interest rate policy, in 2016, continued to be managed by the SBV in proactive and flexible manners for stabilizing interest rate. In the context that inflation turned to increase, credit grew right from the beginning of the year, there was a huge need for government bond issue at long maturities, it was a hard job to keep interest rate stable. In closely following developments

in the macroeconomy and monetary market, the SBV continued to keep policy interest rates⁶ unchanged; carry out monetary regulation in proactive manner, allow excess liquidity and low interbank interest rate to facilitate credit institutions to easily mobilize capital in interbank market without deposit interest rate hike, thus enabling market interest rate to be stabilized. Besides, the SBV instructed credit institutions to well balance their capital, cut down costs and improve business efficiency to enable lending interest rate to be lowered, and at the same time, reduce the short-term capital to medium-and long-term credit ratio as process, contributing to easing interest rate pressure on credit institutions.

Keeping VND and USD reserve requirement ratios unchanged

In carrying out monetary control, stabilizing liquidity in credit institutions and monetary market, helping stabilize then lower interest rate, VND reserve requirement ratio was kept at 3% for demand deposits and term deposits of under 12-month maturity, and 1% for term deposits of 12-month maturity and above. Regarding foreign currency deposits, reserve requirement ratio was 8% for demand deposit and terms deposit of under 12-month maturity, 6% for term deposit of 12-month maturity and above, and 1% for deposits by Vietnamese credit institutions overseas.

Flexibly managing central reference exchange rate on daily basis, timely addressing domestic and external events

Solutions to the stabilization of exchange rate and foreign exchange market that were implemented by the SBV in uniform and flexible manners in 2016 included: *First*, the SBV announced central exchange rate on daily basis based on its reference to developments in domestic

⁶ Refinancing rate, rediscount rate, and interbank lending interest rate were set at 6.5% p.a., 4.5% p.a. and 7.5% p.a., respectively. Caps on interest rates on VND demand deposit and term deposit of under 1-month maturity, and on term deposit of between 1-month and 6-month maturities were 1% p.a. and 5.5% p.a., respectively. Interest rate on USD deposit was 0% p.a.



and international markets, macroeconomic and monetary balances and monetary policy objective⁷, replacing the average interbank exchange rate. The central exchange rate was flexibly adjusted at the two sides of the trading band in order to limit foreign currency speculation and holding, thereby reducing dollarization as well as minimizing adverse impacts from external events, thus easing exchange rate pressure. *Second*, the appreciation of exchange rate at some points of time resulted from sentiment changes under the hit of such external events as Brexit in June, 2016 and USD appreciation after the U.S. Presidential Election and the Fed's interest rate hike in December, 2016. In this context, the SBV proactively raised interest rate and volume of the SBV-bills issuance to regulate liquidity, helping in stabilizing exchange rate, and at the same time, maintain a proper level of excess liquidity for contributing to lowering down interest rate as guided by the National Assembly and the Government. *Third*, the SBV purchased and sold foreign currencies in timely manner, thus ensuring liquidity and helping to stabilize exchange rate. Particularly, at the times of favorable macroeconomic conditions and ample foreign currency supply, the SBV, on one hand, proactively purchased foreign currencies for foreign exchange reserves accumulation, on the other hand, carefully managed money supply for avoiding pressure on inflation. *Forth*, there was a uniform coordination and implementation between exchange rate and foreign exchange market management policies and other tools such as interest rate, regulations on foreign currency credit, open market operations. These, combined with the push-up of communication and market orientation, made a consensus from the public, thus gradually reducing foreign currency holding and enhancing the position of the VND, stabilizing foreign exchange market. In 2016, Viet Nam's exchange rate and foreign exchange market

⁷ According to Decision No. 2730/QĐ-NHNN dated December 31, 2015 on the announcement of the central VND/USD exchange rate, the exchange rate was calculated based on cross-exchange rates between VND and other currencies.

management was hailed by international organizations and received positive assessments from citizens and enterprises.

Implementing credit solutions to address bottlenecks facing with enterprises and support market on the basis of protecting credit quality and contributing to carrying out anti-dollarization policy

The SBV continued to develop and implement credit solutions in uniform manner in the direction of extending credit in tandem with ensuring credit safety and quality, ensuring capital provision to the economy, facilitating smooth access to bank credit. Based on the targets of economic growth and inflation of 6.7% and below 5%, respectively, the SBV set the orienting credit growth target of 18-20% for 2016. Accordingly, the SBV informed the target to credit institutions, and during the realization process, based on credit institutions' proposals, the SBV adjusted the target according to groups of credit institutions taking into consideration their financial situation and capacity of sound credit extension. Besides, the SBV continued to implement solutions to support credit institutions in expanding credit provision, address bottlenecks in credit relations between credit institutions and their clients, facilitate individual and institutional clients to access bank credit in accordance with the law via: restructuring maturities, lowering interest rate of previous loans, exempting and deferring interest on funding cost, streamlining lending procedures, not imposing interest on overdue loans, considering to prioritizing principal collection over interest rate collection regarding due debts that are hard to be repaid due to clients' difficulties, and providing new loans to effective projects, etc.

As for foreign currency credit, the SBV, in implementing solutions to facilitating enterprises to boost business while ensuring the execution of the Government's policy of anti-dollarization, issued Circular No. 07/2016/

TT-NHNN dated May 27, 2016 as the amendment to Circular No. 24/2015/TT-NHNN dated December 08, 2015 on Credit institutions' and foreign bank branches' foreign currency lending, accordingly, the deadline for credit institutions to be allowed to consider and make decision to give foreign currency loans in meeting clients' demand for short-term capital for export manufacturing was extended to December 31, 2016.

Managing refinancing tools in flexible manner

Refinancing instruments continued to be proactively operated, in line with market developments and the performance of credit institutions, in coordination with other monetary policy instruments that contribute to achieving the objectives of controlling inflation and supporting economic growth to reach a reasonable level. The SBV continued to refinance objectives in consistence with the Government's policies such as the refinancing on the basis of the VAMC's special bonds to provide credit institutions with working capital during the resolution of NPLs according to Decree No. 53/2013/ND-CP dated May 18, 2013 and Decree No. 34/2015/ND-CP dated March 31, 2015 of the Government; refinancing banks for supporting their housing lending under Resolution No. 02/NQ-CP dated January 07, 2013 and Resolution No. 61/NQ-CP dated August 21, 2014 of the Government...

2. Foreign exchange management

Proper management of current transactions and use of foreign currency

The management of current transactions continued to follow the orientation of liberalization in line with international commitments, while continuing to implement measures to restrict the use of foreign currency domestically in order to limit, then eliminate the dollarization, increase the public's confidence in the Viet Nam dong. The policy of attracting remittances continued to be performed in a smooth way and in line with the trend of integration, in order to encourage and facilitate remittances inflows, contributing to improving

“

Improving the legal framework on foreign exchange management; management of the State's foreign exchange reserves continued to ensure the principles of safety, liquidity and profitability; and

at the same time, strengthening the state management function over the gold market.

the balance of payments of Viet Nam and building up State foreign exchange reserves. In addition, the SBV continued to implement solutions to attract foreign currency sources into the banking system through the policies of remittances, buying and selling foreign currency cash between credit institutions and individuals, and management of trade payment at border areas...

Capital transaction management

In addition to improving the policy documents on foreign exchange management, the SBV continued to strengthen foreign exchange management over foreign investment and management of external borrowing and repayment with cautiousness and avoid exceeding the annual limits approved by the Prime Minister. The SBV developed and put into operation a portal for managing enterprises' external borrowing and repayment, on which proactive loan and loan adjustment registration by enterprises is allowed, hence shortening the time and procedure of loan registration. At the same time, an external debt database that is grouped in approaching international practices had been building up. In addition, the foreign exchange management over foreign investment continued to facilitate the attraction and efficient use of foreign direct investment in Viet Nam, and closely monitor the short-term capital inflows and overseas investment in line with international integration commitments and the State's orientation.

Management of the State's foreign exchange reserves

In 2016, foreign exchange market was relatively stable, foreign currencies supply and demand were guaranteed, the new exchange rate management method worked effectively to help absorb external shocks and reduce foreign currency holdings. In such conditions, the SBV purchased large amounts of foreign currency to supplement to the State's foreign exchange reserves.

Gold market management continued to positively evolve

In 2016, domestic gold market continued to be stabilized and well self-regulated, the "gold rush" did

not occur in the market; there was a significant decrease in gold bar sales compared to previous years. The SBV did not have to import gold for intervention or to issue licenses to gold importers, the market self-balanced. As a result, part of the gold capital in the economy continued to be transformed into money for socio-economic development, contributing to exchange rate and macroeconomic stabilization.

3. Banking supervision

2016 is the first year which laid an important foundation for the implementation of restructuring and NPLs resolution measures during 2016 and 2020. Right from the beginning of the year, the SBV issued Directives No. 01/CT-NHNN and No. 02/CT-NHNN dated February 23, 2016 focusing on uniform implementation of solutions on institutional improvement, strengthening of inspection and supervision, push-up of the restructuring and NPLs resolution, and thorough resolution of weak credit institutions. Important achievements, thereby, had been made, contributing to ensuring the stable, safe and healthy operation of the credit institutions system, maintaining order and discipline and effectiveness of monetary policy regulation, state management over monetary and banking sectors.

Inspection and supervision

In 2016, the SBV focused on compliance-based inspection and supervision regarding the areas of currency, banking, limits and prudential ratios as well as the implementation of the Masterplans on Restructuring of Credit Institutions and NPLs Resolution in order to detect and thoroughly handle any risks and law breaches, while ensuring the strict compliance to the State's policies. Inspections in 2016 continued to focus on the following three areas: **(i)** Legal entity inspection that covered most of the major operations of credit institutions; **(ii)** Specialized inspection on restructuring, NPLs resolution and credit quality; **(iii)** Inspection on other subjects under the responsibility of the SBV.

“

Supervision and inspection activities focused on the development and implementation of the 2016-2020 Masterplan on Restructuring of Credit Institutions associated with NPLs Resolution; implementing prudential regulations in accordance with Basel II international standards and related key issues such as NPLs, credit quality, prudential ratios, governance, detection and early warning of risk; thorough resolution of weak credit institutions; and anti - money laundering.

Inspections were strictly implemented in accordance with the applicable laws and regulations and with close combination with independent audit. The inspection methodology was the combination between compliance-based inspection and risk-based supervision. There was an increasing quality of inspections with closer assessment of the status and performances of inspected. The inspection was carried out drastically, concentrative, consistently, with focus, contributing to ensure the safety and stability of the banking system, enhancing discipline in the fields of monetary and banking.

Banking supervision continued to be renewed and strengthened based on the improvement and deployment of new monitoring tools and methods associated with the promotion of information technology application, database development and monitoring criteria system. Supervision activities in 2016 focused on the compliance to macro- and microprudential ratios and limits, early warning of risk, risk provisioning, credit quality, NPLs resolution, debt restructuring, selling and purchase of assets, accrued interest and receivables, investment and cross ownership, operation of weak credit institutions and those under special control,... The scope of supervision was extended to include subsidiaries and branches of foreign credit institutions. In addition to enhancing the specialized inspection and supervision, the SBV continued to speed up administrative inspection, citizen reception, claims and denunciations addressing, and anti –corruption and criminals in the banking industry. In parallel with the inspection and supervision, the SBV increased the coordination with related agencies in detecting and handling law breaches via provision of information and dossiers, conduction of judicial verification, etc. The results of supervision actively supported the inspection, management, licensing, formulation of mechanisms and policies, restructuring and NPLs resolution, making a more positive contribution to risk prevention within credit institutions, protection of safe operation of the system, and stabilization of depositors' sentiment.



Licensing management

Licensing management and in 2016 continued to be carried out in accordance with prudential principles, standards and conditions and associated with the progress, performances of the restructuring and NPLs resolution of the whole system and each credit institution in order to ensure the safe and sound development of the credit institution system. In 2016, the SBV approved the proposal to set up 03 100% foreign-owned banks, 03 foreign bank branches, 04 representative offices and 01 finance company. The establishment of subsidiaries and overseas branches of Vietnamese credit institutions were carefully considered, too and linked to the strengthening of supervision measures to ensure safe operation.

The picture of the making and implementation of 2016-2020 Masterplan on Restructuring of Credit Institutions in association with NPLs Resolution and the application of prudential regulations in accordance with Basel II standards

Continue to strengthen the restructuring and NPLs resolution of credit institutions

2016 was defined as the opening year, laying an important foundation for the 2016-2020 Masterplan of Restructuring of Credit Institution associated with NPLs Resolution to be developed and implemented in accordance with the given schedule. Accordingly, in promoting achievements during 2011-2015 periods, the SBV continued to implement solutions to restructure the banking system and resolve NPLs. Specifically: **(i)** Issue Directive No. 02/CT-NHNN dated February 23, 2016 instructing the entire banking sector to continue to decisively implement solutions to restructuring and NPLs resolution, strictly address weak credit institutions and sustain NPL ratio below 3%; **(ii)** Strengthen the management, restructuring and close supervision of operations, timely handle of petitions by the banks that are compulsorily acquired by the SBV and weak credit institutions in order to recover the operation of these

credit institutions step by step; *(iii)* Continue to direct the promotion of the restructuring of credit institutions, monitor and supervise joint stock commercial banks formed after the merger; *(iv)* Consolidate and reorganize the system of cooperative credit institutions, resolutely handle weak people's credit funds; and at the same time, implement the Prime Minister's guidelines on allowing the bankruptcy of some people's credit funds that are weak and unable to recover normal operations; *(v)* Making one further fundamental step in addressing weak non-bank credit institutions through a number of measures such as merging, revoking licenses, carrying out bankruptcy procedures as stipulated...; and at the same time, coordinating with the line agencies/ministries of the holding groups/corporations of these organizations to direct the units to deploy appropriate restructuring solutions; *(vi)* In addition, the SBV had submitted to the Prime Minister and the Politburo a Masterplan entitled "Restructuring of Credit Institution System and NPLs resolution for the 2016-2020 period". So far, basically, the situation of the compulsorily acquired banks by the SBV had achieved some initial positive results, there had been the strengthening and consolidation in governance, control and management structures as well as the improvement in liquidity, revenue had started to be generated from safe business operations under the supervision of the SBV, repelling the risk of out-of-control bankruptcy and systemic risk.

Regarding NPLs resolution, the SBV actively instructed credit institutions to enhance debt classification and risk provisioning in accordance with regulations; handle bad debts, improve credit quality, limit new incurred bad debts; and at the same time, actively improved the legal framework on NPLs resolution and debt trading market development. With the drastic measures taken by the SBV, the efforts and activeness of credit institutions to control and resolve bad debts, NPL ratio had been maintained at the prudent level under the given target (less than 3%).



Improve the legal framework on banking safety, risk management, and assistance in NPLs resolution

In 2016, the SBV actively improved the legal framework on banking safety, NPLs resolution, and promotion of the development of the debt trading market. The SBV advised the Government on the issuance of Decree No. 18/2016/ND-CP dated March 18, 2016 amending and supplementing some articles of Decree No. 53/2013/ND-CP dated May 18, 2013 by the Government on the establishment, organization and operation of Viet Nam Asset Management Company (VAMC) and Decree No. 69/2016/ND-CP dated July 01, 2016 regulating conditions of business and debt trading. At the same time, the SBV issued Circular No. 08/2016/TT-NHNN dated June 16, 2016 amending and supplementing some articles of Circular No. 19/2013/TT-NHNN regulating the trade and treatment of bad debts held by the VAMC; Circular No. 33/2016/TT-NHNN dated December 27, 2016 regulated VAMC's revenue ratios for the NPLs purchased by special bonds; Circular No. 41/2016/TT-NHNN dated December 31, 2016 regulated capital adequacy ratio for banks and foreign bank branches; Circular No. 42/2016/TT-NHNN dated December 31, 2016 regulated the rating of people's credit funds. These are important documents to motivate and encourage credit institutions to sell bad debts to the VAMC at market value; encourage stakeholders to engage in the debt trading market in public, transparent and fair manners, but still ensure strict management of debt.

On the safety of banking operations and the strengthening of cross-ownership control, the SBV issued Circular No. 06/2016/TT-NHNN dated May 27, 2016 amending and supplementing some of articles of the Circular. No. 36/2014/TT-NHNN dated November 20, 2014 regulating limits and prudential ratios in the operation of credit institutions and foreign bank branches; Circular No. 32/2015/TT-NHNN dated December 31, 2015 regulating limits and prudential

ratios in the operation of people's credit funds; and developed a decree regulating the consolidation of the organization and operation of credit institutions under special control.

Implement prudential regulations in accordance with international standards and Basel II requirements

The task of implementation of Basel II was among the key tasks of the banking system as defined in Resolution No. 24/2016/QH14 dated November 08, 2016 of the National Assembly on the Restructuring plan of Economy for the 2016-2020 period. In 2016, in order to implement Basel II, the SBV directed and implemented the following activities: *(i)* Direct commercial banks to carry out Quantitative Impact Assessment (QIS) of the draft circular for the instruction of Basel II following the standardized approach; *(ii)* Study the solution of centralization of database at the CIC to form a financial infrastructure for capital adequacy calculation; *(iii)* Organize specialized training courses (on risk types, internal capital adequacy assessment procedures, stress tests, etc.) for commercial banks and inspectors; *(iv)* Promulgate a circular regulating internal controls and capital adequacy ratios for banks and branches of foreign banks under the Basel II standards as the legal basis for real banks to implement...

Anti-Money laundering

As the role of the standing body of the Anti-Money Laundering Steering Committee as well as Viet Nam's representative at the Asia-Pacific Group on Anti-Money Laundering (APG), the SBV had coordinated with the relevant units, ministries and agencies to implement the National Action Plan on Anti-Money Laundering and Counter Terrorist Financing for the 2015-2020 period, fulfill Viet Nam's membership at the APG, receive a technical assistance from the World Bank in assessing the national risk of money laundering and terrorist financing. In 2016, the SBV received about 1,300 suspicious transaction reports. Based on the analysis outcomes, the

SBV transferred many cases to investigating agencies of the Ministry of Public Security and other competent agencies for handling according to the provisions of law. Besides, the SBV also provided information to domestic and foreign inspection, investigation and prosecution agencies in the process of inspection, investigation, prosecution and trial of money laundering crimes and other related crimes.

In addition, in 2016, the SBV continued to co-operate with Ministry of Finance to sign the Inter-Governmental Agreement on the Foreign Account Tax Compliance Act (FATCA) between the Viet Nam's Government and the US Government, and instruct financial institutions to prepare the report as required by FATCA.

4. Macro-prudential supervision of the financial system

The SBV actively implemented the FSAP recommendations (Post-FSAP Action Plan)

2016 was the third year of the SBV's implementation of the Post-FSAP Action Plan. As the role of the permanent agency of National Steering Committee for FSAP, the SBV had actively urged relevant ministries and agencies to develop and implement the Post-FSAP Action Plan to reform legal environment and supervision framework to ensure effective implementation of the FSAP recommendations in uniform and systematic manners. Based on the monitoring and summarization of the implementation of the detailed Post-FSAP Action Plan by the relevant ministries and agencies, the SBV regularly reported to the National Steering Committee on FSAP every six months. In addition, in 2016, the SBV completed personnel procedures for the National Steering Committee on FSAP.

The SBV enhanced the operation efficiency of the macro-prudential policy framework to prevent systemic risk

On December 31, 2016, the Governor of the SBV signed Decision No. 2563/QĐ-NHNN to issue a Systemic

“

The SBV actively took the action plan to implement the recommendations of the Financial Sector Assessment Program (FSAP), to enhance the operation of the macro-prudential policy framework to prevent systemic risk.

Risk Supervision Regulation to standardize the process of monitoring and supervising systemic risks. At the same time, the roles and responsibilities of each SBV unit in conducting macro-prudential supervision in order to limit and prevent risks and ensure systemic safety. The monitoring, supervision and assessment of systemic risk had been carried out by the SBV on regular and continuous basis through the analysis of macro-prudential indicators (MPIs), quantitative models; completion of reports on system of periodical systemic risk monitoring reports (monthly, quarterly, and annual), sectoral reports (real estate, securities, insurance, bonds, etc), thereby early identifying the potentially systemic risk and providing timely and appropriate policy solutions.

In addition, in order to strengthen the unity in policy regulation and the task of stabilizing the monetary and financial system of the SBV, the Governor of the SBV, on December 20, 2016, signed Decision No. 2471/QD-NHNN established the SBV's Task Force on Monetary and Financial Stability and its assisting group. Accordingly, this Task Force is responsible for advising the Governor on resolving issues related to monetary, financial stability, systemic risk assessment, recommendation of solutions and policies to strengthen financial stability, and the instruction on the preparation and implementation of FSAP Programs.

5. Legal affairs

Law development

In order to further improve institutions for banking operations, the SBV, in 2016, developed and promulgated, according to its competence or submitted to the Government for promulgation, 50 legal documents, including 05 decrees, 44 circulars and 01 joint circular. These documents provided the legal basis for the SBV to carry out the following key tasks: *(i)* Restructuring of credit institutions; *(ii)* Trading and resolution of bad debts



Development and execution of Law continued to be strengthened to improve the legal framework for monetary and banking operations,



of credit institutions, the VAMC; **(iii)** Foreign exchange activities; **(iv)** Payment activity; and **(v)** Supporting credit policies. Additionally, in order to improve the business environment and enhance national competitiveness, the 06 administrative procedures had been reviewed and annulled by the SBV, 10 administrative procedures had been streamlined, and 26 component profiles in the banking sector had been simplified or reduced by the SBV. The development and promulgation of legal documents in 2016 made contribution to improving the legal framework for banking activities in achieving the objectives of controlling inflation, stabilizing the macroeconomy and stabilizing the currency and foreign exchange market as well as improving the SBV's ability to control and supervise the operation of individual credit institution and the stability and safety of the banking system as a whole.

contributing to the transparency of the banking law system.

Enhancement of banking law enforcement

In order to improve the effectiveness of banking law enforcement, in 2016, the SBV focused on the following tasks: **(i)** Communicate and disseminate new legal regulations throughout the banking system; **(ii)** Review legal documents related to business conditions to ensure the compliance with the Law on Investment; review Viet Nam's banking laws against international commitments and treaties which Viet Nam had already participated, trade policies under the WTO, etc.; **(iii)** Implement the Civil Law, the Civil Procedure Law, the Administrative Procedure Law, the Law on Information Access in the banking system; **(iv)** Systematize 1419 legal documents during October 01, 1990 and December 31, 2015 and publish the list of documents including: List of valid legal documents (455 documents), list of legal documents that ceased to be partially effective (105 documents) and the list of invalid legal documents (859 documents) thereby contributing to the transparency of the system of banking law.

6. Cash issue and vault operations

Cash issue and regulation



Drastically implement the issue and vault operations to ensure monetary and system security.

In 2016, the SBV closely monitored the situation to flexibly supply and regulate the cash in line with socio-economic development conditions in different regions and localities; timely meet cash payment demand of the economy, partial excess and shortage was not occurred. Particularly during holidays or Tet festival with highly increasing pressure of cash collection and spending, the SBV actively implemented solutions to ensure smooth cash circulation, among which being no issuance of new low-denomination notes during the Lunar New Year, contributing to the saving of annual money printing expenses; and at the same time, close coordination with relevant authorities to propagate the proper use of low-denomination notes in circulation. In addition, the SBV, in 2016, designed and issued a commemorative currency worth VND 100 for the 65th anniversary of the founding of the Viet Nam's Banking Sector, which received high appreciation from the public and international friends.

Vault safety operation

2016 was the year of strengthening the management of vault safety operation in the whole banking. The SBV strengthened the inspection of vault safety at the State Bank branches and credit institutions in the area to reorganize and instruct units to strictly implement the regulations on vault management regime. On the other hand, the SBV actively researched the cash transaction models of credit institutions in order to promulgate the legal basis for guiding, inspecting and supervising the cash transactions of credit institutions to ensure safe, effective and economical operation.

Counterfeit money prevention and struggling

Counterfeit money prevention and struggling continued to be drastically implemented by the SBV via such measures as professional training for monetary and vault officers, budget controllers, cashiers of the SBV and State Treasury; disseminate and guide people to check

and distinguish real/counterfeit money through mass media. At the same time, the SBV continued to closely coordinate with the relevant agencies in the field of verification and prevention of counterfeit money. Amidst the appearance of new types of counterfeit money, the SBV had promptly studied and analyzed to provide the warnings to support the timely detection and handling by the banking system and the State Treasury.

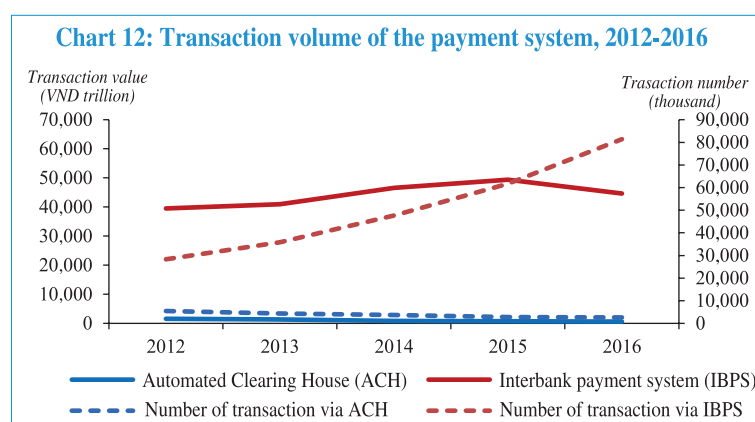
7. Payment

Modernization of payment system

By end-2016, the SBV's Interbank E-Payment System had connected to 322 member units, of which 64 are members of the SBV, 258 are members of 99 credit institutions and foreign bank branches, State Treasury and some other institutions. Total transaction volume through the Interbank E-Payment System in 2016 reached over 81,390 thousand transaction with a total trading value of over VND 44,580 trillion (correlate to the increase of 31.8% in transaction volumes and the decrease of 9.7% in transaction value compared to 2015). As of December 31, 2016, the electronic clearing system had been deployed in 57 provinces and cities with 562 members (reduced by 54 members compared to the end of 2015). Total transactions through the electronic clearing system in 2016 reached over 2,610 thousand transaction with a total value of almost VND 614 trillion (decreased by 5.1% y-y and 11.3% y-y, respectively).

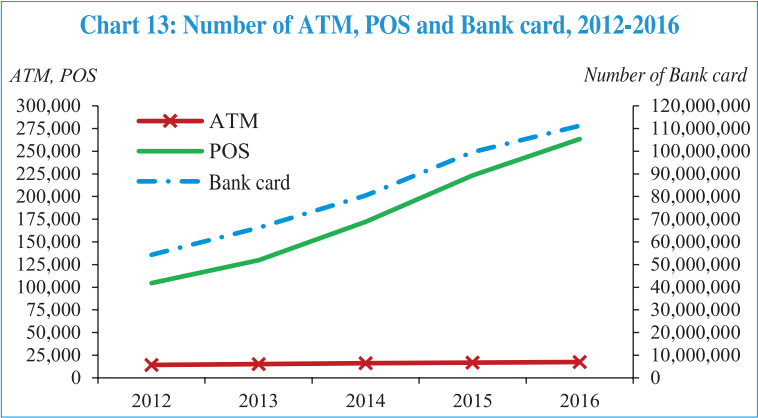
“

There was a continuation in the modernization process, stable, safe and convenient operation of the payment system continued to well meet payment needs of the economy, contributing to speeding up payment.



Source: The State Bank of Viet Nam

The SBV continued to focus on the implementation of tasks set out in the Plan for the Development of an Unified Switching Center such as raising the SBV’s equity in the National Payment Corporation of Viet Nam (NAPAS) upon its merger; developing the Domestic Chip Card Standardization Project; implementing automated clearing house (ACH) in Viet Nam; and expanding the POS network...



Source: The State Bank of Viet Nam

Commercial banks continued to focus on modernization of payment infrastructure with advanced technology with a view to enhancing efficiency and quality. As of end-2016, more than 17,470 ATM and over 263,400 POS were installed (an increase of 3.1% year-over-year and 17.8% year-over-year, respectively); number of cards issued in the country reached 111.2 million (an increase of 11.7% year-over-year). Commercial banks, along with upgrading conventional payment services, also promoted new and modern, safe and convenient payment products and services based on information and telecommunication technologies, thereby better meeting customers’ payment needs and corresponding to regional and global payment trend. At the year-end, 70 commercial banks offered e-payment services and 36 ones offered mobile payment services to individuals and businesses. Besides, commercial banks also developed retail banking services; the number of individual accounts achieved at over 68.6 million (an increase of 14.1% year-over-year).



At the same time, the SBV proceeded to monitor, review and evaluate the implementation of 3 pilot payment models, including the joint projects of Vietcombank and M-services Joint Stock Company; PG Bank and Viet Nam National Petroleum Group (Petrolimex), Military Bank and Viettel. In addition, the SBV granted licenses on payment intermediation service to 11 additional non-bank organizations.

Management of payments and oversight of payment systems

Legal framework for payments continued to be improved to create and facilitate favorable condition for encouraging non-cash payment and to manage cash payment. The SBV developed and submitted to the Prime Minister for issuing the Decree No. 80/2016/ND-CP dated July 01, 2016 for the amendments, supplements of several articles in the Decree No. 101/2012/ND-CP dated November 22, 2016 on non-cash payment; and promulgated 04 circulars on the management, implementation and provision of payment services (namely, Circular 19/2016/TT-NHNN dated June 30, 2016; Circular No. 20/2016/TT-NHNN dated June 30, 2016; Circular No. 30/2016/TT-NHNN dated October 14, 2016; and Circular No. 32/2016/TT-NHNN dated December 26, 2016).

In implementing 2014-2020 Payment System Oversight Strategy in Viet Nam, in 2016, the SBV, in addition to daily oversight of the electronic payment systems, conducted periodic examinations of foreign currency payment systems, securities settlement, strengthened supervision of payment activities to ensure the security and safety of electronic payment and card payment; concurrently expanded oversight scope to cover all payment intermediaries, improved institutional and operational capacity and developed monitoring tools. As planned for 2020, the SBV would complete legal framework and implement a comprehensive oversight of payment system in Viet Nam in line with international practices and Vietnamese circumstances in order to

ensure stability, safety and efficiency of the national payment system as well as payment services, facilities and systems of the economy.

8. Credit Information



There was an increasing effectiveness in operations of Viet Nam's National Credit Information Center, contributing to information transparency and risk prevention in banking activities.

In 2016, there were substantial improvement and expansion in the SBV's credit information activities conducted by the Viet Nam National Credit Information Center (CIC) for the purpose of enhancing credit information transparency and accuracy, aiming at making credit information system a key pillar of the national financial infrastructure, thus positively contributing to the SBV's regulation and bringing about sustainable development of Viet Nam's banking system.

Development of national credit information database

The CIC database continued to be expanded and reinforced through collecting and synchronizing data from credit institutions, people's credit funds and micro-finance institutions, and extended to other sectors' data, too, which contributed to the expansion of credit information coverage. As of end-2016, 100% commercial banks, foreign bank branches, non-bank institutions, 02 micro-finance institutions and over 1,000 people's credit funds joined and provided periodically reports to the CIC. Alongside conventional sources, CIC even collected data from other sector such as the Business Operation Support Center (Ministry of Planning and Investment), 31 volunteered organizations; started the cooperation with the Police Department of Residence Registration, Management and National Residential Database (C72 – Ministry of Public Security) to consolidate identity information of individual clients; signed MOU with iCare Benefits to collect data on financial support service users... At the year end, over 29.7 million borrower profiles were archived in the CIC database, which included information on borrowers' identity, credit contracts, credit relations, collaterals, credit cards, financial statements of borrowers, credit institutions'

investment in corporate bonds, etc., applying advanced solutions and softwares. At the same time, procedures of information collection, report and control were strictly obeyed, meeting update and archiving requirements.

The CIC's provision of information

Credit information activities continued to give positive support to the supervision of credit activities, risk management and protection of banking safety through developing specific services for the SBV's units; designing data inquiry forms in compliance to inspection and supervision purposes; preparing reports on financial and monetary stability, statistics, forecast and high-risk customers which assisted financial institutions' efforts in managing and resolving NPLs. In addition, CIC kept renovating its services; enabling credit institutions to access and tap into its credit reporting system of diverge indicators and templates with sharply dropped fee (30-40%). In 2016, the CIC responded to enquires of over 10 million borrowers, a 27% year-over-year increase. Furthermore, the CIC offered customized batch enquiries suitable for each requests.

Credit rating operation

Table 4: Depth of credit information index 2016

Indicator	Viet Nam	East Asia and Asia Pacific	OECD
Depth of credit information index (grade 0-8)	7.0	4.2	6.5
Credit registry coverage (% of adults)	41.8	14.7	12.1
Credit bureau coverage (% of adults)	14.8	20.7	67.1

Source: The World Bank – Doing Business 2017

In proceeding the success of credit rating system applicable to legal entities in 2015, the CIC started to develop a new credit rating method with the support of foreign credit information organizations in 2016. This laid a foundation for the CIC to develop more products and services to support credit institutions in complying

with Basel II standards according to the State Bank's roadmap. The CIC had completed and put into full operation a new modern information technology system, too, thereby improving data processing capabilities, enhancing automatic provision of information and deployment of other operations. With the positive results achieved, the credit information activities of Viet Nam were highly appreciated by the World Bank. Viet Nam's getting credit index, according to the World Bank's Doing Business 2016, was relatively high, ranked 32 over 190 countries and territories worldwide.

9. Public Communication and Transparency

With the improvement in institutional capacity and closer relationship with press agencies, reporters and credit institutions, the SBV's public communication in 2016 proceeded in proactive, transparent, increasingly professional and effective manners; supporting the SBV's policy management. Thanks to diversified communication means including articles, interviews, reports, press releases, conferences, seminars, events via such traditional channels as the SBV's portal, radio and television system, domestic and foreign media, the SBV's policies and managing directions were timely spread to the public, businesses, domestic and international investors. This, therefore, helped the press, businesses, investors and the public to fully grasp the monetary and banking developments and policies of the SBV, thus building public and investors' confidence in the SBV's and the Government's policies and solutions. In addition, the prestige and image of the banking sector had continuously been enhanced through such social responsibility activities as poverty alleviation, gratitude repayment or mutual affection programs.

“

Public communication continued to be carried out in proactive, transparent, increasingly professional and effective manners, with diverse methods and deeper content, which had been well received domestically and internationally.

Part III –Internal governance

1. Internal Audit

Internal audit and control continued to be effectively implemented by the SBV in line with Circular No. 16/2011/TT-NHNN dated August 17, 2011 of the SBV's Governor. Besides, in meeting requirements of integration and moving toward risk-based audit, the SBV continued to improve operational guidelines as well as procedures and operations related to internal audit and control; gradually move to risk-based internal audit in compliance with international practices; and strengthen the strictness and efficiency of internal control system.

In 2016, the SBV conducted internal audits in 33 units on the topics of financial statement; compliance; capital investment projects; cash issue and vault; IT system management, and periodical audit of the FSMIMS project. Internal audits and control helped the SBV's units to timely identify and fix shortcomings and overcome obstacles in their operations, thus contributing to intensifying management capability to ensure compliance with applicable laws and regulations and protection of the State's assets and capital.

2. Human resources and training

Staff, personnel structure and management

In 2016, the SBV issued several documents to implement staff streamlining policy of the Political Bureau, the Government, the Ministry of Home Affairs, namely the SBV Communist Party Committee's Plan to implement Resolution No. 39-NQ/TW dated April 17, 2015 by Political Bureau on staff streamlining and restructuring, the SBV's Guidelines on Staff Streamlining in the Banking Sector; the SBV's Project on Staff Streamlining for 2015-2021 period"; Guidelines for the SBV's units to develop plan on staff downsizing and refining policy. In general, core tasks on personnel management were expedited to ensure documents to be issued and implemented in line with the procedures,

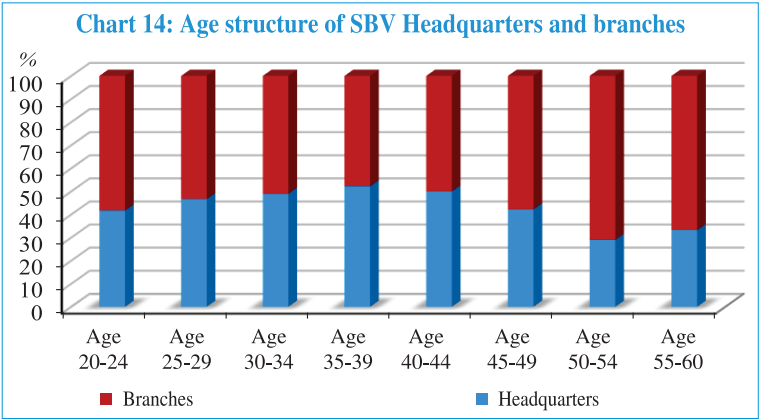
“

Internal audit and control continued to focus on high-risk issues to enhance the quality and safety of the SBV's operation.

“

Staff quality at unit level and training efficiency continued to be improved by the SBV alongside the building of a close linkage between staff training and utilization purposes as well as the movement toward international standards on training activities.

regulations and plans. The following graph shows staff number and age structures of the SBV Headquarters and branches:



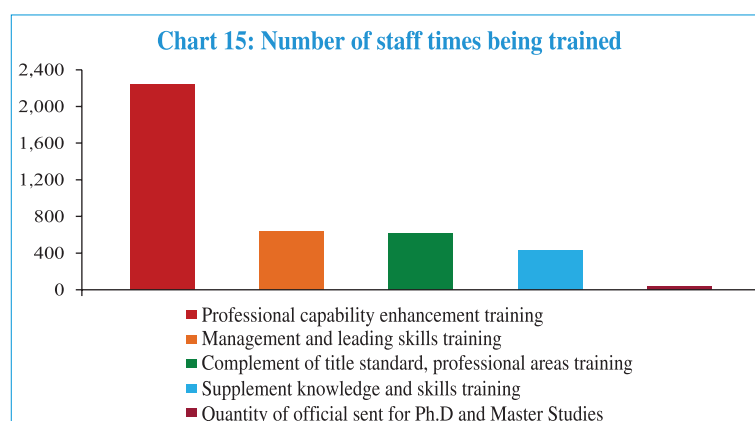
Source: The State Bank of Viet Nam

In addition, staff rotation was enhanced not only in the SBV but also in credit institutions so as to fully tap into the capacity of young employees and create new momentum and break-through factors in fulfilling the banking industry’s tasks. Furthermore, to promote professionalism of each SBV staff and unit, the allocation and employment of both managerial and professional staff was carried out in closely following the functions and duties of relevant units/positions, job requirements, and job structure of the SBV.

Training activities

Training activities closely pursued the target of developing the SBV team as professional civil servants with capacity of formulating and implementing central bank policies in line with international standards and practices; contributing to the effective implementation of the SBV’s state management functions over monetary and banking activities. In 2016, there were 3,965 times that the SBV’s staff were appointed to in-country and abroad graduate courses; training and capacity building courses on various topics; training courses for department-level and division-level managerial staff based on positions and job requirements. Moreover, the SBV also accelerated cooperative activities and mobilization of external

assistance for its training and capacity enhancement activities, reflecting in various programs and projects with such organizations as the IMF, SEACEN, ADB, WB, JICA (Japan), GIZ (Germany), SECO (Switzerland), CIDA (Canada), ATTF (Luxemburg), The Australia Awards Scholarships and central banks of Singapore, Sweden, Thailand, Malaysia, etc. for better meeting integration requirements, enhancing SBV unit's professional knowledge, and updating international standards in training activities. In short, quality of training activities continued to be enhanced, core tasks of training activities were in line with critical mandates of the SBV and the banking sector, closely linking training to planning and employing targets.



Source: The State Bank of Viet Nam

3. Research Activities

In 2016, in the banking sector, 37 scientific and technological research projects at ministerial level and 11 others at unit level were adopted. With the objective of laying theoretical and practical foundations, proactively supporting the SBV's policy regulation and management as well as its capacity of governing credit institutions, and aiming at safe, healthy and sustainable development of the banking system, research assignments mostly focused on the three major topics: *(i)* Improving the effectiveness and efficiency of the SBV's instruction, management and administration during 2016-2020 period; *(ii)* Assessing the performances of credit institutions' restructuring between 2011 and 2015 and issues that need to be

“

The Banking sector's scientific and technological research activities were in line with the objectives and tasks assigned for the sector and brought positive changes and significantly

contributed to theoretical arguments, the SBV's monetary policy regulation and macro management.

addressed for 2016-2020 period; *(iii)* Developing the banking sector and capital markets during 2016-2020 period in sustainable and harmony manners. In addition to annual scientific and technological missions, the SBV carried out many researches as required by the Government, too such as accomplishing the Project “Improving the Accessibility of Banking Services in the Economy”, drafting the Project “Developing Cash-Free Payment for 2016-2020 period”,...

The SBV actively led and coordinated with many agencies within and outside the banking sector in successful organization of significant events relating to banking science and technology such as the “*Responding Week of the International Saving Day in Viet Nam in 2016*”, “*2016 Banking Vietnam*”, Forum “*Electronic Payment in Viet Nam in 2016*”, Seminar “*Digital Banking – Future of the Banking Sector*”. The quality of these events and conferences were improved, current affairs were incorporated in discussions, which were highly appreciated by Vietnamese and international experts, drawing attention from various media and communication bodies. The dissemination of scientific and technological information executed by the SBV was in the heterogeneity of forms and followed the orientation of modernization, which included the publish or issuance of publications, monographs of highly applicable topics, real time update of news and data in relation to banking scientific and technological activities on the SBV website. Particularly, in 2016, The Banking Science and Technology Information Portal was officially launched, facilitating smooth information search and material access, meeting the requirements of national and banking sector’s scientific and technological development.

4. Statistics

In 2016, in addition to strengthening the collection, testing, verification and consolidation of data for completeness, accuracy and timeliness in serving the SBV’s regulation, management and prudential supervision of credit institutions’ operation, SBV placed focus on guidance, solution of issues and inspection

“

There was a continuation in the improvement of

of the implementation of Circular No. 35/2015/TT-NHNN dated December 31, 2015 on the reporting regime applicable to credit institutions, foreign bank branches (Circular 35), hence ensuring that Circular 35's implementation strictly follows the scheduled progresses and there would be hardly deviation from the document. In addition, SBV has completed the statistical reporting regime applicable to line bodies such as SBV's provincial and municipal branches, the VAMC, and specialized credit institutions like Viet Nam Development Bank and microfinance institutions.

Besides, SBV issued a statistical survey program in the monetary and banking sector and a decision to officially launch the Monthly Inflation Expectancy Survey and the Quarterly Business Trend Investigation. The outcomes of the surveys had assisted policymakers to grasp trends and expectations on monetary market and in the banking sector in a timely and thorough manner. In addition, the SBV continued to update and improve the system of database on macroeconomy, international and domestic financial markets; and at the same time, develop and complete the related data warehouse under the FSMIMS Project, applying advanced information technology to exploit and consolidate reports. Such achievements had contributed to the analysis, forecasting, formulation and management of monetary policy of the SBV.

5. Information technology

Strengthening the state management of information technology

In 2016, with the aim at strengthening the state management of information technology and meeting practical requirements, the SBV issued two legal documents: Circular No. 35/2016/TT-NHNN dated December 29, 2016 stipulating the safety and security for the provision of internet banking services; Circular No. 37/2016/TT-NHNN dated December 30, 2016 stipulating the management, operation and use of interbank electronic payment system. At the same time, in order to ensure the common implementation of IT

*the SBV's statistics,
thus better
supporting the
SBV's operation.*

“

*Expanding the
application of
information
technology while
enhancing the
quality, safety and
efficiency of its
exploitation and
usage.*

application, the SBV had developed the Information Technology Application Plan for 2017 and for 2016-2020 period, and updated the E-Government Framework. In addition, the SBV continued to inspect and supervise IT operations through processing and consolidating of reports at 10 credit institutions; specialized examination on security and confidentiality in payment activities at 9 credit institutions. As a result, the SBV had tackled and given recommendations to overcome a number of shortcomings at credit institutions in a timely manner, ensuring data security across the entire industry.

Building data centers in accordance with international standards, step by step standardizing information technology infrastructure

In 2016, the SBV completed the construction of a new data center, the first data center of the banking sector in line with Tier 3 international standard - TIA 942, with the scale of 100 Racks; finalized the deployment of core banking information system, accounting, and budgeting to provide solutions for central bank operations and financial service gateways for credit institutions. Besides, the SBV also completed the construction of a Data Warehouse which facilitates the collection of electronic data from the entire sector for the purpose of the SBV's management and reduces the reporting burden for credit institutions.

Promoting IT application for office work

In 2016, the SBV completed the upgrade of its website in accordance with the standards set for the portal of state agencies at the ministerial and sectoral levels, proactively supporting the communication activities of the SBV; built and put into operation 15 level 3 online public services; centralized the authentication system at the SBV and a secured e-mail system for all SBV staff. As of July 2016, the SBV had successfully implemented the document management and administration system across all staff to exchange documents electronically and link to the Government's document exchange system, which increases the workflow efficiency and reduces operating costs.

Part IV – International cooperation

In 2016, the SBV's international cooperation had been strengthened and expanded, an increasing resource in forms of finance and technical assistance had been mobilized, making positive contribution to Viet Nam's endeavors of macroeconomic stabilization and economic development, thus boosting the integration and raising the SBV's position on international stage.

1. International economic integration

The year 2016 continued to mark the SBV's positive and proactive participation into economic cooperation and integration. The SBV had strengthened the traditional friendship and comprehensive cooperation between Viet Nam and ASEAN, ASEAN+3 and APEC countries via financial and banking cooperation activities and initiatives under the frameworks of ASEAN and ASEAN+3 Finance Ministers' and Central Bank Governors' Process as well as APEC Finance Ministers' Process. Specifically in 2016, Viet Nam successfully accomplished its co-chairmanship of the ASEAN Working Group on Capital Account Liberalization and started to undertake the three-year term of co-chairmanship of the ASEAN Working Group on Banking Integration Framework, sharing with the Philippines, thus contributing to the enhancement of the role and status of Viet Nam in general and the SBV in particular in the regional financial and monetary community.

In addition, the CPV's and the State's policy of proactive participation into bilateral and multilateral FTAs had been actively executed by the SBV on selective basis, making contribution to the fulfillment of socio economic development objectives. In 2016, as the Leader of the Financial Services Team, the SBV, in coordination with the Ministry of Finance and other relevant ministries and agencies, had joined negotiations of Viet Nam-EU FTA (VEFTA), Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP) between the ASEAN and its partners, Viet Nam-Israel FTA (VIFTA); and at the same time, implemented signed FTAs such as Viet Nam-Korea FTA (VKFTA).

“

*Broader and deeper
integration into
regional and global
economy.*

2. Cooperation with international financial institutions



Enhancing the role and position at international financial institutions and advancing the enrolment to regional and global financial institutions.

The SBV continued to well undertake the role of Viet Nam's representative at international financial institutions through the preservation and expansion of its cooperation with International Monetary Fund (IMF), World Bank Group (WB), Asian Development Bank (ADB), Asian Infrastructure Investment Bank (AIIB), International Bank for Economic Cooperation (IBEC), International Investment Bank (IIB), and others, hence consolidating the relationship with these institutions and effectively tapping into their assistances given to Viet Nam in general and the SBV in particular.

Cooperation had been strengthened on all perspectives, including the fulfillment of Viet Nam's membership, policy dialogue, advice, training and technical assistance activities. Training and technical assistance programs had focused on finance, monetary and banking sectors, introduced many international standards and practices for creating a breakthrough improvement in the SBV's policy making methodology, and at the same time, building the SBV's capacity in implementing the 2016–2020 Restructuring Masterplan of the Banking System and developing a national strategy on financial inclusion. Besides, the SBV had made proposal to the WB to develop a plan for supporting Viet Nam during the interim period toward “IDA graduation” in the most favorable way.

In 2016, the SBV negotiated and signed with the WB financing agreements for 10 projects/programs of almost USD 2.2 billion in value, raising the number of projects/programs signed with the WB as of end-2016 to 165 with aggregate value of USD 23 billion. It also negotiated and signed with the ADB financing agreements for 05 projects/programs of USD 520 million in value, increasing the number of projects/programs signed with the ADB as of end-2016 to 164 with aggregate value of over USD 15.5 billion. The WB's and the ADB's assistances were directed to such key industries as agriculture, energy,

urban development, climate change, education, etc. making breakthroughs and contributing to socio-economic development as well as industrialization and modernization processes. In addition, the SBV actively led and coordinated with relevant parties in coping with issues emerged from the development of projects/ programs financed by the WB, the ADB for tapping into as much their resources as possible.

Regarding relations with the IIB, the IBEC, in representing the Government at the two institutions, the SBV continued to fully and effectively accomplish the rights and obligations of a member country, and kept strengthening the cooperation between Viet Nam and the two Banks. Particularly as for the IIB, 2016 was a cornerstone since the Bank set to establish a new legal framework for its organizational structure and governance and pushed up the cooperation with member countries. Accordingly, the SBV positively participated into the development of the IIB's new legal documents as well as its 5-years strategy with the vision for the next 15 years.

In 2016, the AIIB officially came into operation. As a founding member, Viet Nam positively and proactively joined the establishment of policy and operational frameworks of the AIIB, contributing to the enhancement of Viet Nam's role and position on international stage. Besides, in order to set the pavement for broader and deeper integration into regional and global financial institutions, the SBV developed the Masterplan titled "Promote the Integration into Global and Regional Financial-Monetary-Banking Institutions as of 2020 and Vision to 2030" for making a fundamental change of the role of Viet Nam in those institutions.

3. Bilateral cooperation

The SBV continued to consolidate and push up bilateral cooperation with current as well as new partners from different regions in deep, substantial and effective manners, hence making contribution to facilitating

“

*Positively
strengthening*

bilateral cooperation in the manner of further deepening current relations and expanding relationship to partners at almost all continentals.

overseas banking and investment activities as well as attracting foreign investment to Viet Nam. In particular, the SBV continued to join and implement cooperation arrangements and initiatives with such traditional partners as Laos, Japan, Russia, China, Korea, etc.

The SBV proactively carried out policy dialogues with Banking Working Group under Viet Nam Business Forum (VBF), Viet Nam – Japan joint Initiative, etc. for grasping difficulties and obstacles faced with credit institutions as well as foreign enterprises in a timely manner, then, introducing, accordingly, corresponding responding solutions, improving policy and management frameworks in the banking sector in matching international standards, contributing to build a sound and fair business environment and attracting foreign investment. Besides, promotion and bilateral meetings with foreign investors and international financial and monetary institutions had been boosted, too, contributing to timely dissemination of information about the SBV's policy to potential foreign investors.

In 2016, the SBV continued to mobilize and carry out projects and technical assistances provided by such bilateral partners as Japan International Cooperation Agency (JICA), Global Affairs Canada (GAC), State Secretariat for Economic Affairs (Switzerland) as well as other central banks and monetary authorities on schedule in serving the restructuring of the banking system and capacity building for the SBV in many fields such as monetary policy management, forecasting and statistics, FX management, banking supervision and inspection, NPL resolution, issue and vault, etc. Such projects and cooperation activities had made contribution to meeting the SBV's demand for capacity building as well as banking restructuring and development in line with the development strategy of Viet Nam's banking sector.

APPENDIX

APPENDIX 1: INTEREST RATES ANNOUNCED BY THE SBV

Unit: % per annum

Time	Refinancing rate	Rediscounted rate	Overnight interbank lending rate
December 2015	6.5	4.5	7.5
January 2016	6.5	4.5	7.5
February 2016	6.5	4.5	7.5
March 2016	6.5	4.5	7.5
April 2016	6.5	4.5	7.5
May 2016	6.5	4.5	7.5
June 2016	6.5	4.5	7.5
July 2016	6.5	4.5	7.5
August 2016	6.5	4.5	7.5
September 2016	6.5	4.5	7.5
October 2016	6.5	4.5	7.5
November 2016	6.5	4.5	7.5
December 2016	6.5	4.5	7.5

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 2: OPEN MARKET OPERATIONS

Bid	2016
Number of sessions	260
Maturity (days)	7; 14; 21; 28; 42; 56
Number of Bidders	519
Average bid volume per session (VND billion)	1,434
Average success volume per session (VND billion)	1,413
Interest rate (% per annum)	5.0
Bidding method	Volume
Ask	2016
Number of sessions	99
Maturity (days)	7; 14; 28
Number of Bidders	622
Average bid volume per session (VND billion)	13,395
Average success volume per session (VND billion)	7,299
Interest rate (% per annum)	0.3-2.75
Bidding method	Volume; Interest

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 3: REQUIRED RESERVE RATIO

Unit: %

Effective time	VND DEPOSITS (*)		FOREIGN CURRENCY DEPOSITS			
	Deposits of customer, State Treasury, issuance of valuable papers		Deposits of customer, State Treasury, issuance of valuable papers			
	Demand and less than 12 month deposits		Demand and less than 12 month deposits		12 month and up deposits	
			State-owned commercial banks (except VBARD), urban joint stock commercial banks, foreign bank branches, joint venture banks, financial companies, financial leasing companies	Viet Nam banks for Agriculture and Rural Development (VBARD), rural joint stock commercial banks, Central People's Credit Fund, Cooperative banks	State-owned commercial banks (except VBARD), urban joint stock commercial banks, foreign bank branches, joint venture banks, financial companies, financial leasing companies	Viet Nam banks for Agriculture and Rural Development, rural joint stock commercial banks, Central People's Credit Fund, Cooperative banks
		12 month and up deposits				Deposits of credit institutions abroad
May 2011	3	1	6	5	4	3
June 2011	3	1	7	6	5	4
September 2011 (**)	3	1	8	7	6	1

(*) Required reserves ratio for Credit Institutions (CIs) having more than 40% of loans outstanding to agriculture and rural development is lower than the normal required reserves as regulated in Circular No. 20/2010/TT-NHNN dated September 29, 2010 of the SBV guiding on the implementation of measures on operating policy tools to support CIs' lending to agriculture and rural areas.

(**) Deposits of overseas CIs must comply with regular required reserves requirements according to Circular No. 27/2011/TT-NHNN dated August 31, 2011 of the SBV which amends and supplements some Articles on applying credit institutions' required reserve ratio to foreign exchange deposits of overseas credit institutions, and is enclosed with Decision No. 581/2003/QĐ-NHNN dated June 09, 2003 of the SBV's Governor.

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 4: BALANCE OF PAYMENT

Unit: USD Million

	2015	2016
A. CURRENT ACCOUNT	-353	8,235
Goods: Export F.O.B	162,017	176,632
Goods: Import F.O.B	154,642	162,619
<i>Goods (net)</i>	7,375	14,013
Services: Export	11,250	12,250
Services: Import	16,500	17,650
<i>Services (net)</i>	-5,250	-5,400
Investment income (Primary income): Receipts	399	572
Investment income (Primary income): Payment	10,378	8,935
<i>Investment income (Primary income) (net)</i>	-9,979	-8,363
Current transfers (Secondary income): Receipts	8,586	9,125
Current transfers (Secondary income): Payment	1,085	1,140
<i>Current transfers (Secondary income) (net)</i>	7,501	7,985
B. CAPITAL ACCOUNT	0	0
Capital account: Receipts	0	0
Capital account: Payment	0	0
C. FINANCIAL ACCOUNT	967	10,957
Direct Investment Abroad: Assets	-1,100	-1,000
Direct Investment in Viet Nam: Liabilities	11,800	12,600
<i>Direct Investment (net)</i>	10,700	11,600
Portfolio Investment Abroad: Assets	0	180
Portfolio Investment in Viet Nam: Liabilities	-65	48
<i>Portfolio Investment (net)</i>	-65	228
Other Investment: Assets	-14,412	-5,149
Cash and deposit	-14,359	-5,230
Credit Institutions	-4,630	2,056
Other sectors	-9,729	-7,286
Loans	0	0
Trade credit and advances	0	0
Other receivables/payables	-53	81
Other Investment: Liabilities	4,744	4,279
Cash and deposit	-662	1,411
Borrowing and repayment of foreign debts	5,406	2,868
Short term	790	-566
Debt	15,024	24,759
Amortization	-14,234	-25,325
Long term	4,616	3,434
Debt	9,830	8,438
Government's debt	4,101	3,717
Private debt	5,729	4,721
Amortization	-5,214	-5,004
Repayment of Government	-985	-925
Repayment of Privatization	-4,229	-4,079
<i>Other Investment (net)</i>	-9,668	-871
D. ERRORS AND OMISSIONS	-6,645	-10,802
E. OVERALL BALANCE	-6,032	8,390
F. RESERVES AND OTHER ITEMS	6,032	-8,390
Reserves Assets	6,032	-8,390
Claims on and borrow from the IMF	0	0
Special Finance	0	0

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 5: USD/VND EXCHANGE RATE

Unit: USD/VND

2016	Exchange Rate end-month			Average Exchange Rate in the month		
	Central reference Rate	Average Rate of Vietcombank		Central reference Rate	Average Rate of Vietcombank	
		Buying	Selling		Buying	Selling
January	21,881	22,165	22,235	21,905	22,362	22,432
February	21,914	22,265	22,335	21,889	22,300	22,370
March	21,857	22,225	22,325	21,875	22,264	22,333
April	21,842	22,250	22,320	21,853	22,258	22,328
May	21,939	22,365	22,435	21,888	22,283	22,353
June	21,873	22,270	22,340	22,881	22,299	22,369
July	21,862	22,260	22,330	22,871	22,261	22,331
August	21,921	22,265	22,335	22,860	22,261	22,331
September	21,949	22,265	22,335	21,941	22,266	22,336
October	22,039	22,285	22,355	22,003	22,276	22,346
November	22,118	22,620	22,700	22,078	22,423	22,503
December	22,159	22,715	22,785	22,138	22,677	22,751

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 6: DOMESTIC GOLD PRICES

Unit: Million VND/tael

2016	Gold Price end-month	Average Gold Price in the month
January	32.86	32.90
February	33.53	33.41
March	33.29	33.65
April	33.77	33.35
May	33.33	33.86
June	35.20	34.23
July	36.53	36.90
August	36.35	36.66
September	36.11	36.28
October	35.80	35.69
November	35.79	36.09
December	36.41	36.36

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 7: CONSUMER PRICE INDEX

Unit: %

Year	Time	January	February	March	April	May	June	July	August	September	October	November	December
2011	Year to date	1.74	3.87	6.12	9.64	12.07	13.29	14.61	15.68	16.63	17.05	17.50	18.13
	Month on month	1.74	2.09	2.17	3.32	2.21	1.09	1.17	0.93	0.82	0.36	0.39	0.53
	Year on year	12.17	12.31	13.89	17.51	19.78	20.82	22.16	23.02	22.42	21.59	19.83	18.13
2012	Year to date	1.00	2.38	2.55	2.60	2.78	2.52	2.22	2.86	5.13	6.02	6.52	6.81
	Month on month	1.00	1.37	0.16	0.05	0.18	-0.26	-0.29	0.63	2.20	0.85	0.47	0.27
	Year on year	17.27	16.44	14.15	10.54	8.34	6.90	5.35	5.04	6.48	7.00	7.08	6.81
2013	Year to date	1.25	2.59	2.39	2.41	2.35	2.40	2.68	3.53	4.63	5.14	5.50	6.04
	Month on month	1.25	1.32	-0.19	0.02	-0.06	0.05	0.27	0.83	1.06	0.49	0.34	0.51
	Year on year	7.07	7.02	6.64	6.61	6.36	6.69	7.29	7.50	6.30	5.92	5.78	6.04
2014	Year to date	0.69	1.24	0.80	0.88	1.08	1.38	1.62	1.84	2.25	2.36	2.08	1.84
	Month on month	0.69	0.55	-0.44	0.08	0.20	0.30	0.23	0.22	0.40	0.11	-0.27	-0.24
	Year on year	5.45	4.65	4.39	4.45	4.72	4.98	4.94	4.31	3.62	3.23	2.60	1.84
2015	Year to date	-0.20	-0.25	-0.10	0.04	0.20	0.55	0.68	0.61	0.40	0.51	0.58	0.60
	Month on month	-0.20	-0.05	0.15	0.14	0.16	0.35	0.13	-0.07	-0.21	0.11	0.07	0.02
	Year on year	0.94	0.34	0.93	0.99	0.95	1.00	0.90	0.61	0.00	0.00	0.34	0.60
2016	Year to date	0.00	0.42	0.99	1.33	1.88	2.35	2.48	2.58	3.14	4.00	4.50	4.74
	Month on month	0.00	0.42	0.57	0.33	0.54	0.46	0.13	0.10	0.54	0.83	0.48	0.23
	Year on year	0.80	1.27	1.69	1.89	2.28	2.40	2.39	2.57	3.34	4.09	4.52	4.74

Source: General Statistics Office

APPENDIX 8: MONETARY AND CREDIT INDICATORS

Items	2015	Q1/2016	Q2/2016	Q3/2016	Q4/2016
Closing balance (VND billion)					
1. Total liquidity	6,019,609	6,267,958	6,592,394	6,829,893	7,125,801
2. Deposit of resident economic entities and individuals	5,293,050	5,491,852	5,828,276	6,038,141	6,274,360
3. Claims to the economy	4,655,891	4,797,203	5,037,936	5,198,026	5,505,406
Annual growth rate %					
1. Total liquidity	16.23	4.13	9.52	13.46	18.38
2. Deposit of resident economic entities and individuals	16.22	3.76	10.11	14.08	18.54
3. Claims to the economy	17.26	3.04	8.21	11.64	18.25

Source: The State Bank of Viet Nam

Note: Credit to the economy = credit outstanding + enterprise bond investment + trusted investment.

APPENDIX 9: GROSS DOMESTIC PRODUCT

Year	GDP at Current Price (VND billion)	GDP Growth* (%)	GDP Per Capita (VND thousand)
2008	1,616,047	5.66	18,986
2009	1,809,149	5.40	21,031
2010	2,157,828	6.42	24,818
2011	2,779,880	6.24	31,647
2012	3,245,419	5.25	36,544
2013	3,584,262	5.42	39,932
2014	3,937,856	5.98	43,402
2015	4,192,862	6.68	45,717
2016	4,502,733	6.21	48,576

Source: General Statistics Office

Note: * Compared to 2010 price

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

TRẦN CHÍ ĐẠT

Chịu trách nhiệm nội dung

Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập

NGÔ THỊ MỸ HẠNH

Biên tập: NGUYỄN LONG BIÊN

NGUYỄN THỌ VIỆT

Thiết kế: NGUYỄN MẠNH HOÀNG

TRẦN HỒNG MINH

Publishing responsibility

Director - Editor-in-Chief

TRAN CHI DAT

Contents responsibility

Deputy Director - Deputy Editor-in-Chief

NGO THI MY HANH

Editors: NGUYEN LONG BIEN

NGUYEN THO VIET

Designer: NGUYEN MANH HOANG

TRAN HONG MINH

In 415 cuốn, khổ 20,5 x 29 cm, tại Công ty TNHH In và Dịch vụ
Thương mại Phú Thịnh
Địa chỉ: Lô B2-2-5-KCN Nam Thăng Long, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Xác nhận đăng ký xuất bản số: 4382-2017/CXBIPH/1-185/TTTT
Quyết định xuất bản số: 511/QĐ-NXB TTTT ngày 08/12/2017
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2017.
Mã số: KK 109 HM 17 ISBN: 978-604-80-2843-5

Printed 415 copies, size 20.5 x 29 cm, at Phu Thinh Printing and
Service Trading Co., Ltd
Add: B2-2-5 Nam Thang Long Industrial zone, Bac Tu Liem District,
Ha Noi City
Publishing Plan: No. 4382-2017/CXBIPH/1-185/TTTT
Publishing Decision: No. 511/QD-NXB TTTT dated 08/12/2017
Completed and Registered in December 2017.
Code No.: KK 109 HM 17 ISBN: 978-604-80-2843-5